

MASAN
RESOURCES



ĐỘNG LỰC THAY ĐỔI NỀN CÔNG NGHIỆP TOÀN CẦU

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

MỤC LỤC

- 12 Thông điệp từ Ban điều hành
- 17 Dấu ấn 2017

01 THÔNG TIN CHUNG

- 24 Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh
- 25 Hồ sơ Công ty
- 26 Nền tảng vững chắc
- 28 Phục vụ khách hàng toàn cầu
- 32 Danh mục sản phẩm
- 36 Quy trình sản xuất vonfram
- 38 Thông tin cổ đông

02 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- 44 Mục tiêu phát triển Công ty
- 45 Mục tiêu phát triển xã hội
- 46 Chiến lược thực thi
- 47 Đánh giá chiến lược thực thi

03 CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

- 50 Cơ cấu tổ chức
- 56 Cơ cấu quản lý
- 56 *Hội đồng Quản trị*
- 57 *Đội ngũ Quản lý*
- 62 *Ban Kiểm soát*
- 63 *Ủy ban Phát triển Bền vững*
- 63 *Ủy ban Quản lý Rủi ro*

04 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 66 Báo cáo Định hướng Kinh doanh
- 70 Báo cáo Đánh giá của Ban Giám đốc
- 72 Báo cáo Đánh giá của Hội đồng Quản trị
- 74 Báo cáo Đánh giá của Ban Kiểm soát
- 78 Báo cáo Quản trị Công ty
- 84 Báo cáo Quản lý Nhân sự
- 90 Báo cáo Quản lý Rủi ro

05 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 96 Phát triển bền vững quan trọng đối với tương lai
- 99 Nền tảng tri thức vững chắc
- 100 Tôn trọng nhân quyền
- 102 Quan tâm hệ sinh thái
- 104 Lan tỏa các mô hình phát triển bền vững

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 110 Thông tin về Công ty
- 111 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 112 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 113 Bảng cân đối kế toán
- 117 Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh
- 119 Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
- 122 Thuyết minh Báo cáo tài chính

160 | Các từ viết tắt / Định nghĩa



ĐỘNG LỰC THAY ĐỔI NỀN CÔNG NGHIỆP TOÀN CẦU

SỞ HỮU SẢN PHẨM
CÓ NGUỒN CUNG HẠN CHẾ
TRÊN THỊ TRƯỜNG

LƯỢNG ĐƠN HÀNG LỚN
TỪ KHÁCH HÀNG MỚI

THƯƠNG HIỆU
CÓ TẦM ẢNH HƯỞNG
TOÀN CẦU

GIÁ VONFRAM TĂNG

ĐỘNG LỰC THAY ĐỔI NỀN CÔNG NGHIỆP TOÀN CẦU

SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CAO
KHÔNG DỄ THAY THẾ

NGUỒN NHÂN LỰC
CÓ KINH NGHIỆM XUẤT SẮC
TRONG NGÀNH KHAI THÁC
CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN,
KIM LOẠI VÀ HÓA CHẤT

NHÀ SẢN XUẤT QUY MÔ LỚN
CÓ CHI PHÍ THẤP

ĐẦU TƯ NGUỒN LỰC
CHO SẢN PHẨM GIÁ TRỊ GIA TĂNG
DÒNG CAO CẤP

ĐỘNG LỰC THAY ĐỔI NỀN CÔNG NGHIỆP TOÀN CẦU

HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT
VỚI CÁC BÊN MINH BẠCH
VÀ ĐÁNG TIN CẬY

DÒNG SẢN PHẨM THIẾT YẾU
CHO THẾ HỆ
CÔNG NGHỆ MỚI
PHỤC VỤ CON NGƯỜI

TUÂN THỦ ĐÚNG
CÁC TIÊU CHUẨN
VỀ MÔI TRƯỜNG
VÀ HỢN NỮA

HÌNH MẪU
TRONG PHỤC HỒI KINH TẾ,
VÀ THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI
CỦA DOANH NGHIỆP

THÔNG ĐIỆP TỪ BAN ĐIỀU HÀNH

Kính thưa các Quý Cổ đông
Thưa toàn thể Quý vị,

Với niềm tự hào, tôi trân trọng giới thiệu đến quý vị bản Báo cáo Thường niên lần thứ 3 của Công ty Cổ phần Tài Nguyên Masan (“Công ty”, “MSR” hoặc “Masan Resources”): đây cũng là dấu ấn về những thành tựu chúng tôi đã đạt được nhờ tinh thần làm việc cùng nhau để mang lại một năm 2017 thành công rực rỡ.

Cách đây vài năm, chúng tôi khởi động dự án với Tầm nhìn là “Xây dựng Masan Resources trở thành Nhà sản xuất Hàng đầu có khả năng dẫn dắt sự thay đổi Thị trường Vonfram Toàn cầu”. Mười hai tháng vừa qua đã chứng kiến những thành quả thực sự kết tinh từ công sức và nỗ lực bên nhau của chúng tôi trong suốt bảy năm qua để hiện thực hóa Tầm nhìn này. Cho tới ngày hôm nay chúng tôi đang trên lộ trình chiến lược được vạch ra trong năm 2016 để biến Masan Resources thành một nhà sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng dòng cao cấp.

Thương hiệu Việt Nam có tầm ảnh hưởng toàn cầu và trong ngành công nghiệp Vonfram

Hiện nay, chúng tôi là nhà cung cấp vonfram thiết yếu đối với tất cả các công ty hàng đầu thế giới trong ngành công nghiệp vonfram (và florit). Riêng đối với mặt hàng vonfram, chúng tôi là nhà sản xuất có tầm ảnh hưởng toàn cầu và đã tạo nên thương hiệu có tầm ảnh hưởng toàn cầu đầu tiên của Việt Nam trong lĩnh vực này. Các sản phẩm bột kim loại công nghiệp của Công ty: Muối Ammonium Paratungstate (APT), Ôxít Vonfram xanh (BTO), Ôxít Vonfram vàng (YTO), Bismut Xi măng, Florit cấp axit đều là những vật liệu thiết yếu đối với sự Đổi mới của nền Công nghiệp Toàn cầu. Gần đây, tất cả các sản phẩm này đều có tên trong danh mục các vật liệu thiết yếu đối với sáng tạo và phát triển trong công nghiệp của Chính phủ Hoa Kỳ.

Đối với trong nước, Masan Resources được Vietnam Report và VietnamNet đánh giá là Công ty có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất năm 2017. Tuy nhiên, tất cả mới chỉ bắt đầu, chúng tôi mới chỉ đang xây dựng nền tảng cho hoạt động kinh doanh và vẫn còn rất nhiều tiềm năng để tiếp tục phát triển hơn nữa.

Để làm được điều này, chúng tôi cần nỗ lực chinh phục vị trí cao hơn trên đường cong giá trị gia tăng, cải tiến sản xuất, làm chủ công nghệ sản xuất sản phẩm dòng cao cấp, đồng thời sáng tạo để sản xuất những sản phẩm giá trị gia tăng dòng cao cấp độc nhất và không thể thay thế. Trong vòng bảy năm qua, chúng tôi đã chuyển mình lần lượt từ một công ty thăm dò, phát triển dự án, và khai thác mỏ, thành một trong những nhà cung cấp bột kim loại thiết yếu cho các nhà sản xuất công nghiệp tầm cỡ toàn cầu, và với viễn cảnh 2018 sẽ còn phát triển mạnh mẽ hơn rất nhiều.

Doanh thu thuần và EBITDA tăng mạnh

Năm 2017, Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 5.405 tỷ đồng, tăng 33,5% so với doanh thu thuần đạt được năm 2016. Sản phẩm chính vonfram và florit – bao gồm Muối Ammonium Paratungstate, Ôxít Vonfram xanh, Ôxít Vonfram vàng, và Florit cấp axit tăng lần lượt 7,1% và 6,3%. Các sản phẩm khác bao gồm Bismut (tăng 22%) và Đồng (tăng 4,6%) đều bán chạy.

Doanh thu đạt được là nhờ nhu cầu lớn về dòng sản phẩm cao cấp từ các khu vực tiêu thụ cuối cùng trong các ngành sản xuất công nghiệp, vận tải, hạ tầng và dầu khí trên toàn cầu. Chính nhu cầu lớn này đã đẩy giá bình quân trong năm tăng lần lượt 30%, 33%, 27% and 12% đối với Vonfram, Florit, Đồng và Bismut.

Doanh thu tổng thể của các sản phẩm trên thể hiện sự nâng tầm thương hiệu và vị thế dẫn đầu của chúng tôi về chất lượng sản phẩm. Chúng tôi tiếp tục nhận được ngày càng nhiều đơn đặt hàng trong suốt cả năm 2017, và hiện nay có số lượng đơn đặt hàng nhiều hơn đáng kể so với cùng kỳ năm trước đối với tất cả các sản phẩm, điều này minh chứng cho bước tiến triển trong kế hoạch của chúng tôi đặt ra mức giá cao cho các sản phẩm ngày càng cao cấp của Công ty.

Sản xuất ổn định với chi phí thấp nhất

Masan Resources đã đạt kỷ lục đối với cấp liệu đầu vào đạt 3,89 triệu tấn, tăng 7,1% so với kỷ lục đạt được năm ngoái. Chúng tôi tiếp tục tập trung vào đầu tư và sử dụng các nguồn vốn cho phát triển để đảm bảo hoạt động sản xuất được duy trì ở mức chi phí thấp nhất.

Tiếp tục phát triển định hướng nhất quán đối với môi trường sinh thái

Chúng tôi mong muốn Quý vị giành thời gian đọc cuốn Báo cáo Phát triển Bền vững của Công ty, trong đó có trình bày nội dung chi tiết về những hoạt động của chúng tôi trên các lĩnh vực về con người, cộng đồng, môi trường, sức khỏe, an toàn và an ninh. Điều đáng tiếc đối với chúng tôi là trong sáu tháng đầu năm Công ty có xảy ra ba tai nạn gây mất ngày công lao động. Chúng tôi đã nhanh chóng khắc phục các sự cố này và không để xảy ra thêm sự cố nào trong sáu tháng cuối năm. Cho dù những tai nạn gây mất ngày công trên đã kết thúc kỷ lục ba năm liên tiếp về an toàn của Công ty, nhưng chúng tôi đã rút kinh nghiệm từ các tai nạn trên và đã có các biện pháp cải tiến các hệ thống và qui trình an toàn.

Chúng tôi cũng thực hiện nâng cao tính minh bạch về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đối với các cơ quan quản lý nhà nước và người dân. Trong năm 2018, Công ty sẽ hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc nước tự động tại các điểm xả thải để truyền tải



trực tiếp dữ liệu thực tế tới các cơ quan chức năng. Công ty cũng sẽ thực hiện lắp đặt máy phân tích khí ga tự động vào đầu năm 2018. Việc trang bị các thiết bị trên sẽ giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước cũng như người dân tin tưởng vào cam kết và việc thực thi các tiêu chuẩn về môi trường của Masan Resources. Chúng tôi coi đây là khâu quan trọng để đảm bảo nhận được sự tin cậy của cộng đồng vào những gì chúng tôi làm.

Cuối năm vừa qua, Nhà máy chế biến sâu Hóa chất Vonfram của chúng tôi bắt đầu quá trình tái chứng nhận theo chu kỳ 3 năm về việc tuân thủ các tiêu chuẩn của Quy trình Đảm bảo Chế biến Khoáng Sản Có Trách nhiệm (tiền thân là Chương trình Sáng kiến Chế biến Khoáng sản Không Phục vụ xung đột vũ trang). Quá trình này dự kiến hoàn thành vào Quý II năm 2018.

Một năm của tình bằng hữu và sẻ chia

Những nỗ lực trong hoạt động từ thiện của Công ty đã đến được với hàng nghìn trẻ em và các gia đình chịu ảnh hưởng lũ lụt tại các khu vực miền núi xa xôi của tỉnh Yên Bái và Sơn La. Ngân hàng máu của tỉnh Thái Nguyên tiếp tục ghi nhận sự cống hiến của cán bộ công nhân viên Công ty trong ngày hội hiến máu được tổ chức hàng năm. Trong năm 2017, trên 300 người dân trong cộng đồng địa phương đã được đội ngũ bác sỹ của Công ty khám sức khỏe, một số người dân sau đó được phát thuốc miễn phí để điều trị bệnh. Masan Resources cũng thực hiện các chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường giúp cho nhiều

gia đình được cung cấp nước uống an toàn và hợp vệ sinh; đồng thời hàng trăm công trình vệ sinh đạt chuẩn cũng đã được xây dựng trong khuôn khổ các chương trình phát triển cộng đồng của Công ty.

Năm 2018 dự kiến sẽ là năm tiếp nối thành công trên nền tảng vững chắc mà Công ty đã xây dựng trong năm 2017. Chúng tôi kỳ vọng tiếp tục củng cố vị thế của chúng tôi trên thị trường công nghiệp Vonfram cũng như vị thế của một công ty có thể dẫn dắt sự thay đổi của ngành Vonfram toàn cầu. Khi tiếp tục tập trung vào nâng cao chất lượng các sản phẩm, chúng tôi hướng tới đẩy mạnh giá trị thiết yếu của các sản phẩm của Công ty đối với khách hàng để dẫn dắt sự đổi mới và tăng trưởng của nền công nghiệp toàn cầu.

Một lần nữa, tôi xin cảm ơn các đối tác, khách hàng và các cổ đông của Công ty đã tin tưởng và đồng hành với Masan Resources trong suốt thời gian qua.

CRAIG RICHARD BRADSHAW
Tổng Giám đốc

TẦM NHÌN

KIẾN TẠO MASAN RESOURCES THÀNH MỘT CÔNG TY TÀI NGUYÊN HÀNG ĐẦU CÓ KHẢ NĂNG DẪN ĐẦU SỰ THAY ĐỔI THỊ TRƯỜNG VONFRAM TOÀN CẦU.



SỨ MỆNH

TRÊN CƠ SỞ THỰC HÀNH CÁC TIÊU CHUẨN TỐT NHẤT THẾ GIỚI, MASAN RESOURCES KHÔNG NGỪNG TĂNG TRƯỞNG VÀ MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VỚI MỤC ĐÍCH GIA TĂNG GIÁ TRỊ VỐN GÓP CỦA CỔ ĐÔNG. CHÚNG TÔI ĐÃ QUY TỤ MỘT ĐỘI NGŨ CÁC CHUYÊN GIA ĐẲNG CẤP THẾ GIỚI DÀY KINH NGHIỆM LÀM VIỆC TRONG MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC, NHỮNG NGƯỜI ĐAM MÊ CHÚNG TỎ VỚI THẾ GIỚI RẰNG MỘT CÔNG TY VIỆT NAM CÓ THỂ DẪN ĐẦU SỰ THAY ĐỔI CỦA THỊ TRƯỜNG VONFRAM TOÀN CẦU.





DẤU ẤN NĂM 2017

LỢI NHUẬN THUẦN
PHÂN BỐ CHO CỔ ĐÔNG
TĂNG 88,0%

TÀI CHÍNH

Doanh thu tiền mặt thuần tăng 33,5% - Công ty đạt mức doanh thu kỷ lục 5.405 tỷ VND trong năm tài chính 2017 so với 4.049 tỷ VND của cùng kỳ năm ngoái. Giá các sản phẩm chính của MSR tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá vonfram và florit tham chiếu cùng đạt mức tăng hàng năm trên 30%.

EBITDA đạt 2.784 tỷ VND - EBITDA của Công ty tăng 35,5% so với cùng kỳ năm ngoái và biên lợi nhuận EBITDA chưa bao gồm gói hỗ trợ tài chính một lần tăng 4,9% nhờ những sáng kiến tiết kiệm chi phí và cải tiến nâng cao hiệu suất của Công ty. Nhờ việc tập trung vào hiệu suất đã đem lại thời gian chạy máy và lượng cấp liệu máy nghiền cao hơn mức thiết kế dự kiến, trong khi việc nâng cấp tư liệu sản xuất đã giúp tỷ lệ thu hồi vonfram và florit tăng cao, và vẫn còn khả năng tăng nữa khi tối ưu hóa được các nâng cấp này.

Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông tăng 88,0% - MSR ghi nhận khoản lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông trong năm tài chính 2017 đạt 206 tỷ đồng nhờ giá các sản phẩm tăng và khả năng kiểm soát chi phí của Ban Giám đốc Công ty. Chưa tính gói hỗ trợ tài chính từ cổ đông trong năm 2016, lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông của Công ty tăng 281 tỷ đồng. Ban Giám đốc tiếp tục làm việc với các bên cho vay tài chính để giảm chi phí vay và tăng dòng tiền mặt để trả nợ. Các đàm phán này hiện đang tiến triển tốt đẹp và dự kiến sẽ kết thúc trong sáu tháng đầu năm 2018.

Tỷ VND	2017	2016	Tăng trưởng
Kết quả Báo cáo Tài chính Hợp nhất của Masan Resources ⁽¹⁾			
Doanh thu thuần	5.405	4.049	33,5%
EBITDA ⁽²⁾	2.784	2.055	35,5%
Lợi nhuận thuần phân bổ sau thuế (VAS)	206	110	88,0%

(1) Các con số tài chính dựa trên số liệu của Ban Giám đốc.

(2) EBITDA (Lợi nhuận trước lãi, thuế và khấu hao) không bao gồm các thu nhập khác và chi phí khác

**TỶ LỆ THU HỒI
VONFRAM TĂNG
TỪ 63% LÊN 67%**

SẢN XUẤT

Hiệu suất sản xuất của nhà máy tăng lên đáng kể qua các năm. So với năm 2016, lượng cấp liệu máy nghiền tăng 7% và thời gian chạy máy tăng 1% đã giúp Công ty sản xuất, chế biến thêm 6,8% lượng quặng trong năm 2017.

Việc nâng cấp chu trình tuyển trọng lực vonfram giúp tăng tỷ lệ thu hồi vonfram từ 63% lên 67% và vẫn còn khả năng cải thiện thông qua các biện pháp tối ưu hóa. Ngoài ra, tỷ lệ thu hồi florit cũng tăng từ 49% lên 57% nhờ các nâng cấp đối với chu trình tuyển florit.

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện và kết thúc tốt đẹp các đợt thanh tra nghiệm ngặt của Chính phủ về việc tuân thủ môi trường và thuế của Công ty. Các đợt thanh tra có sự tham gia của nhiều cơ quan và chuyên gia liên ngành. Kết luận sau thanh tra đối với Công ty chỉ có hai xử phạt hành chính nhỏ mà không có vi phạm lớn. Ban Giám đốc đã xem xét lại các quy trình nội bộ để đảm bảo không tái diễn các vi phạm hành chính nêu trên. Ngoài ra, Ban Giám đốc vẫn luôn phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước để không ngừng cải thiện công tác quản lý môi trường và thuế theo quy định.

**ĐƯỢC CÔNG NHẬN
TRÊN TOÀN CẦU BỞI
CÁC SẢN PHẨM VONFRAM
VÀ FLORIT GIÁ TRỊ CAO**

CÔNG NHẬN GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU TOÀN CẦU

MSR được công nhận là thương hiệu có tầm ảnh hưởng toàn cầu nhờ các sản phẩm chất lượng cao và đáng tin cậy, đã đưa đến số đơn đặt hàng của khách hàng mới đối với sản phẩm của Công ty tiếp tục vượt quá mức cung do nhu cầu về các sản phẩm hóa chất công nghiệp thiết yếu cho công tác sản xuất của họ mà không có nguồn thay thế rõ ràng.

MSR cũng được công nhận là một thương hiệu tầm cỡ khu vực về các khía cạnh an toàn và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Tháng 5 năm 2017, Dự án Núi Pháo tiếp đón phái đoàn Đặc trách về Khai khoáng APEC (MTF). Sau khi thăm quan Dự án và chứng kiến các hoạt động khai thác chế biến khoáng sản tại Dự án, đoàn đã có một thông điệp chắc chắn làm vui đi mọi quan ngại về sự phát triển bền vững tại đây. Đoàn cũng nhận định những giá trị của hoạt động khai khoáng tại Dự án Núi Pháo đã mang lại nhiều lợi ích cho cộng đồng dân cư trong vùng Dự án, tạo ra các lợi thế kinh tế xã hội nhằm thúc đẩy phát triển bền vững cho địa phương. Đoàn có ấn tượng mạnh về các cam kết cũng như những thành tựu Masan Resources đã đạt được và thực hiện cho cộng đồng địa phương.

Bảng tóm tắt sản lượng	Đơn vị tính	2017	2016	Tăng trưởng
Quặng chế biến	Nghìn tấn	3.888	3.642	6,8%
Tinh quặng vonfram (hàm lượng)	tấn	6.483	6.357	2,0%
Sản lượng tương đương vonfram (hàm lượng) ⁽¹⁾	tấn	13.669	12.926	15,0%

(1) Thành phẩm của Núi Pháo được quy đổi sang sản lượng vonfram tương đương



GHI NHẬN VÀ GIẢI THƯỞNG

BẰNG KHEN DOANH NGHIỆP SÁNG TẠO ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG VÌ MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG XANH QUỐC GIA

Cơ quan trao giải
Bộ Tài Nguyên Môi trường



CHỨNG NHẬN THƯƠNG HIỆU VÀNG HỘI NHẬP CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG NĂM 2017

Cơ quan trao giải
Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương

CHỨNG NHẬN TOP 500 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LỚN VIỆT NAM

Cơ quan trao giải
Công ty Cổ phần báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report)



DOANH NGHIỆP SỐ 1 TRONG TOP 500 DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT VIỆT NAM

Cơ quan trao giải
Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam



BẰNG KHEN DOANH NGHIỆP VĂN HÓA TIÊN PHONG THẾ KỶ 21

Cơ quan trao giải
Thời báo Doanh nhân



BẰNG KHEN THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ 2 NĂM 2015-2016

Cơ quan trao giải
Bảo hiểm xã hội Việt Nam



BẰNG KHEN DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC TỈNH THÁI NGUYÊN 2016

Cơ quan trao giải
UBND tỉnh Thái Nguyên



BẰNG KHEN ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH TRONG THU, NỘP, QUẢN LÝ NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2016

Cơ quan trao giải
Chi cục thuế tỉnh Thái Nguyên & UBND tỉnh Thái Nguyên

BẰNG KHEN ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG PHÒNG TRÀO TOÀN DÂN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY NĂM 2016

Cơ quan trao giải
Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tỉnh Thái Nguyên

GIẤY KHEN ĐÃ CÓ NHIỀU THÀNH TÍCH TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN ĐẠI TỪ NĂM 2017.

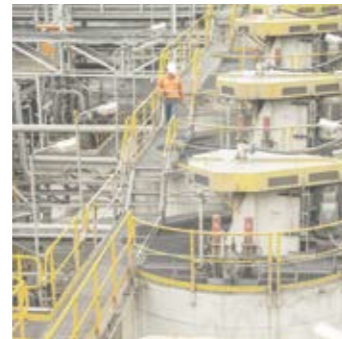
Cơ quan trao giải
UBND huyện Đại Từ



GIẤY KHEN ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG CỘNG ĐOÀN CƠ SỞ VỮNG MẠNH NHIỆM KỲ 2013 -2018.

Cơ quan trao giải
Liên đoàn lao động huyện Đại Từ

THÔNG TIN CHUNG



- Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hồ sơ Công ty
- Nền tảng vững chắc
- Phục vụ khách hàng toàn cầu
- Danh mục sản phẩm
- Quy trình sản xuất
- Thông tin cổ đông

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Masan Resources là nhà sản xuất sản phẩm vonfram dòng trung và cao cấp lớn nhất thế giới ngoài Trung Quốc. Tài sản chính của Công ty, mỏ đa kim Núi Pháo nằm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, miền Bắc Việt Nam, là mỏ vonfram đầu tiên được triển khai đưa vào sản xuất thành công trong 15 năm qua. Mỏ Núi Pháo đã được các nhà phân tích hàng đầu trong ngành công nghiệp khai khoáng bao gồm Roskill và Argus Media Ltd đánh giá là một trong những mỏ vonfram lớn nhất thế giới với trữ lượng quặng tiềm năng đã được chứng minh là 66 triệu tấn (Theo Giấy phép Khai thác khoáng sản là 83.220.000 tấn quặng vonfram - đa kim cấp B và cấp C1 bao gồm: (i) khai thác lộ thiên: 55.192.000 tấn và (ii) khai thác hầm lò 28.028.000 tấn).

Với đội ngũ quản lý có kinh nghiệm, năng lực kết nối địa phương, khả năng thực thi mạnh mẽ, đối tác quốc tế và khả năng huy động vốn, Masan Resources đã phát triển được nền tảng phù hợp để vươn lên thành công ty khai thác vonfram hàng đầu trên thế giới.



HỒ SƠ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN

- **Tên công ty** : Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan
- **Tên tiếng Anh** : Masan Resources Corporation
- **Tên viết tắt** : Masan Resources
- **Trụ sở chính** : Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- **Điện thoại** : +84 28 6256 3862
- **Fax** : +84 28 3827 4115
- **Website** : masangroup.com/masanresources
- **Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp** : Số 0309966889 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010, sửa đổi bổ sung lần thứ 14 ngày 12 tháng 8 năm 2017
- **Vốn điều lệ** : 7.194.473.280.000 đồng
- **Mã chứng khoán tại sàn HNX** : MSR

NỀN TẢNG VỮNG CHẮC

Công ty được thành lập ngày 27 tháng 4 năm 2010 với mục tiêu thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản và tài nguyên của Masan Group. Dưới đây là các mốc hoạt động kinh doanh ấn tượng của Công ty.

2011

Thúc đẩy phát triển Dự án Núi Pháo;

Tháng 3, MRC Ltd., một công ty đầu tư của Mount Kellett Capital Management L.P., trở thành cổ đông nắm giữ 20% vốn điều lệ của Công ty;

Tháng 12, Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản Quốc gia công nhận kết quả chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên cho Dự án Núi Pháo.

2012

Tháng 2, thiết kế mỏ cơ bản của Dự án Núi Pháo được Bộ Công thương chính thức phê duyệt.

2013

Tháng 1, Private Equity New Markets II K/S, một tổ chức đầu tư của BankInvest trở thành cổ đông nắm giữ 2,86% vốn điều lệ của Công ty;

Tháng 6, MRC Ltd. tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty lên 21% vốn điều lệ;

Tháng 8, Công ty nhận Giấy Chứng nhận Đầu tư số 41122000131 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

2014

Dự án Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại các sản phẩm Ôxít Vonfram và Tinh quặng Đồng từ ngày 01 tháng 3, Flourspar cấp axit từ ngày 01 tháng 6, và Tinh quặng Bismut từ ngày 01 tháng 9.

2015

Công ty đạt kỷ lục về sản lượng khai thác đối với tất cả 4 dòng sản phẩm. Công ty Liên doanh được trao Chứng nhận Dự án Ứng dụng Công nghệ cao của Bộ Khoa học và Công nghệ vào ngày 24 tháng 4 năm 2015;

Công ty đạt công suất theo thiết kế, và vận hành thử thành công nhà máy chế biến sâu của Công ty Liên doanh. Các sáng kiến tăng năng suất và hiệu quả sản xuất đã được áp dụng;

Tháng 9, Công ty niêm yết thành công cổ phiếu của Masan Resources tại sàn UPCOM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

Tháng 9, Công ty đăng cai tổ chức Hội nghị Thường niên lần thứ 28 của Hiệp hội Công nghiệp Vonfram Quốc tế (ITIA) với sự tham dự của hơn 120 đại biểu quốc tế.

2016

Ngày 22/4, Công ty tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên đầu tiên sau khi niêm yết; Cổ phiếu của Công ty được xếp vào danh sách cổ phiếu hạng sang (Premium) trên sàn UPCOM Hà Nội;

Bắt đầu sản xuất Bismut Xi măng thương mại từ 1 tháng 7;

Triển khai các sáng kiến và đầu tư đổi mới quy trình và công nghệ, tiết kiệm chi phí, thay đổi quy trình nghiệp vụ, và xây dựng các mối liên kết và hợp tác mới;

Công ty Liên doanh đã đạt sản lượng và doanh thu vượt bậc đối với sản phẩm hóa chất vonfram giá trị gia tăng;

Tháng 12, Masan Group thông qua công ty con thuộc sở hữu đã hoàn thành chào mua cổ phần của Masan Resources, qua đó đưa Mount Kellett rời khỏi cơ cấu cổ đông và tăng quyền sở hữu MSR lên 93,78%, mở đường cho chu kỳ cấp vốn chiến lược và tăng trưởng tiếp theo.

2017

Việc nâng cấp chu trình tuyển trọng lực vonfram giúp tăng tỷ lệ thu hồi vonfram lên 67% và vẫn còn khả năng cải thiện thông qua các biện pháp tối ưu hoá;

Giá của tất cả các sản phẩm của Công ty đều tăng đáng kể cùng với nâng cao hiệu suất sản xuất đã giúp MSR đạt được kết quả kỷ lục trên tất cả các mặt từ sản xuất, doanh thu đến lợi nhuận ròng;

Việc MSR được công nhận là thương hiệu toàn cầu, nhờ các sản phẩm chất lượng cao và đáng tin cậy, đã dẫn đến hiện tượng số lượng đơn đặt hàng của các khách hàng mới đối với sản phẩm của Công ty tiếp tục vượt mức cung.



PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG TOÀN CẦU

DỰ ÁN NÚI PHÁO



Mỏ Núi Pháo là một mỏ đa kim nằm tại ba xã (Hùng Sơn, Hà Thượng và Tân Linh) của huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Mỏ cách Hà Nội khoảng 80 km và có thể tiếp cận bằng đường cao tốc. Hệ thống đường và đường sắt kết nối mỏ với các cảng gần nhất của Hải Phòng và Quảng Ninh, từ đó các sản phẩm có thể được vận chuyển đến với các khách hàng quốc tế.

Trữ lượng đã được xác nhận của mỏ Núi Pháo là khoảng 66 triệu tấn, với vòng đời mỏ ước tính là 20 năm.

Các khu vực chính của Dự án:

- Moong khai thác lộ thiên.
- Khu bãi thải.
- Nhà máy chế biến hiện đại và gồm các khu vực: nghiền thô, nghiền tinh, cô đặc, tuyển nổi và tuyển trọng lực.
- Nhà máy chế biến sâu (APT) nhằm chế biến tinh quặng vonfram thành các sản phẩm vonfram APT giá trị gia tăng cao hơn.
- Khu chứa quặng đuôi (TSF) có nước và các ngăn quản lý quặng đuôi.
- Vùng đệm, các khu tái định cư, đường nội mỏ, và các khu dịch vụ khai thác.

Các sản phẩm của Núi Pháo được vận chuyển tới các thị trường trên toàn thế giới từ cảng Quảng Ninh (Thành phố Hạ Long, cách dự án 197 km về phía Đông Nam). Cảng này cũng là nơi nhập các thiết bị và vật liệu cần thiết để vận hành mỏ.



CÔNG TY TNHH TINH LUYỆN VONFRAM NÚI PHÁO – H.C. STARCK (NHTCM)

Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo – H.C. Starck (NHTCM) được thành lập năm 2014 là công ty liên doanh giữa H.C. Starck – một công ty sản xuất kim loại công nghệ hàng đầu thế giới, đồng thời cũng là một trong những công ty lớn nhất trong ngành vonfram toàn cầu và Công ty Núi Pháo (NPM) - công ty thành viên của Masan Resources. Công ty liên doanh kết nối hoạt động kinh doanh của Công ty Núi Pháo với thị trường vonfram toàn cầu và tinh luyện sản phẩm tinh quặng vonfram của NPM thành các sản phẩm vonfram có giá trị cao hơn nhằm phát huy giá trị nguồn tài nguyên Việt Nam. Với mục đích này, NHTCM góp phần vào công cuộc phát triển ngành khai khoáng công nghệ cao tại Việt Nam, và đã được Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cấp giấy chứng nhận “Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao”.

Giai đoạn thiết kế và xây dựng NHTCM được hoàn thành vào đầu năm 2015, NHTCM chính thức đi vào hoạt động vào Quý III năm 2015 theo Giấy phép Đầu tư số 171022000001 (cấp lần đầu vào 15/01/2014). Kể từ khi thành lập, NHTCM đã không ngừng nỗ lực tận dụng cơ sở vật chất sẵn có và đã đạt được 94% công suất thiết kế trong năm 2016 và tối đa công suất thiết kế vào năm 2017.

Ba sản phẩm chính của NHTCM được dùng trong sản xuất Vonfram và Vonfram Cacbua bao gồm: APT (Ammonium Paratungstate - muối Ammonium Paratungstate); BTO (Blue Tungsten Oxide – Oxit Vonfram xanh); và YTO (Yellow Tungsten Oxide – Oxit Vonfram vàng).

NHTCM sản xuất các sản phẩm vonfram có độ tinh khiết cao và sức cạnh tranh trên toàn cầu đồng thời được vận hành tại Việt Nam. Điều này khiến NHTCM trở thành một số ít nhà cung cấp vonfram mới ngoài Trung Quốc trực tiếp sản xuất ra sản phẩm tại nguồn. NHTCM có những lợi thế sau:

- Nguồn cung ổn định (từ NPM), cơ sở sản xuất hiện đại có khả năng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao đáp ứng yêu cầu cụ thể của khách hàng;
- Chi phí chuyển đổi thấp, và được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế;
- Uy tín tốt trên thị trường nhờ sự hỗ trợ về công nghệ và kỹ thuật từ H.C. Starck với gần 100 năm kinh nghiệm hoạt động và là nhà cung cấp sản phẩm kim loại công nghệ cao ưu việt hàng đầu thế giới.
- Chuyển giao công nghệ từ công ty H.C. Starck cho Việt Nam thông qua NHTCM.

Những lợi thế trên giúp đẩy nhanh tiến trình công nhận vị thế của một doanh nghiệp Việt Nam trên bản đồ cung ứng vonfram toàn cầu, cũng như góp phần phát triển kết quả kinh doanh của Liên doanh.

CÔNG TY ĐỐI TÁC H.C. STARCK

H.C. Starck là nhà sản xuất hàng đầu thế giới các sản phẩm bột kim loại công nghệ cao cũng như các thành phần cấu thành kim loại công nghệ, vật liệu gốm sứ kỹ thuật cao và bột phun phủ nhiệt. Danh mục sản phẩm của Công ty được chia thành năm lĩnh vực:

- Bột Vonfram
- Bột Tantalum/Niobium
- Bột sứ và bột kim loại cho công nghệ xử lý bề mặt (Surface Technology & Ceramic Powders)
- Sản phẩm gia công (FPR)
- Cấu kiện sứ kỹ thuật cao

Những đặc tính độc đáo của vật liệu như điểm nóng chảy cực cao, khả năng dẫn nhiệt tốt, tính chống ăn mòn hoá học tuyệt vời và khối lượng riêng lớn khiến các sản phẩm này trở thành các vật liệu không thể thiếu trong rất nhiều ứng dụng tiên tiến ngày nay như điện tử, năng lượng, tự động hóa, hàng không, cơ khí và chế tạo dụng cụ. Đặc biệt, H.C. Starck giữ vị trí số 1 về sản phẩm bột ma trận trong lĩnh vực sản xuất công cụ cắt và phụ tùng kháng mòn, cũng như các công cụ phục vụ khai thác dầu khí - hai trong số những thị trường tiêu dùng cuối cùng quan trọng nhất của kim loại công nghệ cao này.

Công ty H.C. Starck chế biến quặng vonfram và các vật liệu thô thứ cấp thành bột vonfram có hiệu năng cao và các hợp chất được sản xuất riêng theo tiêu chuẩn kỹ thuật của khách hàng. Tất cả khách hàng đều được hưởng lợi từ các sản phẩm có chất lượng cao nhất và ổn định, cũng như danh mục sản phẩm toàn diện từ cỡ hạt thô tới cỡ siêu mịn. Đội ngũ nhân viên có trình độ cao làm việc tại bộ phận Nghiên cứu và Phát triển (R&D) và kỹ thuật ứng dụng đáp ứng được hầu hết các yêu cầu về vật liệu cũng như các đặc tính của vật liệu như kết cấu siêu vi đồng nhất và phân tử hạt đặc biệt. Chuyên môn cao trong luyện kim và công nghệ chế biến là nhân tố chính đưa đến thành công trong việc đáp ứng mọi nhu cầu thị trường hiện nay, cũng như phát triển các giải pháp sản phẩm cho những khách hàng có nhu cầu đặc biệt.

Công ty H.C. Starck có các nhà máy sản xuất tại Đức, Canada, Trung Quốc và Việt Nam – là Công ty Liên doanh với Công ty Núi Pháo.

Với gần 100 năm kinh nghiệm, H.C. Starck là nhà cung cấp sản phẩm kim loại vonfram công nghệ cao ưu việt hàng đầu thế giới. Cùng với sự sáng tạo, một cam kết rõ ràng về chất lượng và chuyên môn công nghệ sâu rộng nên hiếm có công ty nào trên thế giới có đủ năng lực đáp ứng các nhu cầu vật liệu như H.C. Starck.

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI



Bộ phận Bán hàng và Marketing của Công ty làm việc tại Hà Nội và duy trì một mạng lưới các mối quan hệ chặt chẽ với các khách hàng có uy tín trong nước và quốc tế. MSR bán sản phẩm cho khách hàng tại Châu Á, Bắc Mỹ, Liên minh Châu Âu và Châu Âu. H.C. Starck Đức và Canada là khách hàng lớn nhất trong số khách hàng của Công ty. Khách hàng lớn thứ hai của Công ty là một đối tác lớn toàn cầu trong ngành vonfram có vị trí chiến lược tại Trung Âu, và Công ty New Metals Nhật Bản – một công ty tiên phong về vật liệu công nghệ cao, chuyên sản xuất kim loại hoạt tính (hiệu suất) cao (chủ yếu là vonfram và molybden) đứng thứ ba trong danh sách khách hàng của Công ty. Sản lượng vonfram đã chế biến còn lại được bán cho các công ty thương mại và sản xuất khác trên thế giới.

phân khúc tiêu thụ khác nhau và thường là các khách hàng truyền thống theo các hợp đồng cung cấp dài hạn đã ký. Trong mọi trường hợp, giá quốc tế được coi như là mức định giá cơ sở trong các công thức tính giá của hợp đồng bao gồm các khoản phí bảo đảm chất lượng sản phẩm cũng như các điều khoản thanh toán và giao hàng.

Sản phẩm của Công ty được bán cho các khách hàng thuộc nhiều

Chiến lược quản lý quan hệ khách hàng của Công ty là tiếp cận đối tác dài hạn, theo đó Công ty nỗ lực làm việc với nhân sự chủ chốt tại tất cả các cấp trong cơ cấu tổ chức của từng khách hàng, từ đó cho phép Công ty đưa ra giải pháp tốt nhất cho tất cả các bên. Như một phần trong chiến lược của Công ty, Công ty khuyến khích việc trao đổi phi độc quyền với các khách hàng để chia sẻ thông tin về phát triển sản phẩm, công nghệ chế biến và các yêu cầu chi tiết của khách hàng.



DANH MỤC SẢN PHẨM

Các sản phẩm vonfram, florit, đồng và bismut do Núi Pháo sản xuất là những kim loại chiến lược cho nhiều ngành công nghiệp trên thế giới hiện nay.

VONFRAM (WO₃)

Vonfram là một kim loại rất cứng có điểm nóng chảy cao nhất trong tất cả các kim loại và có khả năng chống mài mòn cao.

Các sản phẩm Vonfram được sử dụng trong nhiều ứng dụng khác nhau. Khách hàng có thể tiếp tục chế biến sâu các sản phẩm vonfram của Công ty thành các hợp kim và bột để sản xuất ra nhiều sản phẩm cao cấp.

Các đặc tính của Vonfram phù hợp với nhu cầu của nhiều ngành công nghiệp nặng như dầu khí, xây dựng, gia công cắt gọt hợp kim cứng, năng lượng, máy móc tự động và hàng không. Vonfram cũng là thành phần thiết yếu trong ngành công nghiệp thép, được dùng để sản xuất từ inox, thép hợp kim đến siêu hợp kim.



ĐỒNG (Cu)

Đồng là kim loại mềm, dẻo, nên rất lý tưởng để làm chất dẫn nhiệt và điện (chỉ đứng sau bạc).

Ứng dụng chủ yếu của đồng là dùng để sản xuất dây cáp điện và dây dẫn. Ngành xây dựng là ngành tiêu thụ phần lớn sản phẩm đồng thông qua các hệ thống điện cũng như hệ thống cấp nước. Nhờ khả năng chống ăn mòn và giá trị thẩm mỹ cao nên đồng thường được dùng trong lợp mái, phổ biến là trong xây dựng mái vòm, mái vút và cửa ra vào. Đồng có tính chất là một vi chất dinh dưỡng, nên được dùng làm chất diệt nấm trong bảo vệ thực vật và mùa màng cũng như làm giàu đất. Đồng thau – kim loại được sử dụng trong nhiều ứng dụng công nghiệp được làm bằng cách trộn đồng với kẽm.



FLORIT (CaF₂)

Florit là một khoáng vật công nghiệp có nhiều ứng dụng khác nhau, trong đó có việc dùng để sản xuất hydro florua (HF); sản xuất các sản phẩm thép, nhôm, gốm-thủy tinh và chất nitrogen trifluoride (NF₃). Các sản phẩm như máy điều hòa, các sản phẩm nhựa Teflon và thuốc chống suy nhược đều phải dùng đến sản phẩm florit.

Hóa chất hydro florua (HF) chủ yếu được sản xuất làm môi chất làm lạnh, lớp phủ fluoropolymer và sử dụng trong ngành dược và cho nhiều mục đích nghiên cứu khác. Trong lĩnh vực nấu chảy, florit được dùng làm chất trợ dung, giúp tăng chất lượng của thép và nhôm. Trong gốm-thủy tinh, florit được dùng để sản xuất kính mờ và men màu đục. Nitrogen fluoride là một khí làm sạch, được dùng trong sản xuất vật liệu bán dẫn và màn hình LCD.



BISMUT (Bi)

Bismut là một kim loại cơ bản đối với người tiêu dùng và các ứng dụng công nghiệp.

Đối với người tiêu dùng, bismut được dùng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và dược phẩm thông qua sản phẩm chống bức xạ và các thuốc điều trị chứng buồn nôn, khó tiêu và bệnh viêm loét. Do không có độc tính, Bismut cũng được dùng để sản xuất mỹ phẩm. Trong công nghiệp, bismut được sử dụng như chất tạo màu không độc trong sản xuất một số loại sơn và các linh kiện điện. Kim loại này cũng được dùng như một chất xúc tác giúp kiểm soát khí thải của phương tiện giao thông, cũng như sản xuất các thiết bị kẹp giữ chắc chắn cho máy móc hạng nặng như tuabin.

**(Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa)*

VẬT LIỆU CỦA TƯƠNG LAI

Vonfram là kim loại chuyển tiếp đắt hiếm. Ứng dụng của vonfram trong ngành công nghiệp nặng đã được chứng minh rõ ràng trong nhiều nghiên cứu, và cũng nhờ đặc tính vật lý vượt trội của kim loại này như là nhiệt độ nóng chảy và độ cứng cao. Vonfram cùng với các hợp chất của nó đang ngày càng trở nên quan trọng đối với ngành điện tử, công nghệ năng lượng tái tạo và công nghệ hiển thị cũng như trong một số ứng dụng khác.

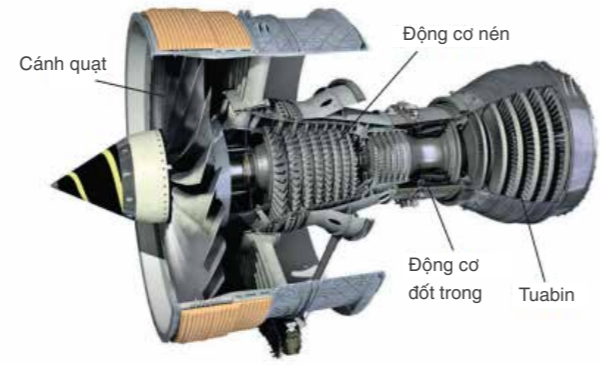
Bên cạnh ứng dụng không đáng kể trong làm sợi dây tóc bóng đèn, vonfram cũng đang trở thành vật liệu được lựa chọn trong việc thiết kế súng phát xạ trường, được sử dụng trong kính hiển vi điện tử¹, vi mạch (IC), đồng thời, do mật độ phân tử lớn nên được dùng làm vật liệu chắn chống lại những nguồn bức xạ năng lượng cao. Vonfram cũng được sử dụng trong công nghệ điện tử nano thế hệ tiếp theo để chế tạo dây nano², do tỷ lệ giữa diện tích và thể tích cao, nên kỳ vọng có những ứng dụng như là đầu dò độ pH (chỉ số đo độ hoạt động của các ion hydro (H⁺) và cảm biến khí gas.

Ôxít Vonfram đã được chứng minh là có hiệu ứng điện sắc (EC), ví dụ: có khả năng đổi màu dưới ảnh hưởng của trường bên ngoài. Hiệu ứng này đã được sử dụng trong công nghệ hiển thị^{4,5} để chế tạo cửa sổ thông minh, ví dụ: cửa sổ có thể tăng hoặc giảm độ trong suốt quang học. Ví dụ như, máy bay đời mới nhất - Boeing 787⁶, thay cho cửa sổ nhựa, vùng bóng sử dụng kính thông minh cho phép hành khách có thể điều chỉnh mức ánh sáng mặt trời và tầm nhìn bằng điện. Hy vọng rằng sản lượng cửa sổ thông minh sẽ tăng, và tới năm 2021 mức đóng góp của nó vào thị trường xây dựng sẽ tăng tới 1,3 tỷ USD, so với 280 triệu USD trong năm 2016⁷.

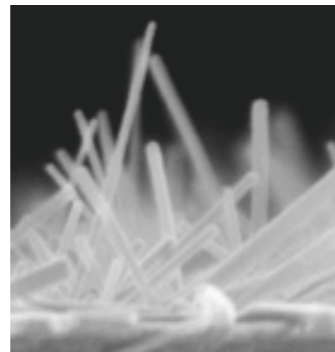
Một trong những ứng dụng ngách của vonfram là ngành trang sức, trong đó vonfram kim loại thu hút sự quan tâm lớn nhờ vào bề ngoài thời trang của loại vonfram này.

Các ứng dụng tương lai có sử dụng vonfram như đề cập ở trên chưa phải là toàn bộ ứng dụng của kim loại này, mà chỉ để thể hiện rằng vonfram đang ngày càng được sử dụng trong nhiều ứng dụng khác nữa ngoài ứng dụng truyền thống của vật liệu này trong ngành công nghiệp nặng.

1. Schey, John A. (1987). Introduction to Manufacturing Processes (2nd ed.). McGraw-Hill, Inc.
 2. Li Yadong. "From Surfactant-Inorganic Mesosstructures to Tungsten Nanowires". *Angewandte Chemie International Edition*, Volume 41, Issue 2, pages 333-335, January 18, 2002, doi: 10.1002/1521-3773(20020118)41:2<333::AID-ANIE333>3.0.CO;2-5.



Động cơ của dòng xe Rolls-Royce⁹



Hình ảnh kính hiển vi điện tử quét về dây nano ôxít vonfram³



Cửa sổ thông minh được sử dụng trong máy bay thế hệ mới nhất Boeing 787⁶

3. <http://nanotechweb.org/cws/article/lab/62587>
 4. C. M. Lampert, "Smart windows switch on the light," *IEEE Circuits and Devices Magazine*, vol. 8, issue no. 2, pp. 19-26, March 1992.
 5. Dane T. Gillaspie, Robert C. Tenent and Anne C. Dillon, "Metal-oxide films for electrochromic applications: present technology and future directions", *Journal of Materials Chemistry*, doi: DOI: 10.1039/c0jm00604a, June 2010.
 6. https://en.wikipedia.org/wiki/Boeing_787_Dreamliner
 7. https://www.researchandmarkets.com/research/5ngw3r/smart_windows
 8. http://shop.smarttint.com/Aviation-application-for-Smart-Tint_b_518.html
 9. ITIA, Newsletter - March 2017, Tungsten in Superalloys

VONFRAM VÀ MỘT MÔI TRƯỜNG SẠCH HƠN

Vonfram là nguyên tố hóa học nặng nhất được biết đến có hoạt tính sinh học. Độc tính của nó khá thấp, nhất là khi so sánh với các kim loại khác, tuy nhiên, đây vẫn còn là đề tài đang được nghiên cứu. Với nỗ lực vì một môi trường sạch hơn, người ta đã xác định chì là một trong những kim loại cần thay thế sớm. Theo Danh mục Ưu tiên 100 chất nguy hại nhất của Chính phủ Hoa Kỳ¹, thì chì bị xếp hạng thứ hai. Ngoài ra, Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ đã liệt kê chì như một hóa chất độc hại và đã đưa ra giới hạn ngưỡng về nồng độ của chì trong không khí, đất, nước và thực vật.

Do sự tương tự về mật độ phân tử giữa chì và vonfram, mà vonfram được đề xuất là chất thay thế ưu việt cho chì trong một số ứng dụng. Tuy nhiên, chính chi phí lớn và độ khó hơn trong gia công vonfram đã gây ra những rào cản lớn cho việc đưa đề xuất trên vào thực tiễn, dù mức độ tái chế của vonfram lớn hơn so với chì.

Composit polime vonfram được xem như là một giải pháp trung dung cho các vấn đề trên^{2,3}. Đây là hỗn hợp giữa các loại nhựa và bột vonfram khác nhau, được trộn với nhau để tạo ra vonfram dẻo nhiệt, có mật độ vật chất giống với chì⁴. Vật liệu này rất dễ uốn dẻo, không chứa thành phần độc hại và chịu được ăn mòn do yếu tố thời tiết. Bên cạnh đặc tính dễ dàng tạo hình, vonfram dẻo nhiệt không gây ảnh hưởng có hại trong quá trình xử lý/chế biến và có thể tái chế mà không có bất cứ tác động xấu nào tới môi trường, điều đó đã biến hỗn hợp này trở thành phương án thay thế khả thi cho chì. Bên cạnh việc thay thế cho chì, polime vonfram cũng được đề xuất thay thế urani nghèo trong một số ứng dụng. Lý do chính cho đề xuất thay thế này nằm ở sự tương đồng về mật độ phân tử của urani nghèo và composit vonfram, nhưng composit vonfram không gây rủi ro tới sức khỏe.

Nhu cầu vonfram được dự báo tiếp tục tăng trong năm 2018⁵. Nhu cầu tăng cùng với áp lực về giải pháp thay thế cho chì, khiến giá thành của composit vonfram cũng được dự báo tăng, tất cả đã biến vonfram thành một cơ hội đầu tư đầy hấp dẫn.

1. <https://www.atsdr.cdc.gov/SPL/index.html>
 2. <https://www.tungstenheavypowder.com/lead-replacement-sustainability/>



Mũi cắt sứ dùng trong nha khoa⁶



Cơ sở sản xuất cánh tuabin máy bay tiên tiến⁷

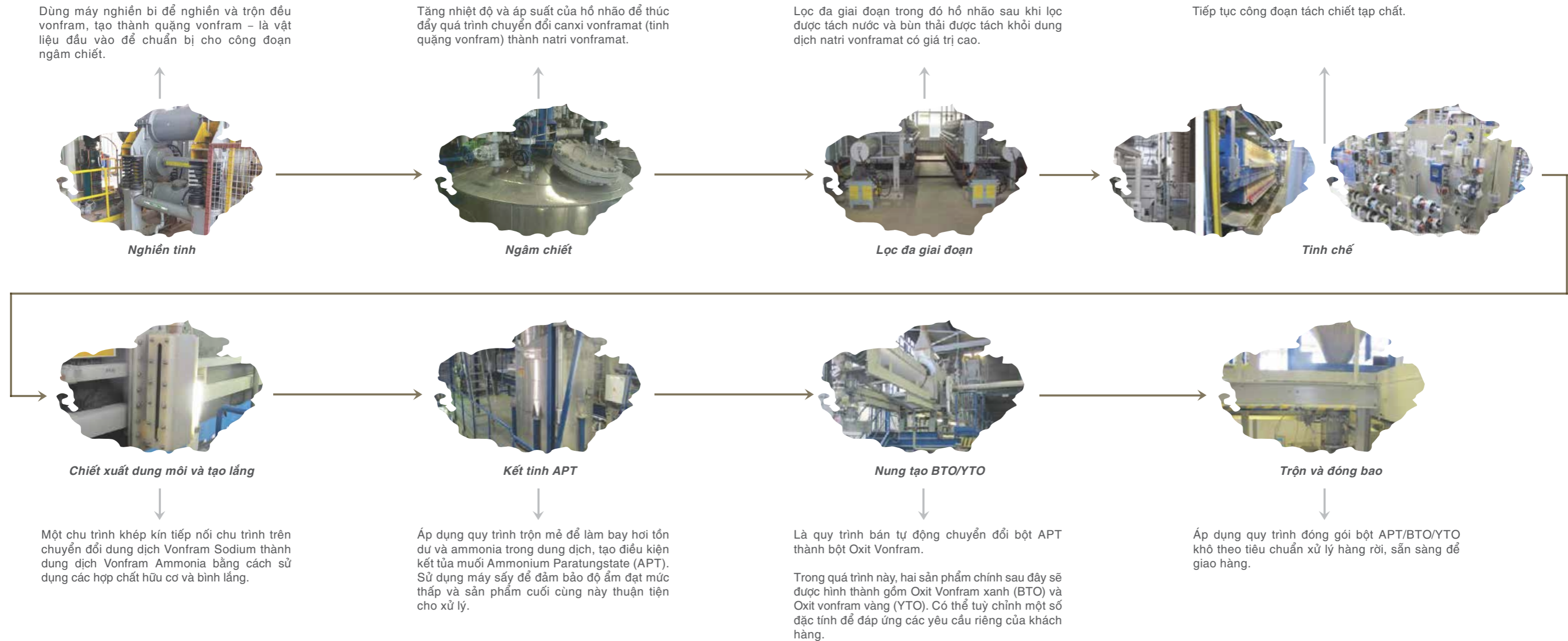


Tuabin cánh máy bay⁸

3. <http://tdmfginc.com/portfolio-item/tungsten-polymer>
 4. <http://www.tungsten-polymer-radiation-shielding.com/tungsten-polymer-industry-radiation-shielding.html>
 5. <https://investingnews.com/daily/resource-investing/critical-metals-investing/tungsten-investing/tungsten-outlook/>
 6. ITIA, Newsletter - June 2015, Tungsten in Dentistry
 7. ITIA, Newsletter - March 2017, Tungsten in Superalloys
 8. ITIA, Newsletter - March 2017, Tungsten in Superalloys

QUY TRÌNH SẢN XUẤT HÓA CHẤT VONFRAM

Dưới đây là bản mô tả vắn tắt quy trình sản xuất hóa chất vonfram hiện đang được áp dụng tại Masan Resources. Nhà máy được thiết kế để chế biến tinh quặng vonfram của Masan thành sản phẩm APT (muối Ammonium Paratungstate) hàm lượng cao qua quá trình chiết tách bằng hóa chất, tinh chế vật lý hóa học và kết tinh. APT sau đó được đóng bao để xuất bán hoặc tiếp tục được xử lý tại lò nung để tạo thành Ôxit Vonfram.



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

STT	Cơ cấu cổ đông	31/12/2017			
		Số cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị (mệnh giá) (VNĐ)	% cổ phần
1	Cổ đông trong nước	865	704.775.814	7.047.758.140.000	97,96%
	Cổ đông tổ chức	9	691.171.637	6.911.716.370.000	96,07%
	Cổ đông cá nhân	856	13.604.177	136.041.770,000	1,89%
2	Cổ đông nước ngoài	17	14.671.514	146.715.140.000	2,04%
	Cổ đông tổ chức	1	3.180.486	31.804.860.000	0,44%
	Cổ đông cá nhân	16	11.491.028	114.910.280.000	1,60%
Tổng		882	719.447.328	7.194.473.280.000	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của công ty do VSD cung cấp.

Danh sách các cổ đông nắm giữ ít nhất 5% vốn điều lệ của Công Ty

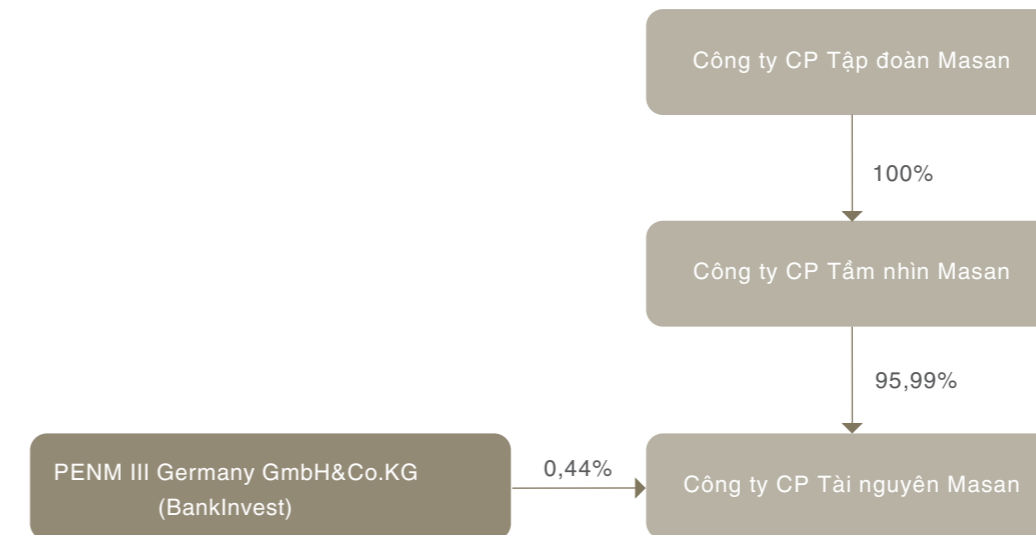
Danh sách các cổ đông nắm giữ ít nhất 5% Vốn Điều lệ của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, như sau:

1	Cổ đông trong nước	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị (mệnh giá) (VNĐ)	% cổ phần
	Công ty Cổ phần Tầm Nhìn Masan	690.616.113	6.906.161.130.000	95,99%

Nguồn: Danh sách cổ đông của công ty do VSD cung cấp.

CÁC CỔ ĐÔNG CHÍNH

Cấu trúc sở hữu của Masan Resources tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017:



CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC

Cổ đông trong nước

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (Cổ đông kiểm soát thông qua Công ty con sở hữu toàn phần, qua Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan).

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan bao gồm Masan Consumer Holdings - đơn vị sản xuất một loạt nhãn hàng yêu thích và tin cậy thuộc lĩnh vực thực phẩm và đồ uống (như Chin-su, Nam Ngư, Tam Thái Tử, Omachi, Kokomi, Vinacafe, Wake-up, Vĩnh Hảo and Su Tử Trắng), và Công ty Masan Nutri-Science - công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi lớn nhất Việt Nam (với các nhãn hàng như Proconco và ANCO). Các lĩnh vực kinh doanh khác của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan gồm Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan, một trong các nhà sản xuất vonfram và các khoáng sản công nghiệp thiết yếu lớn nhất thế giới, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), một ngân hàng cổ phần thương mại hàng đầu tại Việt Nam.

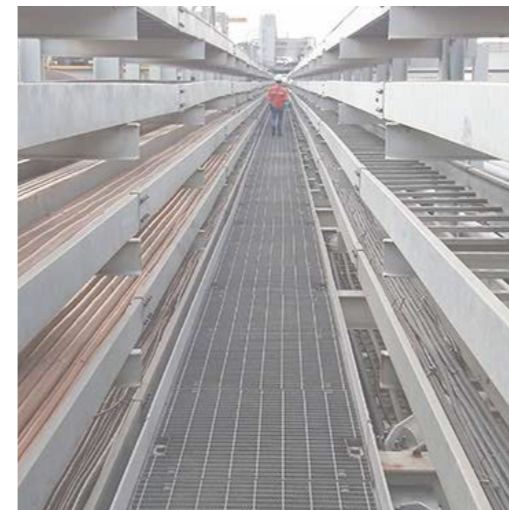
Cổ đông nước ngoài

Đối tác PENM

Trong năm 2013, Quỹ Private Equity New Markets II K/S (hiện là PENM III), một tổ chức đầu tư trực thuộc BankInvest đã đầu tư 578 tỷ đồng vào Masan Resources thông qua việc mua cổ phần ưu đãi bắt buộc chuyển đổi và cổ phần phổ thông. Tháng 12 năm 2017, PENM đã bán toàn bộ cổ phiếu ưu đãi cho MH và hiện nay chỉ còn nắm giữ 3.180.480 cổ phần phổ thông (tương đương với 0,44% tổng số cổ phần phổ thông).



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

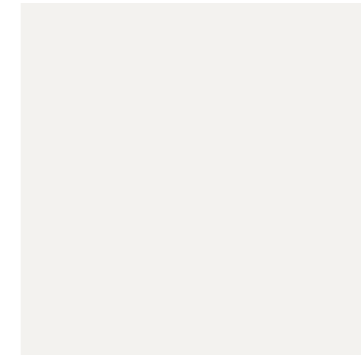
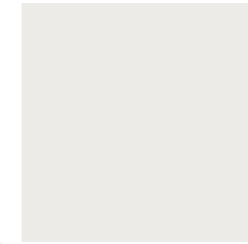
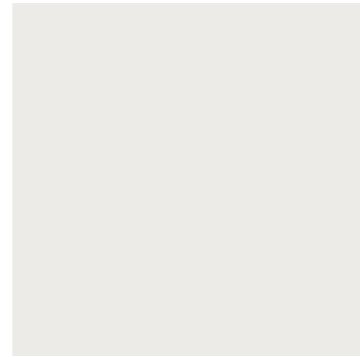


- Mục tiêu phát triển Công ty
- Mục tiêu phát triển xã hội
- Chiến lược thực thi
- Đánh giá chiến lược thực thi

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Masan Resources hướng tới cung cấp bột công nghiệp vonfram, florit và bismut chất lượng vượt trội cho những khách hàng đến từ tất cả các ngành công nghiệp chủ chốt trên thế giới.

Chúng tôi tự hào cùng làm việc bên nhau và cùng với các khách hàng của mình không ngừng hỗ trợ vào sự phát triển hiệu quả của các loại hình sản phẩm đặc thù và các sáng kiến công nghiệp mới nhất.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

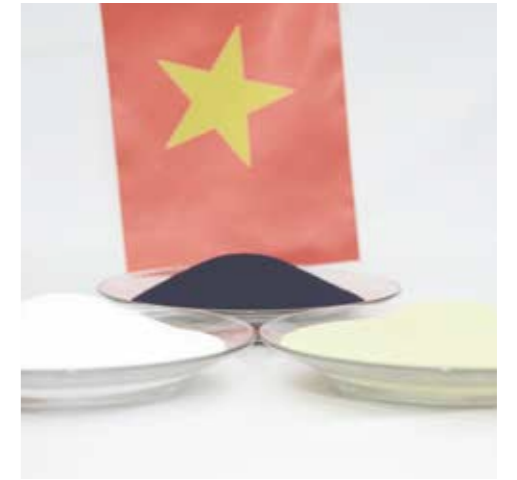
Đảm bảo các sản phẩm bột công nghiệp của Công ty luôn là các sản phẩm hàng đầu trong con mắt khách hàng;

Trang bị các cơ sở sản xuất hiệu quả nhất để duy trì hiệu quả chi phí trên thị trường;

Không ngừng cải tiến qui trình và hệ thống của Công ty, đồng thời không ngừng hỗ trợ nhu cầu luôn thay đổi của các khách hàng công nghiệp;

Chăm lo tới hệ sinh thái của con người, môi trường xung quanh và của các cổ đông của Công ty; và,

Đảm bảo kết quả tài chính vượt trội trên nền tảng lâu dài bền vững.



CHIẾN LƯỢC THỰC THI CỦA MASAN RESOURCES

Chiến lược phát triển doanh nghiệp của Masan Resources được thực hiện trên 3 phương diện chủ chốt:

Triển khai dự án trên cơ sở kiến thức và hiểu biết về địa phương

Masan Resources tin rằng sự hiểu biết sâu sắc về các mối quan tâm của cộng đồng cũng như những đặc tính địa phương có ý nghĩa thiết yếu trong việc phát triển thành công hoạt động kinh doanh của Công ty trên toàn cầu. Chúng tôi đã xây dựng được một môi trường kinh doanh thuận lợi để phát triển và vận hành mỏ Núi Pháo bằng cách chủ động làm việc với cộng đồng địa phương

Tận dụng khả năng tiếp cận vốn và dòng tiền để mua lại và phát triển các dự án giá trị

Khi đã xác định được giá trị của các dự án có tiềm năng sinh lời cao, trong bất kỳ thẩm quyền phù hợp nào, Masan Resources luôn có khả năng tiếp cận nguồn vốn nội bộ và vốn bên ngoài để mua lại và phát triển ổn định những dự án này nhằm đảm bảo hiện thực hóa các giá trị lâu dài và bền vững của cổ đông.

Giảm thiểu rủi ro của các dự án thông qua nền tảng của Tập đoàn Masan

Masan Resources phòng ngừa biến động giá cả thị trường thông qua việc đa dạng hóa danh mục các loại kim loại và sản phẩm. Rủi ro về vận hành và tài chính của Masan Resources thấp nhờ khả năng quản lý khai thác mạng lưới rộng lớn các nhà đầu tư và đối tác của Tập đoàn Masan.



ĐÁNH GIÁ CHIẾN LƯỢC THỰC THI CỦA MASAN RESOURCES TRONG BỐI CẢNH CHIẾN LƯỢC CỦA NGÀNH, CHÍNH SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ XU HƯỚNG TOÀN CẦU

Masan Resources cam kết đem lại lợi nhuận cho cổ đông bằng cách phát huy bốn lợi thế phát triển trụ cột của mình.

Tăng trưởng tự thân và tăng trưởng thông qua mua bán và sáp nhập

Một trong những phương thức vận hành của Masan Resources là không ngừng tìm cách tăng trưởng tự thân bằng cách tối ưu hóa hoạt động kinh doanh hiện có nhằm đạt năng suất và hiệu quả tối đa. Chúng tôi liên tục hướng tới giảm đơn giá chi phí sản xuất thông qua các kế hoạch cải thiện biên lợi nhuận.

Masan Resources đang hướng đến đạt giá trị gia tăng cao, vị trí chiến lược, dài hạn và chi phí sản xuất thấp.

Tập trung nhất quán vào quản lý chi phí và tăng năng suất

Công nghiệp vonfram là một ngành công nghiệp đòi hỏi thời gian lâu dài. Việc tập trung nhất quán vào quản lý chi phí cùng với những nỗ lực không ngừng để tăng năng suất và nâng cao trải nghiệm của khách hàng giúp cho Masan Resources tăng cường năng lực đầu tư dài hạn và khả năng đương đầu với biến động thị trường và biến động giá cả.

Nguồn vốn dài hạn

Masan Resources điều chỉnh cơ cấu vốn phù hợp với danh mục hoạt động của các dự án. Việc dành 8.100 tỷ đồng để tái cấu trúc khoản nợ hiện nay cùng với việc chuyển đổi Masan Resources thành công ty đại chúng được xem là một bước tiến trong năm 2015 nhằm đảm bảo nguồn vốn thích hợp để hỗ trợ chiến lược dài hạn của Masan Resources. Việc niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch UPCOM cho phép Công ty cắt giảm chi phí huy động vốn bởi nó cung cấp “tiền tệ lỏng” cho người cho vay và các nhà đầu tư chiến lược, nhờ đó họ có thể quản lý rủi ro tốt hơn.

Năng lực lãnh đạo

Masan Resources, với tư cách là một doanh nghiệp có tầm quan trọng chiến lược tại Việt Nam và trên thị trường vonfram thế giới, sẽ tiếp tục phát huy vị trí tiên phong trên thị trường của mình để xây dựng nên những chuẩn mực mới về hiệu quả sản xuất, quản trị xã hội và doanh nghiệp và an toàn lao động trong lĩnh vực khai thác chế biến khoáng sản ở cấp quốc gia và quốc tế. Vị thế hàng đầu trong ngành cũng giúp Masan Resources luôn sớm nhìn ra các cơ hội sinh lời và qua đó đầu tư một cách chọn lọc nhằm tăng lợi nhuận của cổ đông. Masan Resources cũng tìm cách tác động một cách tích cực đến sự phát triển chính sách hỗ trợ của nhà nước và thực tiễn ngành bằng cách phát huy vai trò lãnh đạo của mình trong nhóm vận động chính sách của ngành công nghiệp nội địa cũng như ngành công nghiệp quốc tế.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ



- Cơ cấu tổ chức
- Cơ cấu Quản lý
 - Ban Giám Đốc*
 - Hội đồng Quản trị*
 - Ban Kiểm soát*
 - Ủy ban Phát triển Bền vững*
 - Ủy ban Quản lý Rủi ro*

CƠ CẤU TỔ CHỨC

CÔNG TY MẸ

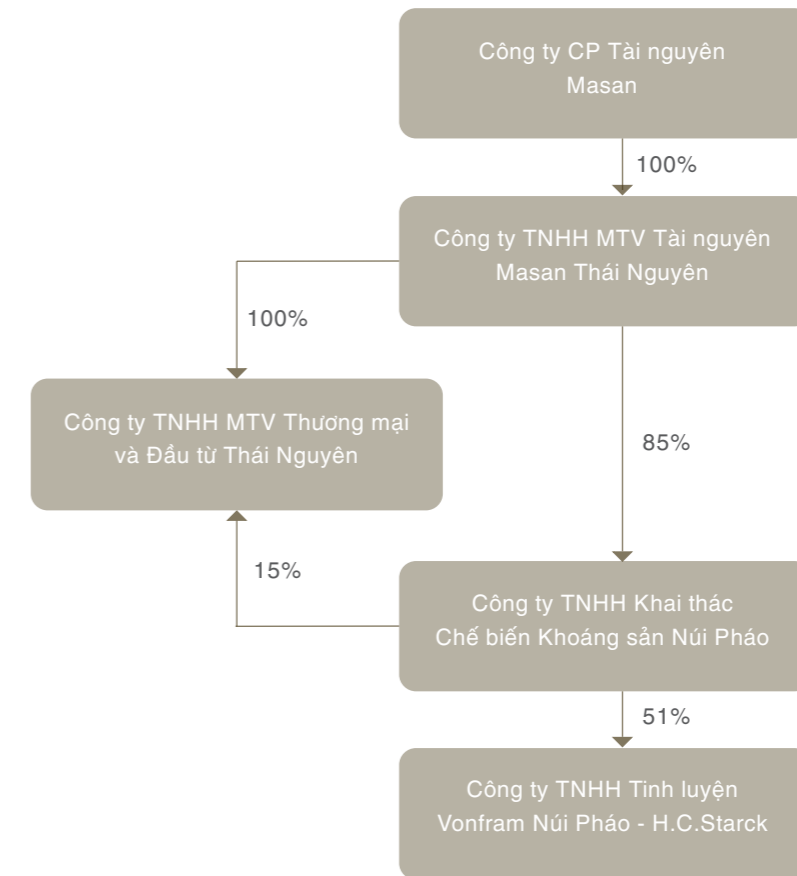
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN (MSR)

Thông tin chung

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan
- Địa chỉ : Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : +84 28 6256 3862
- Fax : +84 28 3827 4115
- Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp : Số 0309966889 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010, sửa đổi bổ sung lần thứ 14 ngày 12 tháng 8 năm 2017.
- Vốn điều lệ đăng ký : 7.194.473.280.000 đồng
- Vốn góp chủ sở hữu : 7.194.473.280.000 đồng
- Website : www.masangroup.com/masanresources
- Ngành nghề kinh doanh chính :
 - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường); và
 - Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính).

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Cơ cấu doanh nghiệp của Masan Resources được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



CÁC CÔNG TY CON HỢP NHẤT

CÔNG TY TNHH MTV TÀI NGUYÊN MA SAN THÁI NGUYÊN (MRTN)

Thông tin chung

- Tên công ty : Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên
- Địa chỉ : Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : +84 28 6256 3862
- Fax : +84 28 3827 4115
- Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp : Số 0309960069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 5 năm 2010, sửa đổi bổ sung lần thứ 5 ngày 17 tháng 6 năm 2016
- Vốn điều lệ đăng ký : 5.140.335.573.000 đồng
- Vốn góp chủ sở hữu : 5.140.335.573.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty : 100% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh chính : - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường); và
- Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ THÁI NGUYÊN (TNTI)

Thông tin chung

- Tên công ty : Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Đầu Tư Thái Nguyên
- Địa chỉ : Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : +84 28 6256 3862
- Fax : +84 28 3827 4115
- Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp : Số 0310352925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 10 năm 2010, sửa đổi bổ sung lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2014
- Vốn điều lệ đăng ký : 1.624.861.500.000 đồng
- Vốn góp chủ sở hữu : 1.624.861.500.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty : 100% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh chính : - Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường);
- Khai thác các khoáng sản quý hiếm (không hoạt động tại trụ sở chính);
- Khai thác kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở chính);
- Xúc tiến thương mại; và
- Các hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, chưa được phân vào đâu
(cụ thể: hoạt động tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

TNTI được thành lập vào ngày 15 tháng 10 năm 2010 dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên để thực hiện hoạt động tư vấn (ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán), quảng cáo, nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương mại. TNTI nằm trong nhóm các công ty được thành lập để phát triển Dự án Núi Pháo bao gồm MRTN, Công ty Núi Pháo và TNTI.

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

Thông tin chung

- Tên công ty : Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
- Địa chỉ : Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
- Điện thoại : +84 24 3718 2490
- Fax : +84 24 3718 2491
- Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp : Số 4600864513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 5 tháng 7 năm 2010, sửa đổi bổ sung lần thứ 9 ngày 24 tháng 10 năm 2014
- Vốn điều lệ đăng ký : 4.789.010.000.000 đồng
- Vốn góp chủ sở hữu : 4.789.010.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty : 100% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh chính :
 - Khai thác quặng kim loại quý hiếm (khai thác, chế biến vonfram, florit, đồng, bismut và vàng);
 - Khai thác quặng chứa kim loại màu khác;
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất và tài nguyên nước (thăm dò khoáng sản);
 - Các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động khai thác mỏ và quặng khác (ngoài các mục nêu trên);
 - Chế biến quặng kim loại quý hiếm;
 - Kinh doanh kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng);
 - Hoạt động tư vấn quản lý;
 - Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác; và
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

CÔNG TY TNHH TINH LUYỆN VONFRAM NÚI PHÁO - H.C. STARCK (NUI PHAO - H.C. STARCK)

Thông tin chung

- Tên công ty : Công Ty TNHH Tinh Luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck
- Địa chỉ : Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
- Điện thoại : +84 24 7307 5588
- Fax : +84 24 3718 2491
- Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp : Số 4601163743 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15 tháng 1 năm 2014, sửa đổi bổ sung lần thứ tư ngày 7 tháng 10 năm 2016
- Vốn điều lệ đăng ký : 789.060.360.000 đồng
- Vốn góp chủ sở hữu : 789.060.360.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty : 51% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh chính : Tinh luyện kim loại màu và kim loại quý hiếm (chế biến Vonfram để xuất khẩu hoặc bán trong nước).

CƠ CẤU QUẢN LÝ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị (HDQT) chịu trách nhiệm điều hành và quản lý chung đối với Công ty. Hội đồng Quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần hoặc khi có yêu cầu để đánh giá và giám sát tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị hiện tại gồm có năm (5) thành viên. Nhiệm kỳ của HDQT là năm năm. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên HDQT không vượt quá 5 năm, có khả năng tái bầu cử vào cuối nhiệm kỳ. Hội đồng Quản trị có thể bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch HDQT.

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị:



ÔNG CHETAN PRAKASH BAXI

Chủ tịch HDQT MSR

Thành viên độc lập từ 20/12/2013



ÔNG NGUYỄN THIỆU NAM

Thành viên HDQT MSR

Thành viên không điều hành từ 18/02/2013



ÔNG DOMINIC JOHN HEATON

Thành viên HDQT MSR

Thành viên HDQT từ 22/4/2016
Thành viên không điều hành từ ngày 31/7/2017



TS. NGUYỄN ĐĂNG QUANG

Thành viên HDQT MSR

Thành viên không điều hành từ 18/02/2013



ÔNG NGUYỄN VĂN THẮNG

Thành viên HDQT MSR

Thành viên độc lập từ 22/4/2016



ÔNG JONATHAN DAVID FIORELLO*

Thành viên HDQT MSR

Thành viên không điều hành từ 06/11/2014
*Ông Fiorello đã từ chức ngày 18/4/2017

ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ

Danh sách thành viên Ban Giám đốc:



ÔNG CRAIG RICHARD BRADSHAW

Tổng Giám Đốc MSR

Ông Craig Richard Bradshaw có trên 24 năm kinh nghiệm trong ngành khai khoáng, trải rộng trong các lĩnh vực khai thác và chế biến, kho vận, kinh doanh và tiếp thị ở Úc, Thái Lan và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Ông Bradshaw đã từng giữ vị trí Giám đốc Thương mại Cao cấp của Công ty Khoáng sản Lang Xang, mỏ Sepon. Trước đó, ông là Tổng Giám đốc Toàn quốc của Toll ở Thái Lan, là nhà cung cấp dịch vụ kho vận tích hợp lớn nhất của Úc.



ÔNG NIKHIL KAMRAN

Giám đốc Tài chính MSR

Ông Nikhil Kamran có trên 12 năm kinh nghiệm về tài chính trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: bất động sản, kinh doanh trò chơi, dịch vụ thuê trọ, nông nghiệp và truyền thông.

Trước khi gia nhập Masan Resources, Ông Kamran là Giám đốc Tài chính một công ty tư nhân, tại đây ông khởi phát và quản lý những ủy thác từ tài chính doanh nghiệp, tái cấu trúc doanh nghiệp, M&A và IPOs. Trong thời gian này, Ông Kamran cũng kiêm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành của một Công ty mẹ chuyên đầu tư vào khu vực Châu Á, một công ty đầu tư về ngành tài nguyên thiên nhiên và có mối quan hệ với nhiều Chính phủ và công ty tư nhân khác nhau. Ông Kamran tốt nghiệp Đại học Pennsylvania, Mỹ.

Hội đồng Thành viên Công ty Núi Pháo

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Thành viên, Chủ tịch và Tổng Giám đốc được quy định trong điều lệ của Công ty Núi Pháo. Theo Điều lệ, Hội đồng Thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Núi Pháo và gồm có tối đa bốn (4) thành viên, trong đó MRTN được bổ nhiệm tối đa ba (3) thành viên và TNTI được bổ nhiệm một (1) thành viên.

Hội đồng Thành viên chịu trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh và bổ nhiệm nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty Núi Pháo. Chủ tịch Hội đồng Thành viên do MRTN đề cử và được Hội đồng Thành viên bầu chọn. Nhiệm kỳ của Chủ tịch là 5 năm, và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách Hội đồng Thành viên Công ty Núi Pháo:



TS. NGUYỄN ĐĂNG QUANG

Chủ tịch HĐQT NPM

Ngày bổ nhiệm: 01/07/2010



ÔNG NGUYỄN VĂN THẮNG

Phó Chủ tịch HĐQT NPM

Ngày bổ nhiệm: 09/11/2010



ÔNG NGUYỄN THIỆU NAM

Thành viên HĐQT NPM

Ngày bổ nhiệm: 01/07/2010



ÔNG CHETAN PRAKASH BAXI

Thành viên HĐQT NPM

Ngày bổ nhiệm: 02/06/2014

Ban điều hành của Công ty Núi Pháo



ÔNG CRAIG RICHARD BRADSHAW

Tổng Giám Đốc NPM

Ông Craig Richard Bradshaw có trên 24 năm kinh nghiệm trong ngành khai khoáng, trải rộng trong các lĩnh vực khai thác và chế biến, kho vận, kinh doanh và tiếp thị ở Úc, Thái Lan và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Ông Bradshaw đã từng giữ vị trí Giám đốc Thương mại Cao cấp của Công ty Khoáng sản Lang Xang, mỏ Sepon. Trước đó, ông là Tổng Giám đốc Toàn quốc của Toll ở Thái Lan - nhà cung cấp dịch vụ kho vận tích hợp lớn nhất của Úc.



ÔNG NIKHIL KAMRAN

Giám đốc Tài chính NPM

Ông Nikhil Kamran có trên 12 năm kinh nghiệm về tài chính trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: bất động sản, kinh doanh trò chơi, dịch vụ thuê trọ, nông nghiệp và truyền thông.

Trước khi gia nhập Masan Resources, Ông Kamran là Giám đốc Tài chính một công ty tư nhân, tại đây ông khởi phát và quản lý những ủy thác từ tài chính doanh nghiệp, tái cấu trúc doanh nghiệp, M&A và IPOs. Trong thời gian này, Ông Kamran cũng kiêm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành của một Công ty mẹ chuyên đầu tư vào khu vực Châu Á, một công ty đầu tư về ngành tài nguyên thiên nhiên và có mối quan hệ với nhiều Chính phủ và công ty tư nhân khác nhau. Ông Kamran tốt nghiệp Đại học Pennsylvania, Mỹ.



ÔNG VŨ HỒNG

Phó Tổng Giám Đốc

Ông Vũ Hồng có hơn 30 năm kinh nghiệm phát triển dự án, bao gồm 6 năm làm việc cho Ngân hàng Thế giới tại các quốc gia khác nhau như Việt Nam, CHDCND Lào, Đông Timor, Trung Quốc và Philippines. Ông tốt nghiệp Đại học Thủy Lợi Hà Nội và có bằng Thạc sĩ Thủy văn của Đại học Roorkee, Ấn Độ. Ông Vũ Hồng hiện đang là thành viên Ban Chấp hành Hiệp hội Doanh nghiệp Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (VAGME).



ÔNG TONY FITZGERALD

Giám đốc Kinh doanh & Tiếp thị

Ông Tony Fitzgerald có hơn 25 năm kinh nghiệm về ngành công nghiệp kim loại với nhiều loại hàng hóa và sản phẩm như: đồng, thiếc, chì đã tinh luyện và các tinh quặng. Ông Fitzgerald từng công tác tại các công ty Pasmenco, MIM, Xstrata, Transamine và Louis Dreyfus trong các lĩnh vực từ tiếp thị, kinh doanh quốc tế, phát triển kinh doanh, kinh doanh kim loại, khai thác cho tới kho vận. Ông có bằng Cử nhân liên ngành của trường Đại học Victoria - Úc.

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát:



BÀ ĐOÀN THỊ MỸ DUYÊN

Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày bổ nhiệm 05/5/2015

Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên là trưởng Ban Kiểm soát của MSR, và kế toán trưởng của MSN. Bà Duyên chịu trách nhiệm báo cáo về tình hình tài chính, thông báo cũng như quản lý các vấn đề tài chính tại MSN. Trước khi gia nhập Tập đoàn Masan, bà Duyên từng làm việc cho Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Bà Duyên có bằng Thạc sỹ Kế toán của Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và là thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Anh (ACCA).



ÔNG NGUYỄN QUỲNH LÂM

Thành viên

Ngày bổ nhiệm 22/4/2016

Ông Nguyễn Quỳnh Lâm là thành viên của Ban Kiểm soát của MSR, Trưởng Ban Kiểm soát của cả MSN và MSC. Ông Lâm gia nhập Tập đoàn Masan từ năm 2001 và giữ nhiều vị trí cấp cao về tài chính ở các công ty của Tập đoàn Masan. Ông Lâm có bằng Cử nhân Khoa học về Kinh tế Khai thác mỏ.



ÔNG TUNG HOANG NGUYEN

Thành viên

Ngày bổ nhiệm 22/4/2016

Ông Tung Hoang Nguyen là thành viên Ban Kiểm soát của MSR và là Giám đốc Tài chính của MSC. Ông Tung từng là Giám đốc Tài chính của Masan Nutri-Science. Trước khi gia nhập vào Tập đoàn Masan, ông Tung từng nắm giữ các vị trí tài chính cấp cao tại nhiều tập đoàn ở Canada. Ông có bằng Thạc sỹ về Kế hoạch Chiến lược và Thạc sỹ về Kế toán Quốc tế. Ông Tung còn là thành viên của Hiệp hội kế toán Canada (CPA).

ỦY BAN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Danh sách thành viên Ủy ban Phát triển Bền vững:

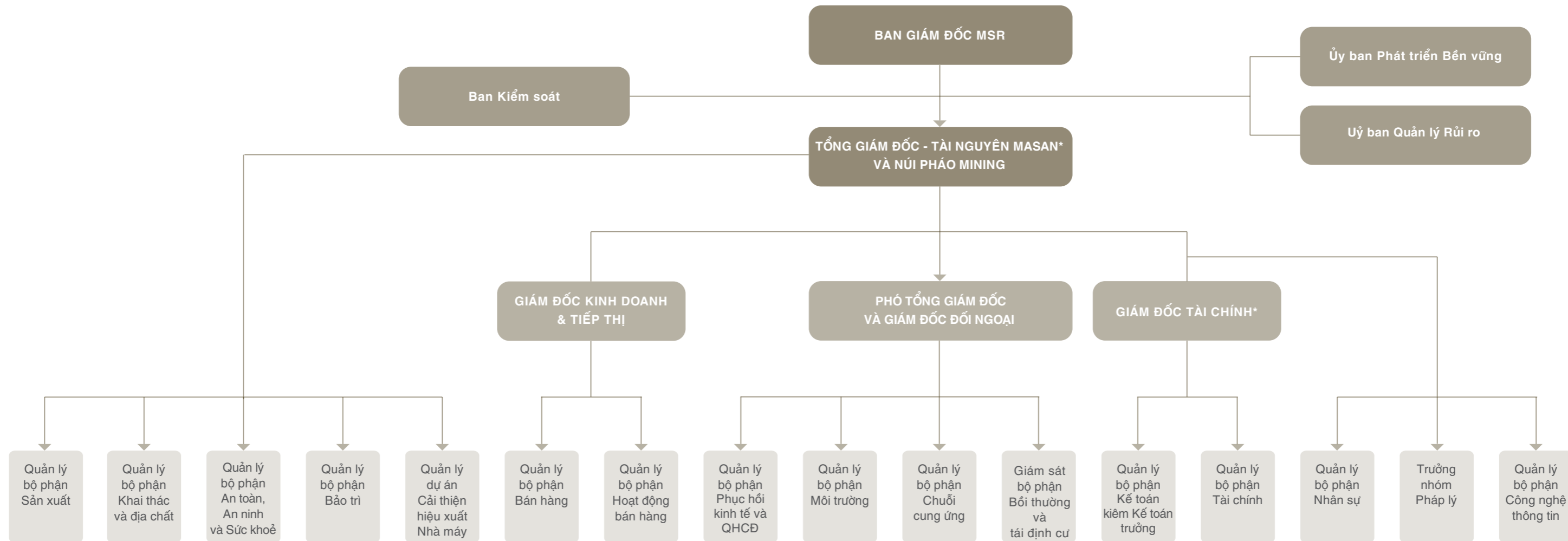
STT	Tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên Ủy ban Phát triển bền vững	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Dominic John Heaton	Chủ tịch	22/4/2016	2/2	100%	
2	Ông Chetan Prakash Baxi	Thành viên	23/6/2017	2/2	100%	
3	Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên	23/6/2017	2/2	100%	
4	Ông Vũ Hồng	Thành viên	23/6/2017	2/2	100%	
5	Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	23/6/2017	2/2	100%	
6	Ông Trần Phương Bắc	Thành viên	23/6/2017	2/2	100%	

ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO

Danh sách thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro:

STT	Tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Chetan Prakash Baxi	Chủ tịch	22/4/2016	1/1	100%	
2	Ông Dominic John Heaton	Thành viên	21/9/2017	1/1	100%	
3	Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên	21/9/2017	1/1	100%	
4	Ông Nikhil Kamran	Thành viên	21/9/2017	1/1	100%	
5	Ông Morgan Carroll	Thành viên	21/9/2017	1/1	100%	
6	Ông Trần Phương Bắc	Thành viên	21/9/2017	1/1	100%	
7	Ông Phạm Nguyễn Hải	Thành viên	21/9/2017	1/1	100%	

Sơ đồ tổ chức



Ghi chú: *Thành viên Ban Giám đốc của Masan Resources

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



- Báo cáo Định hướng kinh doanh
- Báo cáo Đánh giá của Ban Giám đốc
- Báo cáo Đánh giá của Hội đồng Quản trị
- Báo cáo Đánh giá của Ban kiểm soát
- Báo cáo Quản trị Công ty
- Báo cáo Quản lý Nhân sự
- Báo cáo Quản lý Rủi ro

BÁO CÁO ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

KẾT QUẢ CÂN ĐỐI TÀI CHÍNH KHẢ QUAN TRONG NĂM 2017

BỨC TRANH KINH TẾ NĂM 2017

Mọi quan ngại sẽ đến trong năm 2017 đã không xảy ra như dự đoán, trong đó phải kể đến những quan ngại về sự rệu rã của hệ thống ngân hàng Ý sẽ làm sụp đổ Khu vực đồng tiền chung châu Âu, sự kiện Brexit dẫn đến suy thoái kinh tế nước Anh, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc chậm lại, hoặc khả năng sập sàn chứng khoán khi Trump lên làm tổng thống. Thay vào đó, bức tranh kinh tế năm 2017 lại có sự tăng trưởng với các hoạt động thương mại khá tích cực. Tuy nhiên, đây cũng không phải là năm hoàn toàn không xảy ra biến động, với các sự kiện như Cục Dự trữ Liên bang Mỹ tiếp tục thắt chặt tỷ giá, Ngân hàng Trung ương Vương quốc Anh tăng lãi suất sau hơn một thập kỷ, và sự trở dậy không ngừng nghỉ của các đồng tiền kỹ thuật số, tất cả đều có khả năng định hình nên bức tranh kinh tế cho những năm tới.

Một khía cạnh đáng chú ý trong tăng trưởng kinh tế thế giới năm vừa qua là tăng trưởng kinh tế rộng mở ở nhiều lĩnh vực. Kể từ năm 2010 tới nay, thế giới chưa từng chứng kiến một đà phát triển tích cực như vậy với độ phủ rộng tăng trưởng lên đến trên 75% nền kinh tế toàn cầu. Quan trọng hơn cả là một số nền kinh tế từng có tỷ lệ thất nghiệp cao cũng gia tăng số lượng công ăn việc làm đáng kể.

Không thu hút được nhiều sự chú ý như trên, các nền kinh tế lớn đều áp dụng chính sách tài khóa mở rộng. Điều này dẫn đến sự phục hồi đầu tư ở cả khối kinh tế nhà nước và tư nhân, qua đó thúc đẩy phát triển thương mại toàn cầu hồi phục kể từ đợt có tốc độ phát triển chậm nhất vào năm 2001. Sức đầu tư yếu vào ngành năng lượng đã từng là một trong những tác nhân quan trọng dẫn đến hậu quả suy giảm đầu tư toàn cầu trong năm 2016, nhưng xu thế này đã bị đảo ngược trong năm 2017.

Những quan ngại hồi đầu năm ngoái về năng lực quản lý các quyết sách của Trung Quốc nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng cho 2017 của quốc gia này đã dịu bớt khi các nhà hoạch định chính sách nước này tiếp tục ưu tiên áp dụng các biện pháp thận trọng ở tầm vĩ mô nhằm giảm nợ doanh nghiệp, đặc biệt là nợ bởi các công ty quốc doanh. Để giảm đầu cơ cho ngành bất động sản, một vài thành phố lớn đã áp đặt các chính sách thắt chặt hơn đối với việc mua bán bất động sản, bao gồm quy định tăng số tiền phải thanh toán ngay khi mua nhà trả góp và việc cấm bán lại nhà mới mua trong một khoảng thời gian nhất định. Những đổi mới trong chính sách này, trong khi giúp giảm sự bất cân đối tài chính vĩ mô và hạn chế rủi ro tài chính, lại có nhược điểm là hạn chế tăng trưởng trong tương lai. Tăng trưởng GDP của Trung Quốc dự kiến sẽ giảm tốc, tuy nhiên ảnh hưởng tổng thể của việc thắt chặt chính sách này sẽ vơi bớt nhờ thu nhập hộ gia đình tăng lên và cả sự gia tăng nhu cầu bên ngoài.

THỊ TRƯỜNG KIM LOẠI CÔNG NGHIỆP VÀ HÓA CHẤT CÔNG NGHIỆP NĂM 2017

Lần đầu tiên trong hơn một thập kỷ qua, nền kinh tế toàn cầu có sự tăng trưởng đồng bộ và bền vững, do vậy trong năm qua, giá kim loại công nghiệp và hóa chất công nghiệp tăng nhanh đối với tất cả các mặt hàng từ dầu thô cho đến vonfram. Trong khi nguồn cung toàn cầu lúc này vẫn theo kịp nhu cầu đang tăng cao, thì việc tăng mạnh nhu cầu các mặt hàng dự báo sẽ có dấu hiệu không đáp ứng kịp do sự thiếu hụt đầu tư trong hơn nửa thập kỷ vừa qua đối với tất cả các ngành hàng.

Trong khi giá cả đang và sẽ tiếp tục gia tăng, các nhà phân tích lại lo ngại rằng xu hướng giá cả tích cực này có thể là sự khởi đầu cho một “siêu chu kỳ” tương tự như chu kỳ xảy ra trong thập kỷ đầu tiên của thiên niên kỷ này, khi sự bùng nổ nhu cầu nguyên liệu đầu vào tại Trung Quốc kết hợp với các chính sách tiền tệ nới lỏng ở thế giới phương tây đã khiến giá kim loại công nghiệp và hóa chất công nghiệp tăng tới mức kỷ lục. Vì dự báo trước mắt không có một sự kiện hay chuỗi kết hợp các sự kiện nào ở quy mô tương tự nên chu kỳ này dự kiến có thể sẽ ngắn hơn. Tuy nhiên, sự tương phản giúp phân biệt chu kỳ này với siêu chu kỳ trước kia lại nằm ở phía nguồn cung. Áp lực từ việc giảm khí thải carbon và các khí ô nhiễm khác cùng với việc thiếu đầu tư vào ngành hàng hóa trong những năm gần đây đã khiến nguồn cung trên toàn chuỗi giá trị trở nên hạn chế và chi phí sản xuất trở nên đắt đỏ hơn.

Chính sách môi trường thắt chặt ở Trung Quốc có ảnh hưởng lớn nhất tới giá cả. Sự thắt chặt chính sách này lan rộng khi chính quyền trung ương ở Bắc Kinh bãi bỏ thẩm quyền của chính quyền các tỉnh bằng việc đặt ra áp lực chưa từng có lên các thanh tra môi trường

Giá cả kim loại và hóa chất	đvt	Trung bình năm 2017	Trung bình năm 2016	% Thay đổi	Thời điểm 31.12.17	Thời điểm 31.12.16
Giá APT châu Âu thấp nhất*	\$/mtu	239	183	30,6%	294	187
Giá Bismut thấp nhất*	\$/lb	4,8	4,3	11,6%	5,1	4,6
Đồng*	\$/tấn	6.166	4.863	26,8%	7.157	5.501
Florit cấp axit**	\$/tấn	345	260	32,7%	410	260

phải đóng cửa các nhà máy và các cơ sở chế biến gây ô nhiễm tại hơn 28 thành phố trên nhiều tỉnh của Trung Quốc. Nhiều cơ sở sản xuất liên quan tới kim loại và hóa chất ở Trung Quốc được xem là không đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản về khí thải và do đó được ra lệnh hoặc phải nâng cấp cải tạo hệ thống kiểm soát ô nhiễm hoặc đóng cửa toàn bộ. Điều này cũng đồng nghĩa với việc những cơ sở sản xuất này phải mất hàng tháng hoặc thậm chí hàng năm mới có thể hoạt động trở lại, hoặc thậm chí không có cơ sở sản xuất nào sẽ hoạt động nữa.

Nhờ những điều kiện thuận lợi cả về cung và cầu như vậy trong 2017, hàng hóa do Masan Resources sản xuất đã đạt tăng trưởng lợi nhuận hàng năm ở mức hai con số. Cụ thể là mức giá APT thấp nhất tại thị trường kim loại Châu Âu tăng 30,6% so với năm 2016 và kết thúc năm đứng ở mức 294 USD /mtu.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ NĂM 2018

Tăng trưởng dựa trên diện rộng diễn ra trong năm 2017 dự kiến sẽ còn tiếp tục trong năm 2018, đặc biệt là ở các nền kinh tế mới nổi và các nền kinh tế phát triển nhất thế giới. Những dấu hiệu xu hướng phục hồi tăng trưởng năng xuất đang trở nên rõ ràng hơn khi sản lượng dư thừa được tạo ra sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nếu chưa được tiêu thụ hết thì cũng đang giảm xuống nhanh chóng khi động lực môi trường kinh doanh toàn cầu đang tiếp tục gia tăng.

Khi giá hoá chất, kim loại và nhập khẩu hồi phục, lạm phát cơ bản dự kiến cũng tăng. Khi lạm phát cơ bản tăng lên, một số ngân hàng trung ương có thể buộc phải giảm tốc độ tăng trưởng để tránh tình trạng phát triển quá nóng – tuy nhiên điều này được dự kiến sẽ không xảy ra trong 2018. Tới lúc này, chính sách thắt chặt nhanh hơn của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ như được dự kiến không có nhiều khả năng ảnh hưởng đáng kể đến tăng trưởng của các thị trường phát triển khi mà các chính sách tiền tệ không đồng nhất thường chỉ có mức ảnh hưởng lan toả hạn chế đối với các thị trường phát triển khác. Chính sách thắt chặt của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ có thể ảnh hưởng tới những nền kinh tế mới nổi ở một mức độ nào đó, nhưng việc cải thiện các nguyên tắc cơ bản của các quốc gia này cùng với giá hoá chất và kim loại tăng có thể làm giảm thiểu các yếu tố ngoại lai tiêu cực này.

Rủi ro lớn nhất đối với triển vọng kinh tế 2018 thiên về vấn đề địa chính trị. Bối cảnh chính trị toàn cầu hiện vẫn không có gì chắc chắn, điều này sẽ gây bất ổn định trong một chừng mực nào đó, dù là tích cực hay tiêu cực, đây sẽ là phép thử đối với những nền tảng căn bản mà cho đến nay có cơ sở đạt được sự hồi phục vững vàng.

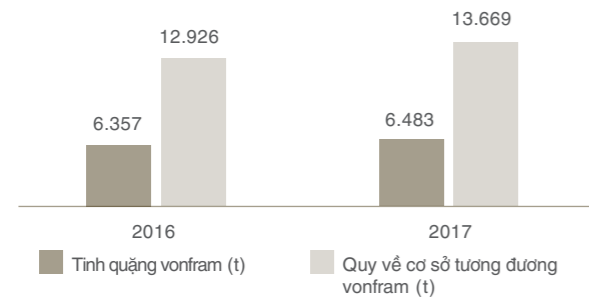
TRIỂN VỌNG TÀI CHÍNH NĂM 2018

Ngày nay Công ty không chỉ là một doanh nghiệp khai thác mỏ thuần túy, mà còn là một nhà sản xuất công nghệ sáng tạo với cam kết trở thành công ty hàng đầu trong ngành công nghiệp kim loại và hoá chất thiết yếu. Khởi đầu với tư cách là một nhà sản xuất hàng hoá nguyên liệu đầu vào cho phép chúng tôi ngày nay có được một giải pháp chuỗi cung ứng chi phí thấp, dài hạn và an toàn, cũng như ngày nay mang lại cho chúng tôi lợi thế cạnh tranh so với các nhà sản xuất sản phẩm công nghiệp khác. Sự tăng trưởng mạnh mẽ dự kiến diễn ra trong năm 2018 và động lực môi trường kinh doanh toàn cầu được tiếp tục sẽ nhanh chóng dẫn đến tình trạng thâm hụt cơ cấu trong giỏ hàng hóa, điều này sẽ tạo ổn định về nhu cầu và tăng trưởng cho các bên có khả năng đáp ứng nhu cầu mới này. Ngoài ra, do cầu vượt quá cung, môi trường giá hoá chất và kim loại được dự kiến sẽ tăng trong năm tới.

Kiểm soát và quản lý chi phí sẽ tiếp tục đóng vai trò cốt lõi trong các nguyên tắc của Công ty. Một hệ thống phân tích số liệu cải tiến đang được triển khai nhằm tiếp tục tăng cường kiểm soát chi phí ở cấp cao của Công ty và cải thiện năng suất. Trong năm 2018, Ban Giám đốc cũng đặc biệt tập trung giảm nguồn vốn vay được dành cho việc phát triển và vận hành dự án Núi Pháo của Công ty. Việc giảm chi phí tài chính liên quan đến nghĩa vụ nợ nói trên sẽ tạo ra một chuỗi lan truyền cho phép Công ty nhanh chóng giải ngân, tăng cường vị thế tài chính và trả cổ tức cho các nhà đầu tư.

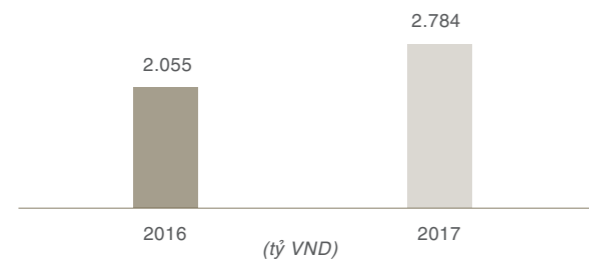
Theo đó, ước tính doanh thu năm 2018 của Công ty và lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông ước đạt tương ứng là khoảng 7.300 - 8.000 tỷ đồng và 600 - 1.000 tỷ đồng.

2017 KẾT QUẢ KINH DOANH



Doanh thu thuần

Nhờ kỷ lục sản lượng và giá bán cao hơn, Công ty đạt mức doanh thu thuần kỷ lục là 5.405 tỷ đồng, tăng 33,5% so với mức 4.049 tỷ đồng doanh thu thuần đạt được năm 2016. Việc công nhận MSR là thương hiệu toàn cầu nhờ các sản phẩm chất lượng cao và đáng tin cậy bắt đầu ghi nhận kết quả khi giá bán vonfram và florit tăng đều hàng



Sản lượng hàng năm

Một lần nữa, Công ty đạt sản lượng kỷ lục sản xuất trên mọi sản phẩm. Tổng sản lượng sản xuất quy về cơ sở tương đương với vonfram đã tăng 5,7% so với năm trước với sản lượng vonfram, đồng và florit cấp axit đã tăng lần lượt là 13,3%, 8,5% và 7,6%. Năm 2017 ghi nhận mức sản xuất kỷ lục bất chấp việc hàm lượng trung bình quặng đầu vào giảm so với năm trước. Việc quặng đầu vào có hàm lượng thấp hơn nhưng vẫn có thể đưa vào chế biến là nhờ đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất cũng như các sáng kiến cải tiến nâng cao hiệu suất cấp liệu nghiền, nâng cao thời gian chạy máy, tăng tỷ lệ thu hồi trong năm 2017.

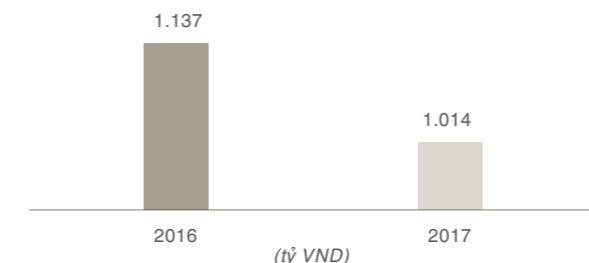
năm, và xu hướng này dự kiến sẽ còn tiếp tục. Số tiếp nhận đặt hàng của Công ty liên tục xảy ra hiện tượng cầu vượt cung do các đăng ký từ khách hàng mới tìm đến với Công ty để mua các hóa chất công nghiệp tối cần thiết cho hoạt động kinh doanh của họ mà không có sản phẩm thương mại nào khác có thể thay thế.

EBITDA

EBITDA của Công ty tăng 35,5% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù giá hàng hóa tăng, hiệu suất chế biến tăng nhưng cắt giảm chi phí vẫn là nguyên tắc cốt lõi của Công ty. Nhờ đó, biên lợi nhuận EBITDA của Công ty chưa bao gồm gói hỗ trợ tài chính một lần đã tăng 4,9%. Những đầu tư nâng cấp tư liệu sản xuất thực hiện trong năm 2017 nhằm cải thiện tỷ lệ thu hồi vonfram và florit được kỳ vọng cho thấy kết quả trong 2018. Ngoài ra, trong suốt năm 2018, Công ty sẽ triển khai hệ thống kiểm soát chi phí chặt chẽ hơn nhằm tiết kiệm chi phí để bù lại việc giá các hóa chất sử dụng cho quá trình chế biến khoáng sản cũng đang tăng cao.

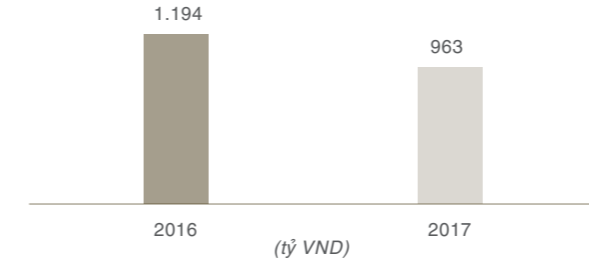
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông

Trong năm 2017, Công ty mang lại lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông đạt mức kỷ lục với 206 tỷ đồng. Đây là kết quả của giá hàng hóa trên thị trường tăng và sản lượng đạt mức kỷ lục nhờ lượng tiêu thụ nguyên liệu thấp hơn, hiệu suất hoạt động cao hơn và kiểm soát chi phí hiệu quả hơn. Nếu không tính đến các khoản vay được miễn trả nợ trong năm 2016, thì lợi nhuận thuần phân bổ của Công ty tăng thêm 281 tỷ đồng so với con số báo cáo lợi nhuận thuần chênh lệch 96 tỷ đồng so với năm trước. Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục các cuộc thương thuyết khởi động trong năm 2017 với các bên cho vay tài chính nhằm giảm chi phí vay cho năm 2018.



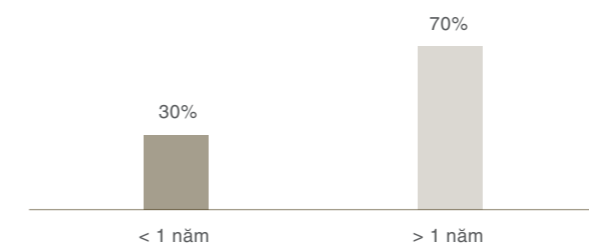
Dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty báo cáo dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 1.014 tỷ đồng, giảm 123 tỷ so với năm trước. Lượng giảm này là nhờ những thay đổi trong thay đổi vốn lưu động. Công ty có ghi nhận một lượng tăng đáng kể các khoản thu ngắn hạn và lượng hàng tồn kho so với năm trước. Các khoản thu ngắn hạn tăng cao chủ yếu nhờ doanh số hàng bán cao hơn và giá sản phẩm tăng. Lượng hàng tồn kho tăng xấp xỉ 400 tỷ đồng là nhờ nỗ lực không ngừng của ban lãnh đạo nhằm đạt được mức giá cao hơn cho tất cả các sản phẩm. Việc tăng lượng tồn kho chờ giá cao hơn hiện nay có thể thực hiện được là do khả năng tạo dòng tiền tốt hơn của Công ty.



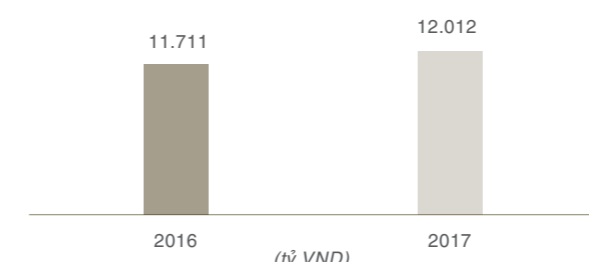
Dòng tiền từ các hoạt động đầu tư

Trong năm 2017, Công ty sử dụng dòng tiền tổng cộng 963 tỷ đồng cho các hoạt động đầu tư. Điều chỉnh các khoản tiền gửi dài hạn tại ngân hàng và tiền lãi thu được từ các khoản tiền gửi này, chi tiêu ròng cho tài sản cố định tổng cộng là 939 tỷ đồng – giảm 259 tỷ đồng so với năm trước. Chi phí vốn trong năm 2017 chủ yếu liên quan tới triển khai “nâng cấp vốn giai đoạn hai” nhằm tăng hiệu suất và công suất nhà máy, đặc biệt là chu trình tuyển vonfram và florit. Công ty kỳ vọng chi phí vốn năm 2018 sẽ vẫn nằm trong khoảng tương tự, và chủ yếu là chi phí cho đến bù đất đai để phục vụ hoạt động vận hành mỏ.



Nợ đến hạn

Trong số tổng các khoản nợ của Công ty, 30% khoản nợ đáo hạn trong vòng 1 năm. Tỷ lệ này bao gồm các khoản vay vốn lưu động của Công ty và khoản vay thành viên do đối tác liên doanh của Công ty cung cấp cho Công ty Núi Pháo – H.C. Starck, trong đó sở hữu của đối tác liên doanh là 49%. Sau khi điều chỉnh các nghĩa vụ thanh toán nợ để cập ở trên, khoản nợ đáo hạn trong vòng 1 năm của Công ty chỉ còn là 11%. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ bên thứ ba của Công ty trên EBITDA vào ngày 30 tháng 12 năm 2017 là 4,1x, dự kiến sẽ được cải thiện còn 2,6x vào cuối năm 2018.



Tài sản ròng và vốn chủ sở hữu

Tài sản ròng/vốn chủ sở hữu tăng 3% so với năm trước lên mức 12.012 tỷ đồng trong năm 2017 từ mức 11.711 tỷ đồng trong năm 2016. Khoản tăng này chủ yếu là do tăng trưởng tài sản ngắn hạn, cụ thể là tiền mặt, các khoản phải thu và hàng tồn kho. Những sự tăng trưởng tích cực này được đối trừ một phần nhỏ bởi sự gia tăng các khoản nợ ngắn hạn từ phía các nhà cung cấp và các khoản thanh toán ứng trước từ phía khách hàng. Môi trường kinh doanh giá cao hơn, tăng hiệu suất sử dụng vốn, và quản lý chặt tiền mặt/chi phí đã giúp mang lại bằng cân đối tài chính của Công ty ở vị trí khá tích cực để đạt được kỳ vọng tăng trưởng thông qua mua bán và sáp nhập trong tương lai của Công ty.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

KỶ LỤC SẢN XUẤT KINH DOANH TẠO NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CHO TĂNG TRƯỞNG TƯƠNG LAI

Kính thưa các Quý Cổ đông,

Năm 2017, Masan Resources đã đạt được thành tích kỷ lục trong sản xuất kinh doanh nhờ tăng trưởng sản lượng mạnh mẽ, hiệu quả sản xuất được nâng cao, tiếp tục tập trung kiểm soát chi phí, và cải thiện giá các sản phẩm. Chúng tôi đã thành công trong chuyển đổi Công ty từ một doanh nghiệp sản xuất hàng hoá nguyên liệu thành nhà sản xuất chế biến sâu hóa chất vonfram được công nhận về cả độ tin cậy và chất lượng của sản phẩm.

Chúng tôi tự hào điểm lại những kết quả nổi bật đã đạt được trong năm 2017 như sau:

SẢN LƯỢNG

Một lần nữa Công ty đã đạt mức tăng năng suất kỷ lục trên tất cả các sản phẩm. Trên cơ sở quy đổi vonfram tương đương, sản lượng vonfram đã tăng 5,7% so với năm trước. So với năm 2016, sản lượng hóa chất vonfram tăng 6,3%; Florit cấp Acid tăng 7,1%; bismut tăng 22% và đồng tăng 4,6%. Đây là những kỷ lục mới đối với mỗi sản phẩm mà Công ty sản xuất. Mức tăng về lượng quặng chế biến, tỷ lệ thu hồi và các thông số chính khác của Công ty là kết quả của việc tập trung tháo gỡ những khó khăn và thực hiện các dự án đầu tư cơ bản trong suốt cả năm 2017. Chúng tôi kỳ vọng kỷ lục trên còn được cải thiện hơn nữa, đặc biệt là tỷ lệ thu hồi vonfram, nhờ công nghệ được lắp đặt thêm vào cuối năm 2017 sẽ được nghiệm thu đi vào hoạt động và tối ưu hoá trong năm 2018.

NHÂN LỰC

Cuối năm 2017, tổng số lao động trực tiếp của Công ty là 1.164 lao động, trong đó tỷ lệ người lao động nước ngoài chiếm 8% tổng số lượng lao động. Số lượng lao động của các Nhà thầu của Công ty là khoảng 645 lao động. Trong năm 2017, Công ty vẫn tiếp tục đầu tư nguồn nhân lực thông qua Học viện MSR – công cụ phát triển và đào tạo chính của Công ty. Trong năm 2017 Công ty đã thực hiện được 91.339 giờ đào tạo, tăng 33% so với số giờ thực hiện năm trước đó. Trọng tâm và cam kết của Công ty vẫn là tuyển dụng và đào tạo lực lượng lao động tại địa phương nơi thực hiện Dự án. Điều này đảm bảo Công ty có những nhân sự phù hợp với các kỹ năng phù hợp, đồng thời tạo điều kiện cho cộng đồng địa phương hưởng lợi từ Dự án.

AN TOÀN LAO ĐỘNG

Tỷ lệ Tổng Tần suất tai nạn ghi nhận và Tỷ lệ tần suất tai nạn gây mất ngày công lao động tính trên mỗi triệu giờ lao động của năm 2017 lần lượt là 1,92 (năm 2016 là 0,00) và 0,58 (năm 2016 là 0,00). Sau ba năm không có tai nạn gây mất ngày công, chúng tôi đã vô cùng thất vọng khi đã ba lần để xảy ra mất an toàn cho các thành viên gia đình Masan Resources trong nửa đầu năm 2017. Tuy nhiên, điều này đã buộc chúng tôi phải tập trung hơn vào những gì đang thực hiện và cách thức thực hiện công việc bằng cách tiến hành đào tạo lại cho toàn bộ cán bộ công nhân viên và các nhà thầu về Phân tích An toàn Công việc (JSA) và Nhận thức Mối nguy (HA), đồng thời nâng cao ý thức về an toàn trong công việc cho toàn thể người lao động.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP & MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục tuân thủ và thực hiện các cam kết của Công ty về xã hội và môi trường nhằm gắn kết với cộng đồng tại khu vực dự án, đồng thời tiếp tục vận hành theo phương thức bền vững và thân thiện với môi trường. Cũng trong năm 2017, Bộ TNMT đã ra thông báo kết luận của đợt thanh tra thực hiện từ cuối năm 2016 tới đầu năm 2017. Điểm đáng lưu ý là các cơ quan quản lý đã xác định Công ty không có vi phạm về pháp luật môi trường, tuy nhiên chúng tôi có hai vi phạm về thủ tục hành chính. Cả hai vi phạm thủ tục hành chính này đều đã được Công ty khắc phục, và Công ty đã nộp phạt 510.000.000 đồng đối với hai vi phạm này. Từ sau kết luận này, Công ty đã cải thiện hệ thống để đảm bảo rằng những vi phạm hành chính như trên không xảy ra trong thời gian tới. Tuy nhiên, từ đợt thanh tra của Bộ TNMT, Công ty có cơ hội để nâng cao tính minh bạch của

hệ thống báo cáo môi trường, khiến cho cộng đồng tin tưởng hơn vào Công ty. Đến giữa năm 2018, Công ty sẽ hoàn thiện hệ thống phân tích nước và khí thải tự động và truyền trực tiếp dữ liệu tới các cơ quan quản lý liên quan, nhờ đó các cơ quan quản lý có thể thường xuyên theo dõi và giám sát các hoạt động của Công ty.

Cuối năm vừa qua, Nhà máy chế biến sâu Hóa chất Vonfram của chúng tôi bắt đầu quá trình tái chứng nhận theo chu kỳ 3 năm về việc tuân thủ các tiêu chuẩn của Quy trình Đảm bảo Chế biến Khoáng Sản Có Trách nhiệm (tiền thân là Chương trình Sáng kiến Chế biến Khoáng sản Không Phục vụ xung đột vũ trang). Quá trình này dự kiến hoàn thành vào Quý II năm 2018.

GẮN KẾT CỘNG ĐỒNG

Masan Resources tiếp tục chứng tỏ cam kết của Công ty về phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội thông qua một loạt hoạt động như vượt chuẩn qui định cho các khu vực tái định cư, phát triển mạng lưới các nhà cung cấp địa phương để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, mở rộng các mô hình VietGAP trong lĩnh vực nông nghiệp, và quan trọng nhất đó là đã thành lập Quỹ Phục hồi Kinh tế để cấp vốn cho những dự án phục hồi kinh tế thông qua chương trình tín dụng vi mô. Năm 2017, chương trình Tín dụng Xanh cũng đã được kích hoạt để khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh. Đáng lưu ý, nông nghiệp xanh cũng là trọng tâm của Diễn đàn Doanh nghiệp Phát triển Bền vững Việt Nam lần thứ 4 (VCSF 2017) tổ chức tháng 10 vừa qua về nông nghiệp bền vững. Masan Resources tiếp tục các nỗ lực xanh của Công ty với dự án thí điểm trồng cây Năng lượng bằng các cuộc hội thảo trên thực địa cùng với Viện Các Vấn đề Môi trường Độc lập (UfU) - Cộng hòa Liên bang Đức và Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, dự án trồng cây cộng đồng cho cộng đồng dân cư lân cận, phục hồi được 8,5 ha diện tích đất trước đây thuộc vùng bị ảnh hưởng bởi Dự án Núi Pháo, chương trình trồng chè theo tiêu chuẩn VietGAP cho 75 hộ gia đình, và phát triển dự án trồng rau an toàn cho thị trấn Hùng Sơn.

TÀI CHÍNH

Đây là một năm thành công của Masan Resources với Doanh thu và Lợi nhuận đạt mức kỷ lục nhờ sản lượng tăng kỷ lục và giá sản phẩm tăng. Chiến lược chuyển sang các sản phẩm giá trị gia tăng, đặc biệt là vonfram, đã nâng cao giá trị mà Masan Resources thu được từ các sản phẩm của Công ty. Tổng doanh thu thực hiện của các sản phẩm này thể hiện ghi nhận đối với thương hiệu của Công ty đã tăng lên và vai trò dẫn dắt của chúng tôi đối với chất lượng sản phẩm.

Chúng tôi tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng các đơn hàng trong năm 2017, và hiện nay chúng tôi vẫn đang có thêm nhiều các đơn

hàng mới cho tất cả các sản phẩm vượt cao hơn khả năng cung cấp của Công ty.

GHI NHẬN CỦA CỘNG ĐỒNG

Masan Resources được Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo VietnamNet ghi nhận là một trong những doanh nghiệp lớn nhất của Việt Nam (Top 500) và là công ty tăng trưởng nhanh nhất (Top FAST 500) trong năm 2017. Đặc biệt, Masan Resources vừa được Bộ TNMT chứng nhận là doanh nghiệp sáng tạo trong ứng dụng công nghệ thân thiện môi trường, và chưa hết, chúng tôi mới chỉ bắt đầu, chúng tôi đã và đang đặt nền móng vững chắc cho hoạt động kinh doanh của chúng tôi với nhiều tiềm năng còn có thể khai thác.

PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU MASAN RESOURCES TRÊN TOÀN CẦU

Trong chiến lược kinh doanh của MSR đã đề ra, chúng tôi không ngừng tập trung phát triển Masan Resources thành một thương hiệu được công nhận toàn cầu. Công ty đã tham dự và trình bày thành công tham luận tại Hội nghị Thượng đỉnh Vonfram Argus tại Luân Đôn vào tháng 3, và tại Hội thảo Florit của Hiệp hội Khoáng sản Công nghiệp tại Amsterdam vào tháng 10 năm 2017. Trong năm 2017, một Lãnh đạo Cấp cao của Masan Resources cũng được đề cử và bầu chọn giữ cương vị Phó Chủ tịch Hiệp hội Công nghiệp Vonfram Quốc tế (ITIA). Vào tháng 3 năm 2017, Masan Resources đã tổ chức thành công chuyến công tác của phái đoàn tham dự Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương tại Việt Nam tới thăm quan các hoạt động của Công ty. Các phản hồi của Phái đoàn qua chuyến thăm rất tích cực, đặc biệt là về công tác phục hồi môi trường mà Công ty đã thực hiện từ trước tới nay.

KẾ HOẠCH NĂM 2018 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

Trong năm tới, chúng tôi dự kiến tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở nền tảng vững chắc mà Công ty đã xây dựng được trong năm 2017. Chúng tôi kỳ vọng tiếp tục củng cố vị thế của Công ty trên thị trường công nghiệp vonfram cũng như vị thế của Công ty trong việc dẫn dắt thay đổi ngành vonfram toàn cầu. Khi chúng tôi liên tục tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm của Công ty, thì chúng tôi hướng tới nâng cao tầm quan trọng của Công ty đối với khách hàng, qua đó có thể dẫn dắt tăng trưởng và sáng tạo công nghiệp toàn cầu.

Cuối cùng, chúng tôi cam kết tiếp tục nâng cao các hoạt động tuân thủ của Công ty và các sáng kiến minh bạch trong báo cáo.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRỞ THÀNH DOANH NGHIỆP TÍCH HỢP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VONFRAM Ở QUY MÔ TOÀN CẦU

Kính thưa các Quý Cổ đông,

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) của Masan Resources xin trân trọng gửi đến Quý Cổ đông báo cáo đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty trong năm 2017 như sau:

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2017 là năm đầu tiên đánh dấu việc Masan Resources nâng tầm nhìn từ triển vọng trong nước vươn ra quy mô toàn cầu. Công ty đã tự chuyển đổi thành công từ một dự án khai khoáng tiên phong hàng đầu của Việt Nam thành một đầu thủ được đánh giá cao trên thị trường quốc tế. Năm 2017 sẽ được nhớ đến như là một năm có nhiều sự kiện, đầy thách thức và khó khăn, nhưng cũng có rất nhiều thành tựu và sự ghi nhận to lớn. Chúng tôi đã giữ vững lời hứa là sẽ xây dựng Masan Resources thành một công ty dẫn đầu trong ngành công nghiệp khai khoáng, có khả năng làm chuyển biến thị trường vonfram toàn cầu.

Công ty vẫn tiếp tục áp dụng những tiêu chuẩn tốt nhất trên tất cả các lĩnh vực liên quan tới cộng đồng, môi trường và an toàn. Về môi trường, Công ty đã hoàn thành cuộc thanh tra nghiêm ngặt về việc tuân thủ các quy định về môi trường. Cuộc thanh tra này có sự tham gia của nhiều bộ ngành và chuyên gia, liên quan đến tất cả các lĩnh vực của dự án Núi Pháo, bao gồm công tác quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, tài nguyên đất và quản lý

môi trường. Chúng tôi rất vui mừng thông báo rằng cuộc thanh tra đã kết thúc với kết luận là Công ty không có vi phạm nghiêm trọng nào mà chỉ có một số vi phạm hành chính nhỏ. Ban Giám đốc Công ty đã tiến hành điều chỉnh các quy trình nội bộ nhằm đảm bảo những lỗi hành chính đó sẽ không tái diễn, đồng thời tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý và xây dựng chính sách để nâng cao vị thế của Công ty như là công ty chế biến khoáng sản và hóa chất công nghiệp tích hợp lớn nhất tại Việt Nam. Trong một động thái tán thành kết quả khả quan của cuộc thanh tra, Công ty đã là đơn vị được lựa chọn để đón tiếp các đại diện quốc tế của Phái đoàn Đặc trách về Khai khoáng (MTF) của APEC. Phái đoàn Đặc trách về Khai khoáng của APEC đã đánh giá cao công tác môi trường, phục hồi môi trường, bồi thường tái định cư, và quy trình tuyển dụng cũng như trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Công tác phát triển Cộng đồng vẫn luôn được đặc biệt quan tâm, chúng tôi tiếp tục giữ cam kết xây dựng các công trình hạ tầng dân sinh để ổn định và nâng cao chất lượng đời sống cho những người dân bị ảnh hưởng bởi Dự án.

Giá thành đối với tất cả các dòng sản phẩm của MSR tăng đáng kể cùng với hiệu suất hoạt động của Công ty được nâng cao đã giúp Công ty đạt được những kết quả kỷ lục, mặc dù thị trường quốc tế có nhiều rủi ro biến động. Công ty Liên doanh tiếp tục đưa ra thị trường những sản phẩm hóa chất vonfram chất lượng cao; đồng thời hiện nay chúng tôi đã và đang triển khai nỗ lực tối đa để đáp ứng các đơn đặt hàng ngày càng tăng cũng như số lượng yêu cầu gửi đến từ khách hàng hiện tại và khách hàng mới.

Hoạt động Nghiên cứu & Phát triển (R&D) cũng đã được nâng lên tầm cao mới. Trong năm 2017, Masan Resources đã tiến hành nhiều hoạt động nghiên cứu và phát triển. Kết quả của các hoạt động này là đem lại hiệu quả năng suất cao hơn, đồng thời một số công trình nghiên cứu và phát triển (R&D) đã trở thành những công trình đầu tiên được đưa vào ứng dụng trên toàn thế giới.

HĐQT đã hoàn thành các nhiệm vụ của mình trong việc xem xét và phê duyệt các nghị quyết về hoạt động của Công ty và các công ty con. Trong năm 2017, không có thành viên nào của HĐQT nhận bất kỳ khoản thù lao nào cho các nghĩa vụ của họ với tư cách là thành viên của HĐQT và không có bất kỳ chi phí nào cho hoạt động của HĐQT.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc tiếp tục quản lý Công ty một cách xứng đáng với niềm tin và hỗ trợ từ HĐQT và các cổ đông. Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác đã hoàn thành các nhiệm vụ và chức năng của mình trong năm 2017, cũng như đã thi hành đầy đủ tất cả các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.

Các tiểu ban thành lập trong năm 2016, gồm có Ban Phát triển Bền vững và Ban Quản lý Rủi ro đã hoàn thành nghĩa vụ trong việc tham mưu và hỗ trợ HĐQT về các vấn đề có những tác động lớn đối với hoạt động và uy tín của Công ty. Rõ ràng, Masan Resources đang trên lộ trình trở thành một công ty có mô hình quản trị doanh nghiệp nội bộ hiệu quả, đảm bảo và gia tăng thêm giá trị cho các khoản đầu tư của cổ đông.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Về chiến lược, Masan Resources sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội và đàm phán để trở thành doanh nghiệp tích hợp sản xuất và kinh doanh vonfram ở quy mô toàn cầu. Chiến lược này sẽ giúp Công ty duy trì tình hình tài chính ổn định và vững chắc qua các chu kỳ hàng hoá. HĐQT cũng sẽ đưa ra một chiến lược tổng thể với mục tiêu xây dựng đội ngũ tri thức kỹ thuật ưu tú nhất xuyên suốt tất cả các ngành nghề như khai mỏ, sản xuất kim loại và hóa chất.

Trong năm 2017, Công ty đã thành công trong việc chứng minh cho thế giới thấy rằng một công ty Việt Nam có thể dẫn dắt sự thay đổi của thị trường Vonfram toàn cầu. Định hướng cho năm 2018 cho thấy những gì mà chúng tôi đạt được mới chỉ là bắt đầu của một kế hoạch đầy tham vọng và khả thi đối với tăng trưởng bền vững và sự ghi nhận toàn cầu.

Với những nội dung đã đề cập ở trên, HĐQT hoàn toàn ủng hộ và hỗ trợ những nỗ lực của Ban Giám Đốc nhằm chuyển đổi Công ty thành một mảng ghép chiến lược không thể thiếu đối với động lực đổi mới nền công nghiệp toàn cầu.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính thưa các Quý Cổ đông,

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ của Công ty, Ban Kiểm soát xin báo cáo hoạt động trong năm 2017 với các nội dung như sau:

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2017

- Giám sát và kiểm tra việc quản lý và thực hiện các hoạt động của Công ty trong năm 2017 của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc; Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động của Công ty trong năm 2017 theo các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông năm 2017.
- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Thành viên Ban Kiểm soát không nhận thù lao khi thực hiện nhiệm vụ với tư cách là thành viên của Ban Kiểm soát và hoạt động của Ban Kiểm soát không phát sinh bất kỳ chi phí hoạt động nào.

BAN KIỂM SOÁT KIỂM TRA CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của Hội đồng Quản trị trình Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty và các công ty con của Công ty.

Những số liệu chính về tình hình tài chính đến ngày 31/12/2017:

Bảng 1: Bảng cân đối kế toán

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2017 Nghìn VNĐ	1/1/2017 Nghìn VNĐ	31/12/2017 Nghìn VNĐ	1/1/2017 Nghìn VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	3.456.003.440	2.496.130.991	2.782.039	951.931
Tiền và các khoản tương đương tiền	780.414.201	603.345.037	483.619	896.931
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.500.000	-	-	-
Các khoản phải thu - ngắn hạn	860.460.818	583.833.584	2.298.420	55.000
Hàng tồn kho	1.409.062.969	1.112.385.216	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	373.565.452	196.567.154	-	-
Tài sản dài hạn	23.688.207.422	24.039.367.458	9.995.844.635	10.024.094.084
Các khoản phải thu - dài hạn	1.346.793.937	1.379.457.775	4.855.509.062	4.883.758.511
Tài sản cố định	18.898.064.279	18.629.319.036	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	987.802.403	1.681.618.571	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573
Tài sản dài hạn khác	2.455.546.803	2.348.972.076	-	-
TỔNG TÀI SẢN	27.144.210.862	26.535.498.449	9.998.626.674	10.025.046.015
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	15.132.604.815	14.825.018.166	554.834.167	581.264.773
Nợ ngắn hạn phải trả	4.871.844.056	3.518.587.636	13.759.992	40.190.598
Nợ dài hạn phải trả	10.260.760.759	11.306.430.530	541.074.175	541.074.175
VỐN CHỦ SỞ HỮU	12.011.606.047	11.710.480.283	9.443.792.507	9.443.781.242
TỔNG NGUỒN VỐN	27.144.210.862	26.535.498.449	9.998.626.674	10.025.046.015

Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát không thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Công ty tuân thủ chặt chẽ tất cả các quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Số liệu về kết quả kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Bảng 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Tập đoàn		Công ty	
	2017 Nghìn VNĐ	2016 Nghìn VNĐ	2017 Nghìn VNĐ	2016 Nghìn VNĐ
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	334.717.770	131.491.833	11.265	82.295.487
Kết quả từ các hoạt động khác	(42.595.318)	(30.927.079)	-	(2.942)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	292.122.452	100.564.754	11.265	82.292.545
Chi phí thuế thu nhập - hiện tại	36.841.033	14.320.441	-	-
Lợi ích thuế TNDN - hoãn lại	(45.844.345)	(29.101.561)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) ròng sau thuế:	301.125.764	115.345.874	11.265	82.292.545
Lợi nhuận ròng phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	205.914.056	109.841.024	11.265	82.292.545
Cổ đông không kiểm soát	95.211.708	5.504.850	-	-

Về công tác quản trị và điều hành

a. Hội đồng Quản trị:

Ban Kiểm soát nhận thấy rằng Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hội đồng Quản trị đã thực hiện hợp lệ tất cả các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông trong năm 2017.

Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, Luật Doanh nghiệp, và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b. Ban Giám đốc

Ban Kiểm soát nhận thấy rằng Ban Giám đốc đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả và tuân thủ đúng các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

KẾT LUẬN

Các hoạt động của Công ty trong năm 2017 tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và chấp hành đúng các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Số Nghị quyết 167/2017/NQ-ĐHĐCĐ

Ngày 17/4/2017

Nội dung

- (i) Thông qua báo cáo của HĐQT về công tác quản lý và hoạt động kinh doanh năm 2016 của Công ty;
- (ii) Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2016;
- (iii) Thông qua báo cáo tài chính năm 2016 của Công Ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG;
- (iv) Thông qua kế hoạch phân chia lợi nhuận của Công ty năm 2016;
- (v) Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG là tổ chức kiểm toán cho Công Ty năm 2017;
- (vi) Thông qua dự báo lợi nhuận của Công ty trong năm 2017;
- (vii) Phê chuẩn việc ông Jonathan David Fiorello từ nhiệm vị trí thành viên Hội đồng Quản trị, và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị của Công Ty trong giai đoạn còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2021 gồm 05 (năm) thành viên;
- (viii) Thông qua thù lao cho các thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm 2017 là 0 VNĐ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Chetan Prakash Baxi	Chairman of the BOD	20/12/2013	5/5	100%	
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Thành viên HĐQT	18/02/2013	5/5	100%	
3	Ông Nguyễn Thiếu Nam	Thành viên HĐQT	18/02/2013	5/5	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên HĐQT	22/4/2016	5/5	100%	
5	Ông Dominic John Heaton	Thành viên HĐQT	22/4/2016	5/5	100%	
6	Ông Jonathan David Fiorello	Thành viên HĐQT	17/4/2017	1/2	50%	Không tham dự cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong năm 2017 (tổ chức ngày 23/3/2017) vì lý do cá nhân. Tham gia cuộc họp thứ hai ngày 28/3/2017. Không tham dự các cuộc họp còn lại của HĐQT trong năm 2017 vì đã từ nhiệm ngày 17/4/2017.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Thông qua các cuộc họp của HĐQT, Tổng giám đốc báo cáo tình hình hoạt động của Công ty và các hoạt động quan trọng của các công ty con của Công ty;

Giám sát và chỉ đạo thực hiện các dự án đầu tư của Công ty và các công ty con của Công ty;

Thực hiện các công việc được ủy quyền theo các nghị quyết của HĐQT Công ty.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

a. Hoạt động của Ủy ban Phát triển Bền vững

Hỗ trợ HĐQT và Ban Giám đốc điều hành xây dựng kế hoạch chiến lược trong phát triển bền vững và gắn kết hiệu quả với các bên liên quan;

Rà soát và giám sát hoạt động của Công ty về các ảnh hưởng của hoạt động của Công ty đối với sự phát triển bền vững, môi trường, cộng đồng và các bên có liên quan trọng yếu khác;

Đề xuất, rà soát và giám sát các hoạt động của các chương trình sáng kiến bền vững của Công ty liên quan đến tác động đối với cộng đồng, môi trường và xã hội;

Rà soát và đưa ra các khuyến nghị tới Ban Giám đốc điều hành về các thông báo tới các cổ đông và cộng đồng liên quan đến các hoạt động vì trách nhiệm cộng đồng của Công ty;

b. Hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro

Rà soát và thảo luận với Ban Giám đốc điều hành và với công ty kiểm toán độc lập của Công ty về các báo cáo tài chính quý của Công ty;

Thảo luận với Ban Giám đốc điều hành về các thông cáo báo chí kết quả kinh doanh của Công ty;

Thảo luận với Ban Giám đốc điều hành về các chính sách của Công ty liên quan đến đánh giá và quản lý rủi ro, và các hành động mà Ban Giám đốc điều hành đã thực hiện để giám sát và kiểm soát các rủi ro.

Nghị quyết do Hội đồng Quản trị

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	128/2017/NQ-HĐQT	23/3/2017	Phê duyệt (i) tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2017, và (ii) các vấn đề trình ĐHĐCĐ phê duyệt.
2	134/2017/NQ-HĐQT	28/3/2017	Tái bổ nhiệm Giám đốc Tài chính
3	260/2017/NQ-HĐQT	23/6/2017	Phê duyệt (i) nội dung Báo cáo việc thực hiện các biện pháp khắc phục theo nội dung kết luận của Đoàn thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường; (ii) Thông qua việc sửa đổi tên tiếng Anh của Ủy ban Phát triển Bền vững thành “Sustainability Committee”; và (iii) danh sách các thành viên Ủy ban Phát triển Bền vững.
4	320/2017/NQ-HĐQT	31/7/2017	Miễn nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới
5	428/2017/NQ-HĐQT	21/9/2017	Phê duyệt (i) Điều lệ hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro trực thuộc Hội đồng Quản trị, (ii) danh sách các thành viên của Ủy ban Quản lý rủi ro, và (iii) rút lưu ký đối với các cổ phần ưu đãi cổ tức của Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Trưởng Ban Kiểm soát	30/9/2013	2/2	100%	
2	Ông Nguyễn Quỳnh Lâm	Thành viên Ban Kiểm soát	22/4/2016	2/2	100%	
3	Ông Tung Hoang Nguyen	Thành viên Ban Kiểm soát	22/4/2016	2/2	100%	

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

(Xem thêm Báo cáo của Ban Kiểm soát từ trang 74-77)

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và đội ngũ cán bộ quản lý khác

Tham dự và đưa ra các ý kiến đóng góp tại các cuộc họp HĐQT;

Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông, HĐQT được ban hành trong năm 2017;

Giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty;

Kiểm tra các báo cáo tài chính trong năm 2017.

Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tất cả các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Thư ký Công ty đã tham gia và hoàn thành chương trình đào tạo về quản trị công ty cho các công ty đại chúng do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức và được cấp chứng chỉ hoàn thành vào tháng 9/2016.

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có

Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: Không có.

Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành (“Bên liên quan”) trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

Năm	Bên liên quan (có giao dịch với Công ty)	Mối quan hệ với Công ty	Mô tả giao dịch
2015	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Thành viên HĐQT của Công ty cũng là thành viên HĐQT của Bên liên quan	Giao dịch vay nội bộ
2016	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Thành viên HĐQT của Công ty cũng là thành viên HĐQT của Bên liên quan	Hỗ trợ tài chính

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết: Không có

CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHÁC

Không có.

BÁO CÁO QUẢN LÝ NHÂN SỰ

TỔNG SỐ NHÂN VIÊN VÀ THU NHẬP BÌNH QUÂN

Năm	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng số nhân viên	1.281	1.095	1.095	1.027	1.072*
Trong đó: - Nhân sự người Việt Nam	1.130	976	973	928	976
- Nhân sự người nước ngoài	151	119	122	99	96
Thu nhập bình quân/tháng (triệu đồng) của người Việt Nam	8,7	9,7	10,2	10,7	11,2

* Không bao gồm Công ty Liên doanh

CƠ CẤU LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

So với năm 2016, cơ cấu lực lượng lao động của Masan Resources trong năm 2017 không có nhiều biến động; dưới đây là phân tích thành phần lực lượng lao động theo độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn và tính đa dạng vùng miền.

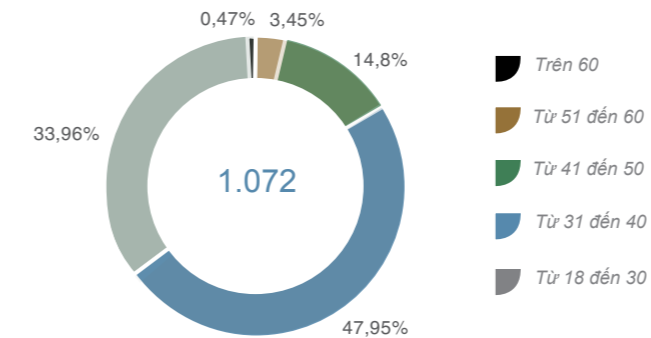


Theo độ tuổi

Độ tuổi trung bình của toàn bộ lực lượng lao động là 34. Độ tuổi trung bình được phân theo nhóm vị trí:

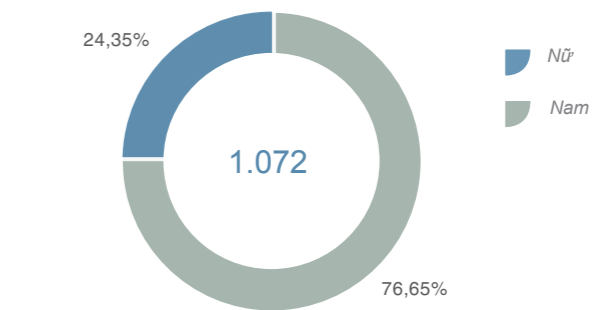
- Giám đốc: 50
- Trưởng bộ phận: 42
- Giám sát cấp cao: 43
- Giám sát: 38
- Nhân viên kỹ thuật/văn phòng: 32
- Công nhân: 33

Tỷ lệ lao động phân loại theo độ tuổi thể hiện ở biểu đồ hình tròn dưới đây.



Theo giới tính

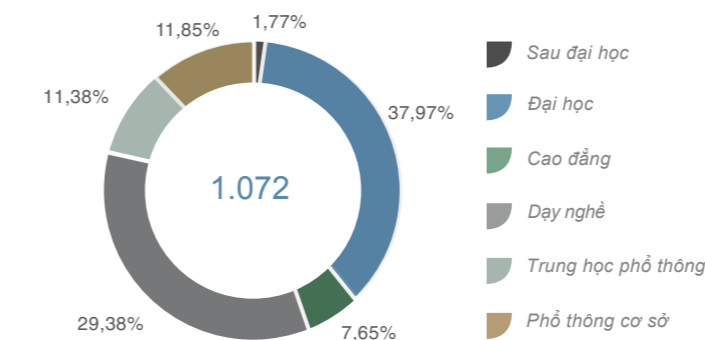
Nhất quán với chính sách tuyển dụng và bình đẳng giới của MSR về cơ hội việc làm bình đẳng, phụ nữ được tuyển dụng làm việc ở tất cả mọi vị trí việc làm của Công ty. Tỷ lệ lao động nữ chiếm khoảng trên 24% tổng lực lượng lao động. Với tỷ lệ này, Masan Resources được xếp vào hàng Công ty có tỷ lệ lao động nữ trung bình cao trong ngành khai thác mỏ (theo một số nghiên cứu cho biết, tỷ lệ lao động nữ làm việc cho ngành khai thác mỏ trên toàn thế giới chiếm 14,7%).



Theo trình độ học vấn

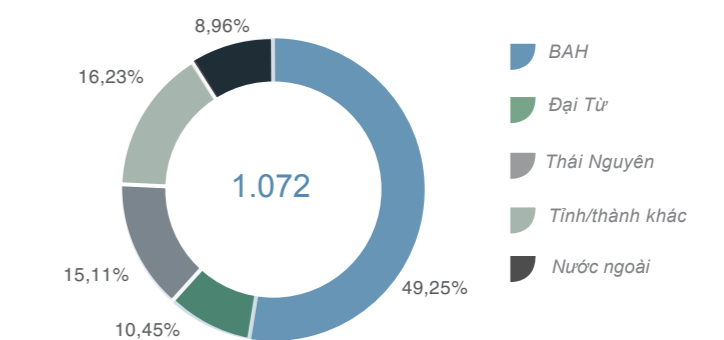
Lực lượng lao động phân loại theo trình độ học vấn:

- Đại học và sau đại học: 40%
- Cao đẳng và học nghề: 37%
- THPT và thấp hơn: 23%



Theo vùng miền

Gần 75% lao động từ trong tỉnh Thái Nguyên, 16% lao động từ các tỉnh khác và 9% lao động đến từ các quốc gia khác.



TUYỂN DỤNG

Công ty đã tuyển tổng cộng 135 vị trí việc làm trong năm 2017. Một phần của đội ngũ lao động mới tuyển này là để thay thế cho biến động lao động tự nhiên, phần còn lại là tuyển cho chu trình Tuyển Trọng lực Cao mới đi vào vận hành từ quý cuối năm 2017. Trong năm, công tác tuyển dụng cũng gặp khó khăn trong tuyển một số vị trí. Để giải quyết vấn đề này, Công ty đã tập trung xây dựng uy tín của đơn vị tuyển dụng, và kết quả là có hơn 3.000 người theo dõi Công ty trên các trang mạng truyền thông xã hội.

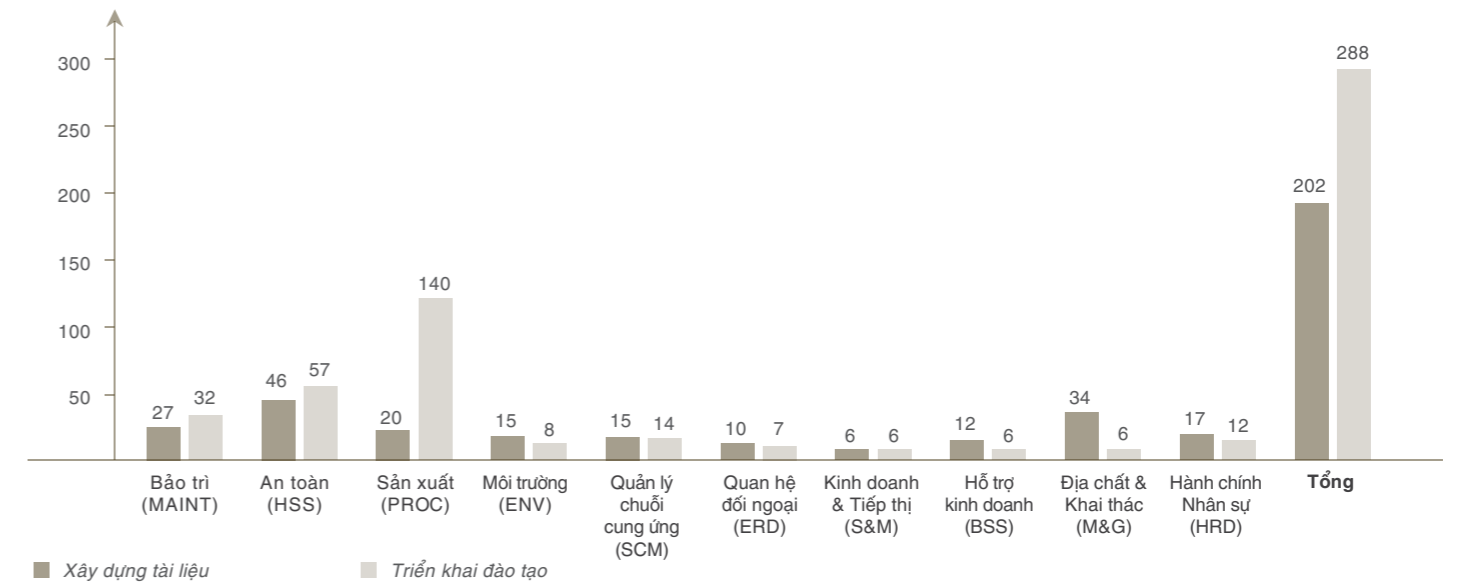
ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN VIÊN

Tiếp nối các hoạt động đào tạo và phát triển nhân viên đã thực hiện những năm qua, Bộ phận Nhân sự cùng với các Bộ phận khác đã thực hiện các chương trình đào tạo có nội dung phù hợp với các mục tiêu và chiến lược của Công ty. Nội dung của các hoạt động đào tạo và phát triển năm 2017 tập trung tăng cường cho nhân viên những kỹ năng cần thiết ở cương vị hiện tại của họ, với 441 lượt nhân viên được cử đi tham gia các khoá học ở các đơn vị đào tạo chuyên môn, 2.333 lượt nhân viên được đào tạo nội bộ, với tổng số giờ đào tạo trong năm là 4.684 giờ, tăng 33% so với thời lượng năm 2016. Cụ thể như sau:



Mô tả	2016	2017
Tổng chi phí đầu tư cho hoạt động đào tạo (đồng)	3.462.738.112,00	3.302.919.766,75
Tổng số giờ đào tạo chuyên môn	3.531	4.684
<i>Trond đó: Tổng số nhân viên được đào tạo ở các đơn vị đào tạo chuyên môn</i>	528	441
<i>Tổng lượt nhân viên được đào tạo nội bộ</i>	1.570	2.334
Tổng số nội dung được đào tạo nội bộ	208	259
Tổng số nội dung được đào tạo ở các đơn vị đào tạo chuyên môn	23	27
Tổng số tài liệu đào tạo nội bộ được xây dựng	408	203

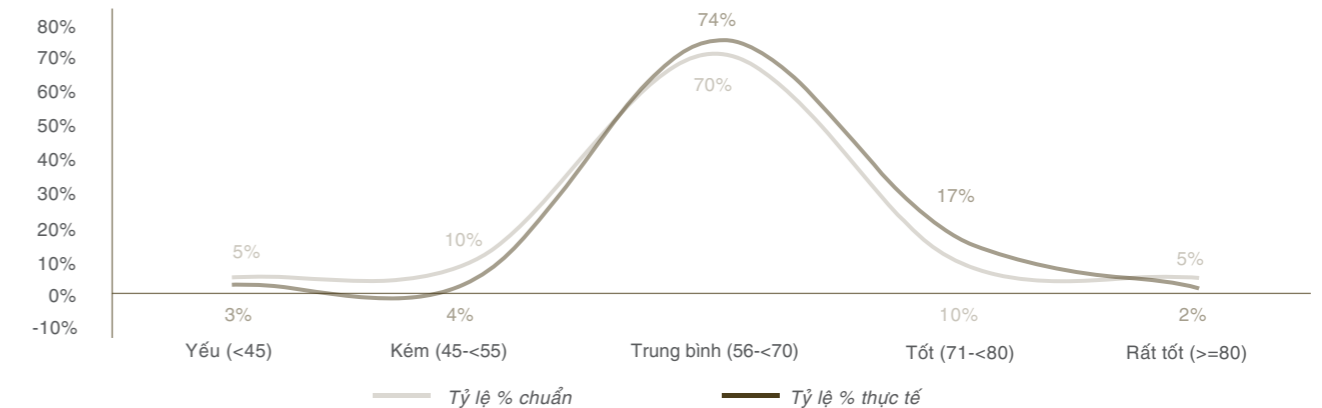
Tổng kết hạng mục đào tạo & phát triển năm 2017



QUẢN LÝ HIỆU QUẢ LÀM VIỆC CỦA NHÂN VIÊN

Song song với việc triển khai chương trình đào tạo và phát triển nhân viên, công tác quản lý hiệu quả làm việc của nhân viên cũng được duy trì tốt, phương án cải thiện hiệu quả làm việc được kịp thời đưa ra giúp những nhân viên có hiệu quả làm việc thấp, cần cải thiện một số lĩnh vực cụ thể để đạt hiệu quả tốt hơn. Theo thời gian, đường cong hiệu quả làm việc dịch chuyển sang bên phải, điều này nhất quán với năng suất lao động tăng đều trong 3 năm vừa qua.

Đường cong hiệu quả làm việc của nhân viên năm 2017



Năng suất lao động năm 2017

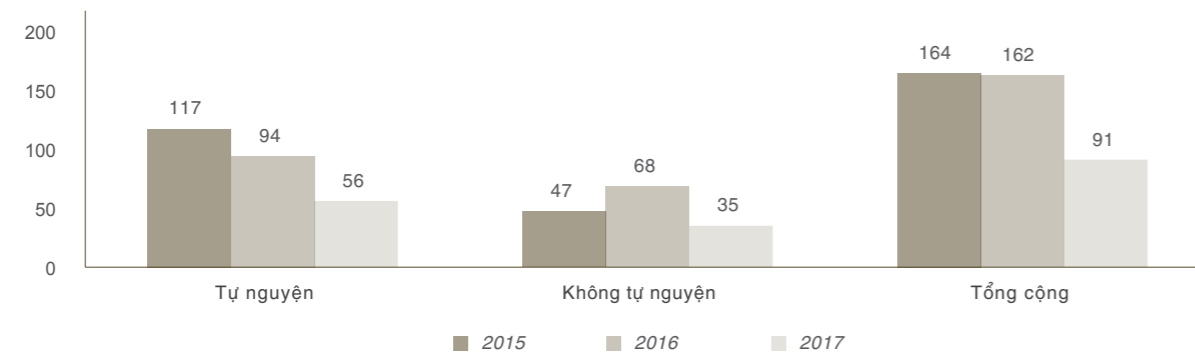
Năm	Tổng WO ₃ tương đương (Tấn)		Số lượng nhân viên (Người)		Năng suất theo người (Tấn)			So với năm trước	Ghi chú
	Dự toán	Sản xuất	Dự toán	Thực tế	Dự toán	Thực tế	Dự toán >< thực tế		
2014	9.182	6.287	1.010	997	9,09	6,3	(0,31)		
2015	8.689	10.250	1.073	1.066	8,10	9,6	0,19	↑ 0,52	
2016	12.743	12.449	1.022	1.017	12,5	12,2	(0,02)	↑ 0,27	
2017	12.393	13.119 (*)	1.005	1.004	12,3	13,1	0,06	↑ 0,07	

(*) WO₃ tương đương đã sản xuất: từ đầu năm tới Tháng 12

GẮN KẾT NHÂN VIÊN

Nhất quán với những giá trị cốt lõi của Công ty: TÔN TRỌNG - HÀNH ĐỘNG - KẾT QUẢ, Công ty đã triển khai và duy trì một số hoạt động như là: hoạt động đào tạo và phát triển, đối thoại lao động định kỳ, giải thưởng sao tháng, chương trình chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ cộng đồng, tổ chức các sự kiện thể thao và giải trí. Thông qua những hoạt động đó, nhân viên có cơ hội: (1) đối thoại trực tiếp với ban quản lý cấp cao nhất của Công ty, (2) được ghi nhận hiệu quả làm việc nổi bật của bản thân, và (3) được chăm lo sức khoẻ và đời sống. Các hoạt động trên góp phần liên tục thúc đẩy một môi trường làm việc tích cực, nâng cao mức độ hài lòng của nhân viên, giảm các xung đột và tranh chấp trong quá trình làm việc. Kết quả, năm 2017 là năm thứ ba liên tiếp Công ty có mức biến động nhân sự giảm đáng kể. Cụ thể, tổng số lao động thôi việc trong năm 2017 giảm 40% so với năm 2016. Số liệu cụ thể được thể hiện trong sơ đồ sau:

Biến động nhân sự năm 2017



BÁO CÁO QUẢN LÝ RỦI RO

Rủi ro	Cơ sở Rủi ro	Biện pháp Giảm thiểu
Rủi ro về Giá bán Sản phẩm	Giá các sản phẩm vonfram, đồng, fourit và bismut của Công ty được xác định bởi, hoặc có liên quan tới giá cả trên thị trường thế giới, mà giá các sản phẩm này từ trước đến nay thường chịu sự biến động đáng kể. Sự biến động về giá cả hàng hóa thường xảy ra do sự thay đổi giá cả phản ánh qua các yếu tố kinh tế và địa chính trị toàn cầu (như Năng lượng, An ninh, Cơ sở hạ tầng), các nhu cầu trong ngành, nguồn cung tăng do sự phát triển của các nguồn sản xuất mới, do sự thay đổi công nghệ, thay thế sản phẩm và thuế phí trong nước. Sự biến động của tăng trưởng kinh tế toàn cầu cũng tiềm ẩn tác động bất lợi đến nhu cầu tương lai và giá cả hàng hóa. Điều này cũng có nguy cơ tác động tiêu cực đến dòng tiền và giá trị tài sản trong thời gian sắp tới.	Công ty vận hành tại điểm thấp nhất trên đường cong chi phí toàn cầu với các loại sản phẩm của mình. Điều này giúp Công ty có ưu thế hơn so với các đối thủ cạnh tranh trong môi trường cạnh tranh về giá. Công ty có một danh mục đa dạng các sản phẩm được bán ra cho các khách hàng đa dạng ở các thị trường trải trên nhiều khu vực địa lý và cho nhiều ứng dụng khác nhau sử dụng trực tiếp sản phẩm của Công ty. Việc này giúp Công ty không bị ảnh hưởng bởi những biến động lớn hoặc có thể ứng phó với tình trạng một mặt hàng nào của Công ty không bán được, đồng thời cũng bảo vệ Công ty tránh khỏi rủi ro hiệu quả thấp khi chỉ bán cho khách hàng từ duy nhất một khu vực địa lý hay duy nhất một dạng ứng dụng sử dụng trực tiếp sản phẩm Công ty. Đối với những mặt hàng giao dịch có nhiều biến động như đồng, Công ty sử dụng các công cụ tài chính như hợp đồng có kỳ hạn và hợp đồng tự bảo đảm để giảm rủi ro về giá.
Rủi ro về Tỷ giá Quy đổi	Phần lớn các mặt hàng bán ra của Công ty được xuất khẩu và định giá bằng tiền USD. Do vậy, sự biến động về tỷ giá quy đổi tiền VNĐ/USD có thể có những tác động đáng kể đến kết quả tài chính của Công ty.	Rất nhiều chi phí cho vật liệu và phụ tùng thay thế hiện không có sẵn tại Việt Nam đều được định giá bằng tiền USD. Điều này tạo ra một hàng rào tự nhiên bảo vệ Công ty khỏi một phần rủi ro về tỷ giá trong chi phí. Các chi phí còn lại cũng như các khoản nợ của Công ty thì được định giá bằng VNĐ. Do vậy Công ty phải đối mặt với sự biến động về tỷ giá giữa tiền VNĐ và tiền USD. Rủi ro về tiền tệ thường xuyên được Giám đốc Tài chính theo dõi và đưa ra các khuyến nghị với HĐQT nhằm đảm bảo các biện pháp phù hợp để giảm thiểu rủi ro được thực hiện kịp thời.
Thay đổi bất lợi đột ngột hoặc không lường trước về môi trường pháp lý và chính trị tại Việt Nam hoặc quốc gia của khách hàng có thể gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, bán hàng hoặc quyết định kinh doanh của Công ty	Sự thay đổi về quy định pháp luật của Việt Nam hoặc của các quốc gia của khách hàng tiềm ẩn việc tăng chi phí, giảm lợi nhuận biên hoặc gây trở ngại cho Công ty trong việc bán sản phẩm đến các quốc gia của khách hàng.	Công ty thường xuyên theo dõi môi trường pháp lý tại Việt Nam cũng như tại các quốc gia của khách hàng đồng thời đánh giá các tác động có thể xảy ra đối với hoạt động bán hàng của Công ty. Điều này được thực hiện nhằm đảm bảo Công ty và khách hàng của Công ty chủ động trong việc kiến nghị sửa đổi chính sách các quốc gia của khách hàng hoặc tại Việt Nam để đảm bảo kinh doanh ổn định lâu dài

Rủi ro	Cơ sở Rủi ro	Biện pháp Giảm thiểu
Sử dụng trữ lượng không hợp lý hoặc thất bại trong phát triển mô hình kinh doanh mới có thể tác động tiêu cực đến kết quả sản xuất và điều kiện tài chính trong tương lai.	Nhu cầu đối với sản phẩm của Công ty có thể dẫn đến tình trạng nguồn tài nguyên cạn kiệt theo thời gian. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty là xuất phát từ hoạt động khai thác chế biến khoáng sản, do vậy, kết quả kinh doanh và điều kiện tài chính của Công ty trong thời gian tới sẽ liên quan trực tiếp tới hoạt động thăm dò và nỗ lực mua lại các doanh nghiệp trong tương lai, liên quan trực tiếp đến khả năng tạo nguồn dự trữ để ứng phó với các yêu cầu sản xuất trong tương lai với chi phí cạnh tranh	Công ty đã xác định được trữ lượng tài nguyên là cơ sở để vận hành mỏ trong thời gian dài. Trữ lượng này đã được đo đạc và xác định theo với các tiêu chuẩn quốc tế đồng thời được kiểm định bởi các đơn vị thứ ba độc lập. Điều này giúp Công ty có khả năng chiến lược để tiến hành thăm dò và đánh giá các cơ hội đầu tư trong tương lai. Trữ lượng hiện nay sẽ tiếp tục được khoan thăm dò bổ sung khi cần thiết nhằm kéo dài tuổi thọ của mỏ hiện hành trong trường hợp thuận lợi về mô hình hóa địa chất và thị trường. Các hoạt động khoan thực tế của Công ty cũng như ngân sách cho hoạt động khoan trong tương lai sẽ phụ thuộc vào quy mô và chất lượng khoáng sản còn lại, kết quả khoan, giá hàng hóa, chi phí khoan và sản xuất, mức độ sẵn có về thiết bị và dịch vụ khoan, thời hạn thuê mỏ và những chấp thuận về pháp lý.
Rủi ro từ các đối tác thương mại	Công ty đã ký kết hợp đồng với nhiều đối tác thương mại và tài chính, bao gồm khách hàng là những đối tượng trực tiếp sử dụng sản phẩm, các nhà cung cấp và các tổ chức tài chính. Sự biến động kinh tế thế giới tiếp tục gây căng thẳng cho thị trường tài chính toàn cầu, dẫn đến sự bất ổn về điều kiện kinh doanh nói chung. Ngoài ra, các khách hàng, nhà cung cấp, nhà thầu, hoặc các đối tác liên doanh có thể không thực hiện đúng các hợp đồng và các nghĩa vụ đang hiện hữu.	Công ty có các kiểm soát tín dụng đối tác nhằm hạn chế việc chỉ phụ thuộc vào một khách hàng, một khu vực địa lý, phụ thuộc vào một ứng dụng trực tiếp sử dụng sản phẩm hoặc các đối tác Thương mại Tài chính. Công ty cũng định kỳ đánh giá năng lực tài chính và thị trường của các đối tác tương ứng nhằm chủ động kiểm soát rủi ro và/hoặc các vấn đề tiềm ẩn.
Rủi ro về nhân sự chủ chốt	Việc mất đi các vị trí quản lý chủ chốt có thể dẫn tới việc gián đoạn các hoạt động đang diễn ra và/hoặc mất niềm tin của cổ đông, khiến cho cổ phiếu rớt giá.	Quản lý nhân sự là nền tảng quan trọng đối với sự thành công của Công ty. Để kiểm soát rủi ro này, Công ty đã tiến hành các chương trình đào tạo và phát triển đội ngũ kế cận nhằm đảm bảo rằng những con người có năng lực luôn sẵn sàng để kế thừa công việc. Công ty cũng định kỳ đưa ra các chương trình sở hữu cổ phiếu hấp dẫn dành cho người lao động để giúp nhân viên trở thành cổ đông và giữ chân người lao động

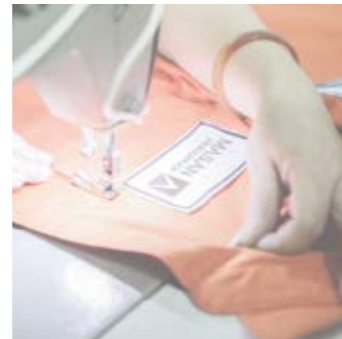
Rủi ro	Cơ sở Rủi ro	Biện pháp Giảm thiểu
Rủi ro do Cạnh tranh	Khả năng bảo vệ, duy trì và/hoặc nâng cao các mục tiêu chiến lược và thị phần của Masan Resources.	Công ty vận hành mỏ vonfram lớn nhất thế giới. Mỏ này là nguồn cung cấp chiến lược các sản phẩm vonfram và các sản phẩm khác không có nguồn gốc từ Trung Quốc. Công ty đã ký kết các hợp đồng bán hàng dài hạn với nhiều công ty lớn nhất trên toàn cầu, qua đó loại trừ rủi ro mất thị phần từ việc một số nhà cung cấp mới xuất hiện trong tương lai.
Thiên tai hoặc sự cố vận hành bất ngờ có thể tác động bất lợi tới hoạt động khai thác của Công ty, cản trở lộ trình phát triển thị trường hoặc phát triển mạng lưới khách hàng. Tại nhà máy chính của Công ty, thiên tai chủ yếu là lũ lụt và động đất. Chúng có thể ảnh hưởng tới hoạt động của moong khai thác, công trình đập chứa đuôi quặng hoặc nhà máy chế biến. Các sự cố vận hành tiềm tàng gồm có tai nạn vận hành, cháy nổ ở nhà máy chế biến, xói lở bờ moong khai thác, mất điện hoặc hỏng thiết bị cơ khí trọng yếu.	Bằng việc chuẩn bị sẵn các kế hoạch quản lý rủi ro và các kế hoạch dự phòng, Công ty có thể giảm thiểu được hậu quả của các sự cố vận hành có thể xảy ra. Các kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh và ứng phó sự cố đã được xây dựng nhằm giảm thiểu tối đa các hậu quả phát sinh. Các công trình của Công ty, bao gồm cả công trình đập chứa đuôi quặng được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế tốt nhất. Các công trình này đáp ứng được Tiêu chuẩn của Ngân hàng Thế giới và thường xuyên được ủy ban thẩm định độc lập quốc tế kiểm tra giám sát chất lượng. Là một phần của quá trình quản lý rủi ro, Công ty trang bị bảo hiểm toàn diện để giảm thiểu bất kỳ tổn thất phát sinh làm gián đoạn công tác sản xuất kinh doanh do thiên tai và các sự cố vận hành không mong muốn.	
Việc vi phạm các quy trình an ninh công nghệ thông tin có thể gây tác động bất lợi tới các hoạt động kinh doanh của Công ty.	Công ty duy trì các hệ thống công nghệ thông tin (IT), bao gồm cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, các phần mềm kinh doanh và truyền thông để hỗ trợ các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những hệ thống này có thể bị tác động bởi các hành vi vi phạm an ninh thông tin (như tội phạm mạng) dẫn đến gián đoạn sản xuất, mất các tài sản sở hữu trí tuệ hoặc bị tiết lộ các thông tin nhạy cảm về thương mại và làm phương hại đến uy tín của Công ty.	Công ty thường xuyên rà soát hệ thống an ninh, các quy trình và các giao thức công nghệ thông tin. Công ty cũng duy trì tường lửa phù hợp và các sao lưu ngoại vi đối với các dữ liệu, hệ thống và quy trình chủ chốt. Năm 2017, Công ty thực hiện một loạt các thử nghiệm hệ thống và các giao thức cập nhật.

Rủi ro	Cơ sở Rủi ro	Biện pháp Giảm thiểu
Rủi ro về Tính bền vững	Những sự cố, tai nạn liên quan đến sức khỏe, an toàn, môi trường hoặc cộng đồng cũng có thể ảnh hưởng bất lợi tới nhân viên của Công ty hoặc cộng đồng xung quanh khu vực Dự án, tới việc vận hành sản xuất và danh tiếng của Công ty hoặc giấy phép vận hành.	Cách thức ứng phó của Công ty đối với các rủi ro về bền vững được thể hiện trong các Chính sách An toàn và Sức khỏe, Chính sách Môi trường và Chính sách Cộng đồng. Tất cả các sự cố hoặc tai nạn đều được ghi nhận và báo cáo cho Hội đồng Quản trị. Khi có sự cố xảy ra, Công ty sẽ làm việc trực tiếp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và các bên bị ảnh hưởng để giải quyết vấn đề và đảm bảo nguy cơ tái diễn sự cố tương tự là thấp nhất.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bản tóm tắt Báo cáo Bền vững này sẽ không nhắc lại một số khía cạnh đã được trình bày trong các phần khác của Báo cáo Thường niên mà tập sẽ tập trung vào các khía cạnh chính gồm con người, các vấn đề xã hội và môi trường cũng như các vấn đề trách nhiệm xã hội (CSR).

Nội dung đầy đủ về các hoạt động bền vững của Công ty được trình bày trong Báo cáo Bền vững của Masan Resources năm 2017 phát hành đồng thời với Báo cáo Thường niên này.



- Phát triển bền vững quan trọng đối với tương lai
- Nền tảng tri thức
- Tôn trọng nhân quyền
- Quan tâm hệ sinh thái
- Lan tỏa các mô hình phát triển bền vững

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI TƯƠNG LAI

Trong xã hội hiện đại ngày nay, sự bền vững trong các lĩnh vực dù khác nhau như môi trường, xã hội, hay kinh doanh thì cũng đều có tầm quan trọng. Đặc biệt, Việt Nam là quốc gia thuộc nhóm nền kinh tế mới nổi có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới, và vì vậy Việt Nam cũng cùng chung những thách thức mà các quốc gia này gặp phải như ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.

Masan Resources thực sự tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh có trách nhiệm với môi trường và xã hội chính là góp phần vào thành công lâu dài của chúng tôi. Quan điểm của chúng tôi là quyết tâm xây dựng một doanh nghiệp phát triển bền vững và đem lại lợi ích cho cộng đồng, cho Chính phủ, cho đất nước Việt Nam, cũng như cho các cổ đông và các bên liên quan khác. Đây một cuộc hành trình dài, khởi đầu từ ngày chúng tôi tái khởi động - ngày 18 tháng 6 năm 2010 với bao khó khăn phải vượt qua. Với quyết tâm và bền bỉ, với sự hỗ trợ của các cơ quan chính quyền các cấp, chúng tôi đã kiến tạo nên một doanh nghiệp hoạt động theo phương thức có trách nhiệm xã hội và môi trường. Bản tóm tắt này điểm lại một chặng đường trong cuộc hành trình của chúng tôi trong năm 2017. Quý vị có thể tham khảo toàn bộ nội dung đầy đủ về hoạt động bền vững của chúng tôi được trình bày trong Báo cáo Bền vững năm 2017, phát hành đồng thời với Báo cáo Thường niên này và được công bố trên website của Công ty.

(Craig Richard Bradshaw - Tổng Giám đốc)



Các mục tiêu phát triển bền vững của MSR trong 5 năm tới

- Tham gia nền kinh tế xanh bằng cách ghi danh Việt Nam là nhà cung ứng qui mô toàn cầu về loại hình vật liệu thiết yếu cho tương lai của phát triển công nghệ và đời sống con người;
- Phát triển một thế hệ lực lượng lao động mới trong ngành công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản – không chỉ tài năng và có kỹ năng mà còn có ý thức về phát triển bền vững và trách nhiệm đối với tài nguyên;
- Thúc đẩy áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong chính sách lao động và điều kiện lao động bao gồm an ninh, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;
- Đầu tư cho bảo vệ môi trường, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; chăm sóc sức khỏe cộng đồng đối với các cộng đồng lân cận và huyện Đại Từ;
- Cải thiện cơ sở hạ tầng địa phương và tích cực hỗ trợ các chương trình phát triển nông thôn mới;
- Nâng cao thu nhập thông qua phát triển giáo dục, doanh nghiệp địa phương và nông nghiệp bền vững;
- Thúc đẩy tăng trưởng cho toàn diện bao gồm cả vấn đề bình đẳng giới, dân tộc thiểu số và giảm nghèo.



Ủy ban Phát triển Bền vững MSR

Tại Masan Resources, chúng tôi áp dụng khung phát triển bền vững vào tất cả các hoạt động của Công ty. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm đề ra các chính sách và mục tiêu chiến lược phù hợp với tầm nhìn của Công ty để từ đó định hướng các hoạt động kinh doanh của Công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc thường xuyên giám sát các hoạt động bền vững và đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu nhằm đảm bảo rằng chúng tôi đang thực hiện đúng chiến lược đề ra. Ủy ban Phát triển Bền vững được thành lập với trách nhiệm đưa ra các phân tích chi tiết về các vấn đề trọng yếu của Công ty.

Nhiệm vụ của UB bao gồm (nhưng không giới hạn) ở các công việc sau:

- Đóng góp ý kiến cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc về kế hoạch chiến lược phát triển bền vững và đảm bảo sự tham gia hiệu quả của các bên liên quan;
- Kiểm tra việc thực hiện các chính sách phát triển bền vững và giám sát việc triển khai hoạt động phát triển bền vững của Công ty thông qua các sáng kiến về các chỉ dẫn do Ban Giám đốc cung cấp;
- Nâng cao uy tín của Công ty thông qua việc phát hiện và thúc đẩy những hoạt động thực tiễn về nâng cao tính bền vững về môi trường và xã hội, làm phong phú trải nghiệm của khách hàng, và tăng giá trị cổ đông.



Các lĩnh vực trọng yếu trong năm 2017

Trong bối cảnh Chính phủ Việt Nam đã và đang tích cực thúc đẩy phát triển bền vững trong nhiều lĩnh vực khác nhau gồm năng lượng, khai khoáng, giáo dục, y tế, môi trường và bình đẳng giới để hướng tới thực hiện Mười bảy Mục tiêu Phát triển Bền vững. Đặc biệt, vấn đề Tăng trưởng Xanh và Nông nghiệp bền vững là một trong những chủ đề chính được thảo luận tại Diễn đàn Doanh nghiệp Phát triển Bền vững Việt Nam lần thứ 4 (VCSF2017) vào tháng 10 năm 2017.

Năm 2017, các mục tiêu phát triển của Công ty được xây dựng trên cơ sở lồng ghép quan điểm của các bên liên quan, đã đặt trọng tâm vào vấn đề đổi mới và đầu tư cho mô hình khai khoáng bền vững và sản xuất hoá chất đẳng cấp thế giới, kết hợp với nguồn nhân lực được đào tạo chuyên sâu; cho các vấn đề về tuân thủ môi trường và trách nhiệm giải trình; thúc đẩy Tăng trưởng Xanh thông qua đầu tư không chỉ vào dây chuyền sản xuất dòng sản phẩm cao cấp, mà còn đầu tư vào các dự án phục hồi kinh tế và các mô hình nông nghiệp bền vững hiệu quả.



NỀN TẢNG TRI THỨC

Tại Masan, chúng tôi luôn khẳng định rằng người lao động là tài sản lớn nhất của Công ty. Người lao động luôn là một phần không thể thiếu trong chuỗi giá trị bền vững của Công ty. Giống như các tài sản khác, người lao động cũng luôn cần được đầu tư để phát triển sao cho không chỉ đảm bảo phù hợp với thực tiễn phát triển của ngành công nghiệp mà còn có khả năng xây dựng và cải tiến hơn nữa cho sự phát triển của hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi tự hào vì Công ty đã đầu tư rất nhiều cho công tác đào tạo và huấn luyện người lao động. Việc đầu tư này không chỉ đem lại lợi ích cho Công ty và người lao động mà còn đóng góp cho sự phát triển và nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực của Việt Nam. Cụ thể là trong năm 2017:

- Đã có **441** trong tổng số 1.072 nhân viên chính thức của Công ty được cử đi đào tạo tại các khoá học bên ngoài Công ty;
- Đã có tổng cộng **2.333** nhân viên bao gồm cả nhân viên của MSR và của nhà thầu đã tham dự các khoá huấn luyện nội bộ của Công ty, với các chủ đề khác nhau như an toàn, quản lý môi trường, phòng cháy chữa cháy, và xử lý hóa chất...
- Tổng số giờ đào tạo nhân lực lên đến **91.339**, tăng 20% thời lượng so với năm 2016.



Chúng tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng việc đào tạo người lao động những thói quen an toàn đúng đắn không chỉ hữu ích trong công việc mà còn giúp người lao động hình thành được thói quen này trong các các hoạt động thường ngày - đặc biệt ở nhà. Cụ thể, một khi nhân viên đã được đào tạo sẽ có thể xác định các rủi ro an toàn tiềm ẩn trong công việc hàng ngày của họ.

- Trong năm, chúng tôi đã thực hiện tổng cộng **10.930** giờ đào tạo liên quan đến các vấn đề về an toàn cho **5.977** lượt nhân viên như quản lý hóa chất nguy hiểm, các hướng dẫn an toàn tại công trường, các chương trình an toàn trong nhà như nhận diện nguy cơ và các hành động cần thiết, đào tạo về rủi ro, quản lý thay đổi và phản ứng khẩn cấp.
- Toàn bộ lao động của Công ty áp dụng công cụ kiểm tra an toàn trước khi sử dụng tên là 'Take 5' và có phản hồi tốt về công cụ này. Công cụ an toàn này dạy cho người lao động Công ty và các nhà thầu cách thức xác định mối nguy hiểm tiềm ẩn liên quan đến nhiệm vụ mà họ sắp thực hiện và cách tránh hoặc giảm thiểu các mối nguy này trước khi bắt đầu nhiệm vụ. Năm 2017 có **7.553** lượt nhân viên đã tham gia khoá học này, so với năm 2016 là 7.459 lượt.



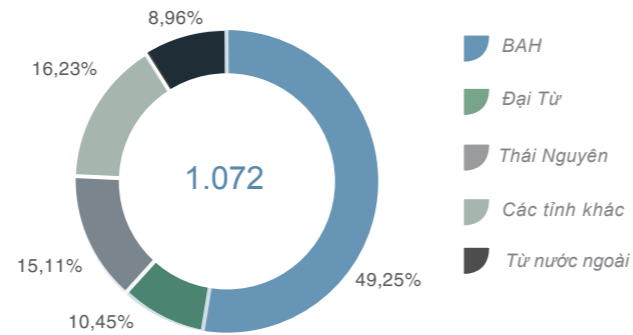
TÔN TRỌNG NHÂN QUYỀN

Cam kết tôn trọng nhân quyền và các quyền tại nơi làm việc là nền tảng cho hoạt động kinh doanh cũng như cho khả năng vận hành một doanh nghiệp có lực lượng lao động đa quốc gia như Masan Resources. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng nhiều chủ đề chứa đựng nội dung về quyền con người thường được đề cập trong các phần khác nhau của báo cáo bền vững, lồng ghép trong các nội dung về xã hội, kinh tế và môi trường mà không được nhận diện như một chủ đề riêng về quyền con người.

Nếu như hiện nay trên thế giới vẫn còn tồn tại thực trạng hàng nghìn lao động trẻ em và lao động cưỡng bức tại nhiều mỏ vàng quy mô nhỏ và các doanh nghiệp ở châu Phi, châu Á và Nam Mỹ, thì tại Dự án của chúng tôi không tồn tại lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.

Phần lớn các cơ hội việc làm đã được ưu tiên cho người địa phương và người dân tộc thiểu số. Gần 75% tổng số lao động của Công ty đến từ tỉnh Thái Nguyên. Đặc biệt có 15% lực lượng lao động địa phương của Công ty là đồng bào thuộc 6 dân tộc thiểu số khác nhau (Tày, Nùng, Dao, Cao Lan, Sán Chỉ, Sán Diu).

Chúng tôi cam kết mạnh mẽ trong việc thực hiện bình đẳng giới. Với tỷ lệ lao động nữ chiếm trên 24% lực lượng lao động của Công ty, Masan Resources nằm trong nhóm công ty có tỷ lệ lao động nữ cao so với tỷ lệ trung bình cho toàn bộ ngành khai thác mỏ.

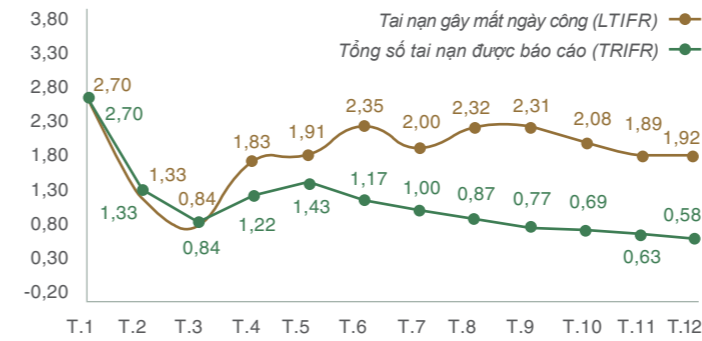


Để phát triển dự án Núi Pháo thành Công ty đẳng cấp thế giới như ngày nay, Công ty luôn duy trì cam kết thực hiện mục tiêu cốt lõi là đảm bảo đáp ứng hoặc vượt các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, đặc biệt là các tiêu chuẩn về điều kiện làm việc, sức khỏe và an toàn cho người lao động.

Về lĩnh vực an toàn cho người lao động, trong sáu tháng đầu năm, rất đáng tiếc khi Công ty để xảy ra ba tai nạn gây mất ngày công (LTIs), tuy nhiên cũng phải tích cực nhìn nhận rằng chúng tôi đã nhanh chóng khắc phục các sự cố này và không để xảy ra thêm sự cố nào trong sáu tháng cuối năm. Cho dù những tai nạn gây mất ngày công trên đã kết thúc kỷ lục ba năm liên tiếp về an toàn của Công ty nhưng chúng tôi đã rút kinh nghiệm từ các tai nạn trên và đã có các biện pháp cải tiến các qui trình và hệ thống an toàn của Công ty.



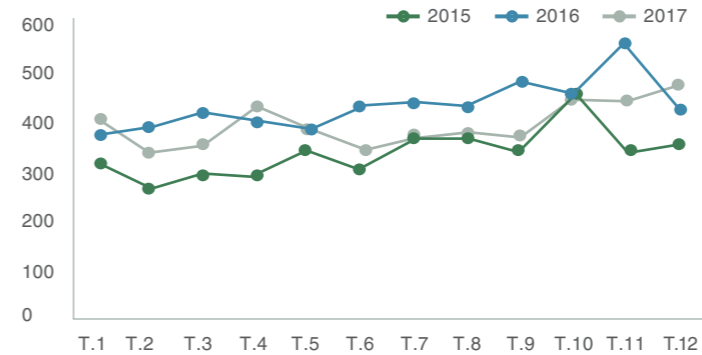
Tần suất tai nạn năm 2017 tại NPM



Trong năm 2017 chúng tôi có 3 ca tai nạn gây mất ngày công (LTI), 59 ca thương tích cần đến hỗ trợ y tế (FAI) và 7 ca thương tích cần điều trị y tế (MTI). Số trường hợp thương tích tăng trong năm 2017 (69 ca) so với năm 2016 (48 ca).

Chúng tôi vận hành một trạm y tế được trang bị tốt và có nhân viên y tế túc trực 24 giờ/ngày và 365 ngày/năm. Trạm Y tế có hơn 90 loại dụng cụ, thiết bị y tế hiện đại và tủ thuốc tại chỗ.

Tổng số lượt thăm khám tại Trạm Y tế qua các năm 2015, 2016, 2017



Trong năm 2017, Trạm Y tế đã khám và điều trị cho 5.137 lượt bệnh nhân với các vấn đề y tế khác nhau, từ tham vấn phòng ngừa đến điều trị các vết thương nhẹ.

Năm 2017 kết quả sàng lọc y tế của Công ty cho thấy đại đa số người lao động của Công ty đều nằm trong ba nhóm sức khỏe hàng đầu, từ tình trạng sức khỏe "rất tốt (loại 2)" đến "trung bình (loại 3)"

QUAN TÂM HỆ SINH THÁI

Mô hình Tăng trưởng Xanh thường được cho là không chấp nhận các quy ước truyền thống theo kiểu "phát triển trước, làm sạch sau" đồng thời không khuyến khích các quyết định đầu tư kèm theo sự tổn hại đối với cộng đồng và quốc gia về môi trường cũng như hoạt động của hệ sinh thái các-bon.

Tại MSR, chúng tôi đang đầu tư vào những phương thức đổi mới để giảm thiểu tác động tới môi trường cũng như tạo ra các giải pháp thay thế để có thể hạn chế và bù đắp cho phần tài nguyên thiên nhiên đã khai thác; trong khi không ngừng phục hồi màu xanh tại bất cứ khu vực nào có thể của Dự án. Công ty đã nhận được những phản hồi rất tích cực từ các đại biểu của Nhóm Đặc trách về Khai khoáng của APEC trong khi thực hiện chuyến thăm quan dự án Núi Pháo. Các đại biểu đã ghi nhận và đánh giá cao công tác trồng cây phục hồi môi trường do Công ty thực hiện tại Dự án.



Quản lý chất thải

Quản lý chất thải hiệu quả đóng vai trò rất quan trọng đối với phát triển bền vững. MSR tiếp tục duy trì quan trắc và thực hiện các giải pháp tăng hiệu quả trong quản lý chất thải cũng như quản lý nước. Để thực hiện công tác này, Công ty áp dụng những phương pháp tiên tiến nhất về giảm thiểu rác thải, tái sử dụng và tái chế nhằm giảm áp lực lên môi trường.

- **136** nhân viên mới đã được đào tạo về việc phân loại và lưu giữ chất thải.
- **15.000** USD đã được chi cho việc xây dựng kho chứa chất thải nguy hại (CTNH) theo tiêu chuẩn.
- **840,2** tấn phế liệu đã được thu hồi, tái chế, cao hơn gần 30% so với năm 2016 (683 tấn).



Kiểm soát và tiết kiệm nước

Trong năm 2017, MSR tiếp tục tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên nước bằng cách tăng lượng nước được tái tuần hoàn từ các cơ sở xử lý nước và hồ chứa thêm khoảng 5% so với năm 2016.

Trong năm 2017, MSR đã hoàn thành việc xây dựng hạ tầng cho hệ thống quan trắc nước ngầm tự động cho 4 lỗ khoan khai thác theo đề xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường để đảm bảo tính khách quan và minh bạch của dữ liệu theo dõi. Việc lắp đặt thiết bị sẽ được tiến hành vào nửa đầu năm 2018.



Phục hồi môi trường

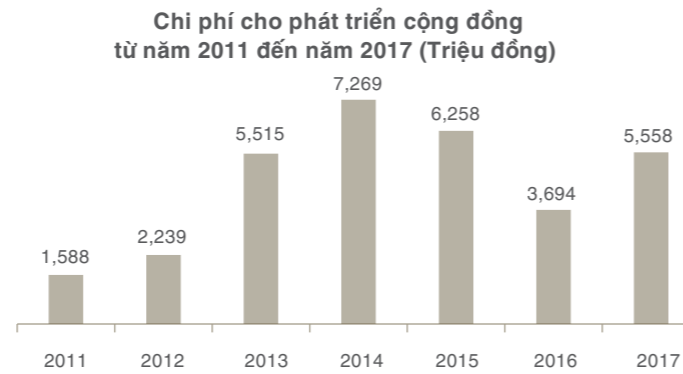
Trong năm 2017, Masan Resources đã thành công trong việc tạo ra một hệ sinh thái với số lượng lớn cây xanh được trồng không chỉ tại các khu vực khác nhau của Dự án mà còn tại các vùng đệm và cộng đồng lân cận. Hoạt động này rất có ý nghĩa trong việc tiệm cận và thực thi các mục tiêu phát triển bền vững đã đề ra.

- **1,3** tấn hạt cỏ de đã được sử dụng để phục vụ công tác phục hồi trên các sườn tầng, mái taluy của bãi thải và các khu vực khác của Dự án.
- **8,5** ha diện tích đất của Dự án đã được phục hồi bằng cách trồng cỏ VA06, hạt cỏ de, cây keo để cải tạo đất, chống xói mòn và tạo hành lang xanh giúp giảm thiểu bụi và tiếng ồn.
- **1,5** ha diện tích cỏ VA06 đã được trồng thử nghiệm tại khu vực bãi thải để giúp ổn định sườn tầng/mái dốc, chống xói mòn và tạo nguồn giống mới phục vụ cho công tác phục hồi sau này.



LAN TỎA CÁC MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MSR tiếp tục minh chứng khả năng thực hiện các cam kết về phát triển bền vững và an sinh xã hội bằng rất nhiều các hoạt động như kiến thiết các khu vực tái định cư không chỉ đạt mà còn vượt tiêu chuẩn, phát triển mạng lưới các nhà cung cấp địa phương, nhân rộng các mô hình VietGAP trong nông nghiệp; đặc biệt, Công ty đã thành lập Quỹ Phục hồi Kinh tế để cấp vốn cho các dự án phục hồi kinh tế thông qua mô hình tín dụng vi mô.



Hiện thực hóa Nông thôn mới tại Đại Từ

Trong 5 năm vừa qua, MSR đã hỗ trợ tài chính cho hai xã bị ảnh hưởng bởi Dự án là xã Hùng Sơn và xã Hà Thượng. Những địa phương này đều thuộc nhóm những xã đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (năm 2014 và 2015). Năm 2017, thêm một xã bị ảnh hưởng bởi Dự án nữa – xã Phục Linh được công nhận đạt 19 tiêu chí nông thôn mới nhờ những hỗ trợ tích cực của Công ty.



Nông thôn mới với cơ sở hạ tầng tốt hơn

Cơ sở hạ tầng phát triển sẽ đảm bảo cho sự phát triển bền vững và lâu dài, đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa tại địa phương. Năm 2017, Masan Resources tiếp tục xây dựng và nâng cấp 4 nhà văn hóa tại xã Phục Linh, 950 m đường giao thông tại xã Tân Linh và 2 công trình thủy lợi với tổng chiều dài 500 m tại xã Hà Thượng.



Nông thôn mới với mức sống tốt hơn

Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và cải thiện đời sống cho nhóm dễ bị tổn thương là mục tiêu quan trọng đối với phát triển bền vững. Khởi động từ năm 2016, Dự án “vệ sinh cho người nghèo” của Công ty đã hỗ trợ cho 169 hộ gia đình tại xã Tân Linh xây dựng nhà vệ sinh tiêu chuẩn. Trong năm 2017, có thêm 154 hộ gia đình được tham gia dự án, nâng tổng số hộ được hưởng lợi lên 323 hộ.

Ngoài ra, trong năm 2017 Trạm Y tế của Công ty và Trung tâm Y tế của huyện Đại Từ phối hợp tổ chức chương trình khám sức khỏe miễn phí, tư vấn y tế và cấp thuốc cho 230 người dân thuộc các nhóm dễ bị tổn thương là các cựu chiến binh, gia đình chính sách, người già và người nghèo.



Tâm huyết với một nền kinh tế xanh

Ngay từ khi bắt đầu dự án, Masan Resources đã chú trọng công tác tăng cường năng lực đối với nông nghiệp bền vững bằng các hoạt động như cung cấp những kiến thức, kinh nghiệm mới, các kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến và thích hợp cho các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi Dự án cũng như các cộng đồng lân cận Dự án. Điều này phù hợp với tầm nhìn của Chính phủ hiện nay trong việc hỗ trợ các chuỗi giá trị trong nông nghiệp.

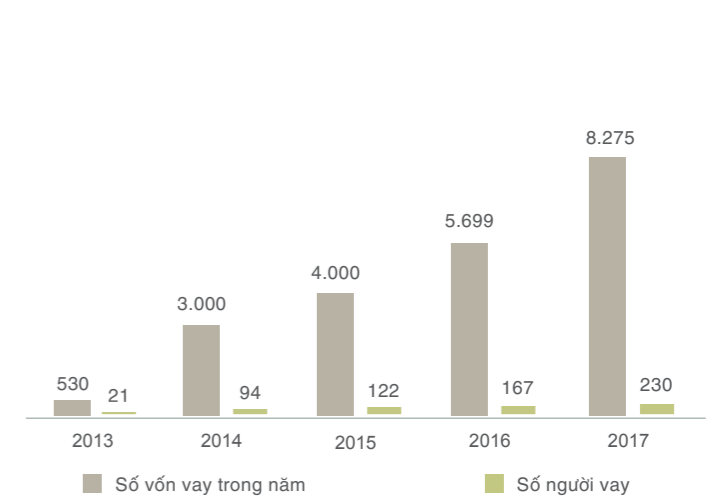
Quỹ Tín dụng Xanh

Trong số các chương trình phục hồi kinh tế của Công ty, chúng tôi tự hào rằng Quỹ Phục hồi Kinh tế đã chứng tỏ vai trò xúc tác tạo ra sinh kế ổn định cho người dân địa phương cũng như người dân tái định cư. Trên cơ sở những những kết quả hoạt động tích cực của Quỹ Phục hồi Kinh tế trong suốt 4 năm qua, Công ty đã ủy thác thêm một khoản trị giá 1 tỷ đồng vào Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Đại Từ để khởi động Quỹ Tín dụng Xanh, là một phần của Quỹ Phục hồi Kinh tế hiện nay.

Với mục đích khuyến khích mô hình nông nghiệp an toàn, Quỹ này ưu tiên cho những người tham gia vào chương trình sản xuất an toàn, chẳng hạn: trồng, chăn nuôi và chế biến chè, rau, thực phẩm và gia súc/ gia cầm theo tiêu chuẩn VietGAP.

Thông qua nguồn quỹ, đã có thêm 63 hộ gia đình được tiếp cận nguồn vốn với lãi suất thấp để đầu tư vào các mô hình sinh kế khác nhau. Trong số 63 hộ này, có 21 hộ đầu tư vào sản xuất nông nghiệp sạch và an toàn.

Quỹ Phục hồi kinh tế từ năm 2013 đến năm 2017 (Triệu đồng)

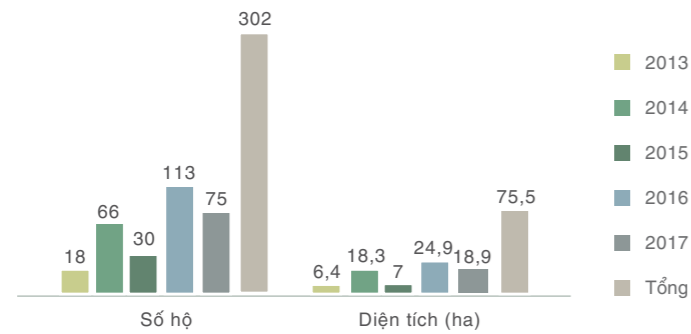


Nuôi trồng xanh

Nằm trong khuôn khổ hoạt động khuyến nông, MSR không ngừng theo đuổi mô hình nông nghiệp dựa vào thế mạnh của địa phương như: chè VietGAP, rau VietGAP, trồng rừng, v.v. Hoạt động trong năm qua đã đưa tổng diện tích chè VietGAP tăng lên 75,5 ha với tổng số 302 hộ dân được hưởng lợi từ chương trình này.



Hỗ trợ chè VietGAP bởi Masan Resources (2013-2017)

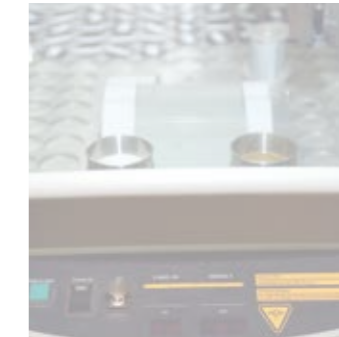


“Thảm xanh”

Như đã đề cập ở trên, Công ty đề ra mục tiêu trải “thảm xanh” quanh Dự án, và thường xuyên theo dõi để đảm bảo thực hiện mục tiêu này. Bất kỳ hộ dân nào sống quanh khu vực Dự án có nhu cầu phủ xanh đồi hay vườn tược đều được Công ty cung cấp miễn phí cây giống, phân bón và có thể cả nhân công cần thiết để thực hiện. Trong năm 2017, Công ty đã cấp 4.000 cây giống cho 15 hộ dân để phủ xanh 20.000m² đất.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



- Thông tin về công ty
- Báo cáo của Hội đồng quản trị
- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	0309966889	ngày 12 tháng 8 năm 2017
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 8 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.	
Giấy Chứng nhận Đầu tư số	41122000131	ngày 2 tháng 8 năm 2013
	Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San” có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.	
Hội đồng Quản trị	Ông Chetan Prakash Baxi	Chủ tịch
	Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang	Thành viên
	Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên
	Ông Jonathan David Fiorello	Thành viên (đến ngày 17/4/2017)
	Ông Dominic John Heaton	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc (từ ngày 31/7/2017)
	Ông Dominic John Heaton	Tổng Giám đốc (đến ngày 31/7/2017)
	Ông Nikhil Kamran	Giám đốc tài chính
Trụ sở đăng ký	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất và riêng được trình bày từ trang 113 đến trang 158 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn và Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Lãnh đạo Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 113 đến trang 158.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất và riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

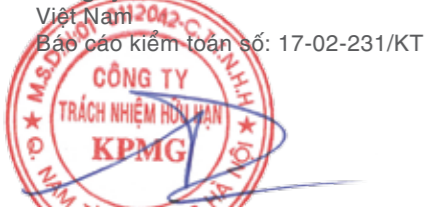
Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 17-02-231/KT



Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2018

Phan Mỹ Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số: 3064-2014-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.456.003.440	2.496.130.991	2.782.039	951.931
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	780.414.201	603.345.037	483.619	896.931
Tiền	111		82.470.201	536.715.037	83.619	896.931
Các khoản tương đương tiền	112		697.944.000	66.630.000	400.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		32.500.000	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		32.500.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		860.460.818	583.833.584	2.298.420	55.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		368.595.772	271.197.824	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		78.568.122	42.094.159	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	420.152.488	277.397.165	2.298.420	55.000
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.855.564)	(6.855.564)	-	-
Hàng tồn kho	140	7	1.409.062.969	1.112.385.216	-	-
Hàng tồn kho	141		1.409.062.969	1.112.385.216	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		373.565.452	196.567.154	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		47.822.640	61.782.483	-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		325.742.812	134.784.671	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
			Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tài sản dài hạn						
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		23.688.207.422	24.039.367.458	9.995.844.635	10.024.094.084
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.346.793.937	1.379.457.775	4.855.509.062	4.883.758.511
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	-	-	3.945.518.100	3.945.518.100
Phải thu dài hạn khác	216	6	1.346.793.937	1.379.457.775	909.990.962	938.240.411
Tài sản cố định	220		18.898.064.279	18.629.319.036	-	-
Tài sản cố định hữu hình	221	9	18.351.724.804	18.037.642.308	-	-
Nguyên giá	222		21.810.465.885	20.374.332.304	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.458.741.081)	(2.336.689.996)	-	-
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	4.486.667	17.946.667	-	-
Nguyên giá	225		67.300.000	67.300.000	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(62.813.333)	(49.353.333)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	11	541.852.808	573.730.061	-	-
Nguyên giá	228		688.278.032	677.940.788	137.950	137.950
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(146.425.224)	(104.210.727)	(137.950)	(137.950)
Tài sản dở dang dài hạn	240		987.802.403	1.681.618.571	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	987.802.403	1.681.618.571	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-	5.140.335.573	5.140.335.573
Đầu tư vào công ty con	251	13	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573
Tài sản dài hạn khác	260		2.455.546.803	2.348.972.076	-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2.440.860.012	2.348.972.076	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19(i)	14.686.791	-	-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		27.144.210.862	26.535.498.449	9.998.626.674	10.025.046.015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
			Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		15.132.604.815	14.825.018.166	554.834.167	581.264.773
Nợ ngắn hạn	310		4.871.844.056	3.518.587.636	13.759.992	40.190.598
Phải trả người bán ngắn hạn	311		434.067.033	385.674.737	429.032	33
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		166.299.167	37.027.125	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	74.558.198	43.470.903	-	-
Phải trả người lao động	314		-	14.359	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	788.206.464	794.222.535	424.490	934.647
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	3.919.178	31.175.245	12.906.470	39.255.918
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18(a)	3.404.794.016	2.227.002.732	-	-
Nợ dài hạn	330		10.260.760.759	11.306.430.530	541.074.175	541.074.175
Phải trả dài hạn khác	337	17	1.124.123.839	1.124.123.839	541.074.175	541.074.175
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18(b)	7.967.927.242	8.922.889.456	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19(ii)	643.914.399	675.071.953	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	524.795.279	584.345.282	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
			Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.011.606.047	11.710.480.283	9.443.792.507	9.443.781.242
Vốn chủ sở hữu	410	21	12.011.606.047	11.710.480.283	9.443.792.507	9.443.781.242
Vốn cổ phần	411	22	7.194.473.280	7.194.473.280	7.194.473.280	7.194.473.280
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.035.448.980	7.035.448.980	7.035.448.980	7.035.448.980
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		159.024.300	159.024.300	159.024.300	159.024.300
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	1.944.327.324	1.944.327.324	1.944.327.324	1.944.327.324
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(295.683.347)	(295.683.347)	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.757.718.772	2.551.804.716	304.991.903	304.980.638
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		2.551.804.716	2.441.963.692	304.980.638	222.688.093
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		205.914.056	109.841.024	11.265	82.292.545
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		410.770.018	315.558.310	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		27.144.210.862	26.535.498.449	9.998.626.674	10.025.046.015

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:

Nikhil Kamran
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2017	2016	2017	2016
			Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
Doanh thu bán hàng	01	24	5.404.645.101	4.048.817.336	-	-
Giá vốn hàng bán	11		3.713.762.618	2.945.556.012	-	-
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		1.690.882.483	1.103.261.324	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	41.999.592	221.046.558	14.265	85.002.516
Chi phí tài chính	22	26	1.137.924.018	966.860.622	-	-
Chi phí bán hàng	25		135.288.194	132.925.055	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		124.952.093	93.030.372	3.000	2.707.029
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		334.717.770	131.491.833	11.265	82.295.487
Thu nhập khác	31		2.254.261	2.378.754	-	-
Chi phí khác	32		44.849.579	33.305.833	-	2.942
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(42.595.318)	(30.927.079)	-	(2.942)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (chuyển sang trang sau)	50		292.122.452	100.564.754	11.265	82.292.545

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

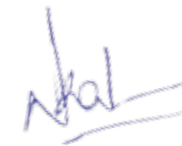
	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang từ trang trước)	50		292.122.452	100.564.754	11.265	82.292.545
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	36.841.033	14.320.441	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	27	(45.844.345)	(29.101.561)	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		301.125.764	115.345.874	11.265	82.292.545
			Nghìn VND	Nghìn VND		
Lợi nhuận thuần phân bổ cho:						
Cổ đông của Công ty	61		205.914.056	109.841.024		
Cổ đông không kiểm soát	62		95.211.708	5.504.850		
			VND	VND		
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	70	28	286	153		

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:



Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Nikhil Kamran
Giám đốc Tài chính

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận trước thuế	01	292.122.452	100.564.754	11.265	82.292.545
Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao và phân bổ	02	1.181.620.078	1.027.293.480	-	-
Các khoản dự phòng	03	43.347.293	50.080.962	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(5.824.568)	20.027.858	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.741.539)	(158.760.543)	(14.265)	(85.002.516)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	1.012.994.177	844.510.670	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.518.517.893	1.883.717.181	(3.000)	(2.709.971)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(454.833.910)	(103.021.421)	(2.242.379)	-
Biến động hàng tồn kho	10	(296.677.753)	(27.986.824)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	187.603.914	10.022.219	(181.160)	320.168
Biến động chi phí trả trước	12	(4.225.567)	31.329.469	-	-
		1.950.384.577	1.794.060.624	(2.426.539)	(2.389.803)
Tiền lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(921.866.185)	(656.209.478)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.478.165)	(363.147)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.014.040.227	1.137.487.999	(2.426.539)	(2.389.803)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(940.730.520)	(1.201.145.618)	-	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.056.182	2.922.727	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(32.500.000)	-	-	-
Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	-	2.100.000	-	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	9.502.550	2.314.464	28.262.675	55.002.516
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(962.671.788)	(1.193.808.427)	28.262.675	55.002.516
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Tiền thu từ đi vay	33	2.638.264.656	4.200.895.851	-	-
Tiền trả nợ gốc vay và chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	34	(2.467.586.590)	(3.848.163.366)	-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(16.271.187)	(14.154.850)	-	-
Tiền trả cổ tức	36	(26.249.448)	(52.213.577)	(26.249.448)	(52.213.577)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	128.157.431	286.364.058	(26.249.448)	(52.213.577)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)					
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	50	179.525.870	230.043.630	(413.312)	399.136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60	603.345.037	372.014.377	896.931	497.795
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	780.414.201	603.345.037	483.619	896.931

Người lập:

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người kiểm tra:

Nikhil Kamran
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Tập đoàn

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty” hoặc “MSR”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Các hoạt động chính của các công ty con như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế	
		31/12/2017	1/1/2017
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	Khai thác và chế biến khoáng sản	100%	100%
Công ty TNHH Tinh luyện vonfram Núi Pháo - H.C. Starck (“NPHCS”)	Chế biến kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	51%	51%

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại các công ty con.

Tất cả các công ty con của Công ty được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 2 nhân viên (1/1/2017: 2 nhân viên) và Tập đoàn có 1.363 nhân viên (1/1/2017: 1.343 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã tiếp nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

(ii) Công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với các đơn vị này.

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua để có được quyền kiểm soát đơn vị bị mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(b) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ; và giá trị hợp lý của trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

(ii) Khấu hao

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản của mỏ theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

Máy móc và thiết bị của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất

Tài sản cố định hữu hình của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo đơn vị sản phẩm là như sau:

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 1/1/2017
Nhà máy ST	125.140 tấn vonfram	91.000 tấn vonfram
Nhà máy APT	120.265 tấn vonfram	86.215 tấn vonfram

Trong năm hiện hành, một công ty con của Tập đoàn đã tiến hành rà soát tài sản cố định hữu hình và đã thực hiện các cải tiến kỹ thuật nhằm tháo gỡ nút thắt trong sản xuất và gia tăng hiệu quả sản xuất. Nhờ vậy, sản lượng sản xuất của tài sản cố định hữu hình đã vượt trên công suất thiết kế ban đầu. Điều này dẫn đến thay đổi tổng sản lượng sản xuất dự kiến của các nhà máy ST và APT.

Sự thay đổi trên làm giảm chi phí khấu hao trong năm hiện hành với giá trị là 34.443 triệu VND.

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 20 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 15 năm
- dụng cụ văn phòng 3 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 3 – 6 năm
- các tài sản khai thác khoáng sản khác 19 năm

(h) Tài sản cố định thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính là năm (5) năm.

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203/2013”) có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản của mỏ.

Theo Nghị định 158/2016/ND-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 (“Nghị định 158/2016”) có hiệu lực từ ngày 15 tháng 1 năm 2017, quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo Nghị định 158/2016, Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) sẽ hướng dẫn phương pháp quy đổi để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tuy nhiên đến nay, MONRE vẫn chưa đưa ra hướng dẫn cho phương pháp tính toán mới cũng như cơ sở xác định các ước tính sẽ được thực hiện.

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm giá trị của trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí liên quan đến việc phát triển mỏ đã phát sinh trong giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí phát triển mỏ phát sinh sau này. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí phát triển mỏ phát sinh sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển

mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba (3) năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn hoặc Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh

đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật khoáng sản năm 2010, một công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản. Tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 203/2013 và Nghị định 158/2016 như đề cập tại Thuyết minh 3(i)(ii).

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của MONRE và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày báo cáo.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thời gian đóng cửa mô thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản, thể hiện một phần chi phí để thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ hoạt động khai thác. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến một thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

(n) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(o) Vốn chủ sở hữu

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu do cổ phiếu này hưởng cổ tức cố định, đồng thời vẫn có quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ phiếu phổ thông và quyền bình đẳng đối với các tài sản còn lại của Công ty. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu ưu đãi được ghi nhận như một khoản giảm thặng dư vốn.

(iii) Vốn khác của chủ sở hữu

Các biến động vốn chủ sở hữu do việc mua hoặc thanh lý cổ phần cho cổ đông không kiểm soát và các giao dịch liên quan đến công cụ vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào “Vốn khác của chủ sở hữu”.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm, nếu có, trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được xác định bằng kết quả kinh doanh trong năm phân bổ cho số lượng cổ phiếu phổ thông và các công cụ chứng khoán vốn. Phương thức phân bổ này dựa trên quyền được phân chia lợi nhuận của các loại cổ phiếu khác nếu toàn bộ lợi nhuận hoặc lỗ được phân chia.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng không bao gồm các loại công cụ tài chính đi kèm điều khoản bắt buộc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	734.678.468	1.086.632.503	3.220.111.419	363.222.711	5.404.645.101
Lợi nhuận gộp của bộ phận	452.041.373	658.824.479	468.982.641	111.033.990	1.690.882.483
Chi phí không phân bổ					260.240.287
Thu nhập từ hoạt động tài chính					41.999.592
Chi phí tài chính					1.137.924.018
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					334.717.770
Thu nhập khác					2.254.261
Chi phí khác					44.849.579
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp					(9.003.312)
Lợi nhuận thuần sau thuế					301.125.764

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	619.613.601	833.247.290	2.391.679.574	204.276.871	4.048.817.336
Lợi nhuận gộp của bộ phận	371.604.434	476.834.387	229.262.354	25.560.149	1.103.261.324
Chi phí không phân bổ					225.955.427
Thu nhập từ hoạt động tài chính					221.046.558
Chi phí tài chính					966.860.622
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					131.491.833
Thu nhập khác					2.378.754
Chi phí khác					33.305.833
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp					(14.781.120)
Lợi nhuận thuần sau thuế					115.345.874
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Tài sản của bộ phận	200.633.583	1.044.504.878	2.116.034.761	1.367.325.434	4.728.498.656
Tài sản không phân bổ					22.415.712.206
Tổng tài sản					27.144.210.862
Tổng nợ phải trả					15.132.604.815
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017					
Tài sản của bộ phận	215.094.844	1.119.798.540	2.216.085.945	1.476.715.921	5.027.695.250
Tài sản không phân bổ					21.507.803.199
Tổng tài sản					26.535.498.449
Tổng nợ phải trả					14.825.018.166

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND			
Chi tiêu vốn của bộ phận	-	24.189.965	263.377.029	4.295.613	291.862.607			
Chi tiêu vốn không phân bổ					648.867.913			
Khấu hao tài sản cố định	14.461.260	75.293.663	144.252.892	98.633.905	332.641.720			
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ					806.763.861			
Khấu hao tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					213.613.268			
Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016								
Chi tiêu vốn của bộ phận	-	-	346.191.642	75.264.692	421.456.334			
Chi tiêu vốn không phân bổ					779.689.284			
Khấu hao tài sản cố định	13.508.048	70.325.266	138.706.396	59.220.901	281.760.611			
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ					709.096.803			
Khấu hao tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					191.920.302			
(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý								
Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động vùng địa lý như sau:								
	Việt Nam Nghìn VND	Bỉ Nghìn VND	Cộng hòa Séc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND	Singapore Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017								
Doanh thu bán ra	773.289.698	633.523.148	634.725.734	584.399.940	808.668.959	1.029.182.050	940.855.572	5.404.645.101
Tài sản của bộ phận	27.144.210.862	-	-	-	-	-	-	27.144.210.862
Chi tiêu vốn	940.730.520	-	-	-	-	-	-	940.730.520
Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016								
Doanh thu bán ra	922.312.287	69.228.604	505.280.358	317.884.797	839.745.144	593.756.121	800.610.025	4.048.817.336
Tài sản của bộ phận	26.535.498.449	-	-	-	-	-	-	26.535.498.449
Chi tiêu vốn	1.201.145.618	-	-	-	-	-	-	1.201.145.618

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền mặt	154.080	180.691	-	-
Tiền gửi ngân hàng	77.774.081	536.534.346	83.619	896.931
Tiền đang chuyển	4.542.040	-	-	-
Các khoản tương đương tiền	697.944.000	66.630.000	400.000	-
	780.414.201	603.345.037	483.619	896.931

6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn				
Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (a)	10.000.000	10.000.000	-	-
Phải thu ngắn hạn khác (b)	410.152.488	267.397.165	2.298.420	55.000
	420.152.488	277.397.165	2.298.420	55.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu dài hạn				
Chi phí đi vay - MRTN (c)	-	-	909.990.962	938.240.411
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND Tỉnh Thái Nguyên (d)	1.319.793.389	1.356.982.821	-	-
Phải thu dài hạn khác	27.000.548	22,474,954	-	-
	1.346.793.937	1.379.457.775	909.990.962	938.240.411

(a) Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường từ công ty mẹ cấp trung không được đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.

(b) Một phần khoản phải thu ngắn hạn khác là khoản trả hộ một công ty mẹ cấp trung không có đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.

(c) Khoản phải thu dài hạn từ một công ty con không có đảm bảo, thu được khi đến hạn và không chịu lãi.

(d) Khoản phải thu dài hạn thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuê đất hàng năm.

7. Hàng tồn kho

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Hàng mua đang đi trên đường	23.743.788	16.836.476	-	-
Nguyên vật liệu	191.813.054	211.759.203	-	-
Công cụ và dụng cụ	571.169.311	508.128.264	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76.753.984	85.477.090	-	-
Thành phẩm	420.995.855	244.848.741	-	-
Hàng gửi đi bán	124.586.977	45.335.442	-	-
	1.409.062.969	1.112.385.216	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu về cho vay dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu về cho vay dài hạn từ một công ty liên quan	-	-	3.945.518.100	3.945.518.100

Khoản phải thu về cho vay từ một công ty liên quan không được đảm bảo, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và chịu lãi suất trên cơ sở thỏa thuận của các bên.

Theo các điều khoản của hợp đồng chuyển đổi, Công ty có quyền chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp trước hoặc vào ngày đáo hạn của khoản vay.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn:	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Dụng cụ văn phòng	Phương tiện vận chuyển	Tài sản khai thác khoáng sản khác	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	3.427.736.017	11.857.410.700	40.610.882	22.283.421	5.026.291.284	20.374.332.304
Tăng trong năm	-	3.756.660	731.976	-	-	4.488.636
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	815.297.690	624.458.453	603.602	-	-	1.440.359.745
Thanh lý	-	-	-	(2.496.235)	-	(2.496.235)
Xóa sổ	-	(5.467.966)	(750.599)	-	-	(6.218.565)
Số dư cuối năm	4.243.033.707	12.480.157.847	41.195.861	19.787.186	5.026.291.284	21.810.465.885
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	350.570.521	1.432.742.415	30.110.570	14.844.371	508.422.119	2.336.689.996
Khấu hao trong năm	204.427.896	706.059.875	3.777.621	2.914.550	208.765.639	1.125.945.581
Thanh lý	-	-	-	(2.091.440)	-	(2.091.440)
Xóa sổ	-	(1.079.346)	(723.710)	-	-	(1.803.056)
Số dư cuối năm	554.998.417	2.137.722.944	33.164.481	15.667.481	717.187.758	3.458.741.081

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính năm cho kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Dụng cụ văn phòng	Phương tiện vận chuyển	Tài sản khai thác khoáng sản khác	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
	Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	3.077.165.496	10.424.668.285	10.500.312	7.439.050	4.517.869.165	18.037.642.308
Số dư cuối năm	3.688.035.290	10.342.434.903	8.031.380	4.119.705	4.309.103.526	18.351.724.804

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 36.480 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 28.494 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 12.663 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM (1/1/2017: 12.088 tỷ VND) (Thuyết minh 18(b)(i)).

10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Tập đoàn:	Máy móc và thiết bị
	Nghìn VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	67.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	49.353.333
Khấu hao trong năm	13.460.000
Số dư cuối năm	62.813.333
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	17.946.667
Số dư cuối năm	4.486.667

Công ty con của Công ty - NPM thuê thiết bị thí nghiệm để phân tích hàm lượng kim loại trong sản phẩm. Thiết bị thí nghiệm này được coi là tài sản thuê tài chính căn cứ vào các điều kiện và điều khoản thuê. Thiết bị thuê này đảm bảo các nghĩa vụ thuê (Thuyết minh 18(b)(ii)).

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn:

	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	89.569.970	588.370.818	677.940.788
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	10.337.244	-	10.337.244
Số dư cuối năm	99.907.214	588.370.818	688.278.032
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	37.741.353	66.469.374	104.210.727
Khấu hao trong năm	11.664.170	30.550.327	42.214.497
Số dư cuối năm	49.405.523	97.019.701	146.425.224
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	51.828.617	521.901.444	573.730.061
Số dư cuối năm	50.501.691	491.351.117	541.852.808

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 10.127 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 10.127 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 540 tỷ VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM (1/1/2017: 571 tỷ VND) (Thuyết minh 18(b)(i)).

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tập đoàn:

	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
Số dư đầu năm	1.681.618.571	3.994.917.610
Tăng trong năm	802.396.482	986.327.607
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(1.440.359.745)	(2.745.331.271)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	(10.337.244)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14)	(45.515.661)	(554.295.375)
Số dư cuối năm	987.802.403	1.681.618.571

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang trị giá 92 tỷ VND (2016: 169 tỷ VND). Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của NPM chủ yếu phản ánh chi phí phát triển mỏ và nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến khu chứa đuôi quặng, được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Đầu tư vào một công ty con				
Đầu tư vào MRTN	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573

Dưới đây là thông tin về các công ty con được hợp nhất (Thuyết minh 1) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt nam
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt nam
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	Tỉnh Thái Nguyên, Việt nam
Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck (“NPHCS”)	Tỉnh Thái Nguyên, Việt nam

NPHCS là công ty con của NPM. TNTI và NPM là các công ty con của MRTN. MRTN là công ty con của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn:

	Chi phí trước hoạt động	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	Tiền đóng góp cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên	Chi phí khai thác khoáng sản khác	Chi phí trả trước khác	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Số dư đầu năm	4.885.879	1.120.616.803	20.932.000	1.202.320.437	216.957	2.348.972.076
Tăng trong năm	-	-	-	164.102.929	25.481.252	189.584.181
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	-	-	10.028.653	35.487.008	45.515.661
Chuyển từ phải thu dài hạn	-	37.189.433	-	-	-	37.189.433
Điều chỉnh chi phí xây dựng cơ bản	-	(9.002.568)	-	-	-	(9.002.568)
Phân bổ trong năm	(2.791.931)	(67.497.089)	(18.932.000)	(72.555.739)	(9.622.012)	(171.398.771)
Số dư cuối năm	2.093.948	1.081.306.579	2.000.000	1.303.896.280	51.563.205	2.440.860.012

Tiền đóng góp cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên

Ngày 20 tháng 7 năm 2010, NPM đã ký thỏa thuận với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên, theo đó bắt đầu từ năm 2015 NPM cam kết đóng góp 1 triệu USD mỗi năm cho Kho bạc nhà nước Tỉnh Thái Nguyên trong thời hạn của Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Số tiền đóng góp sẽ được xem xét và điều chỉnh 5 năm một lần nhưng không tăng quá 15%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tập đoàn	1/1/2017	Số phải nộp	Số đã nộp/bù	31/12/2017
	Nghìn VND	trong năm	trừ trong năm	
		Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Thuế giá trị gia tăng	-	476.644.496	(476.644.496)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	162.182.426	(162.182.426)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.961.299	36.841.033	(14.478.165)	36.324.167
Thuế bảo vệ môi trường	-	5.357.048	(5.357.048)	-
Thuế thu nhập cá nhân	25.565.985	60.812.490	(51.565.364)	34.813.111
Thuế tài nguyên	-	562.204.005	(562.204.005)	-
Các loại thuế khác	3.943.619	40.854.483	(41.377.182)	3.420.920
	43.470.903	1.344.895.981	(1.313.808.686)	74.558.198

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền thưởng	50.729.204	17.555.938	-	-
Tiền lãi vay phải trả	314.419.346	313.650.461	-	-
Chi phí tài chính khác	2.264.974	452.055	-	-
Thuế và phí tài nguyên	145.839.605	230.260.525	-	-
Chi phí xây dựng phải trả	57.969.060	102.639.226	-	-
Phí tư vấn	1.126.242	9.032.311	-	-
Chi phí hoạt động	214.477.204	119.251.190	-	-
Chi phí phải trả khác	1.380.829	1.380.829	424.490	934.647
	788.206.464	794.222.535	424.490	934.647

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Ngắn hạn:				
Phải trả cho Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (“MH”) – công ty mẹ cấp cao				
Phi thương mại – ngắn hạn (a)	2.511.785	2.511.785	2.511.785	2.511.785
Phải trả cho NPM – công ty con				
Phi thương mại – ngắn hạn (a)	-	-	10.294.685	10.294.685
Phải trả khác cho các bên thứ ba				
Phải trả khác – ngắn hạn	1.407.393	28.663.460	100.000	26.449.448
	3.919.178	31.175.245	12.906.470	39.255.918

Dài hạn:

Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất

Chi phí tài chính – dài hạn (a)	1.124.123.839	1.124.123.839	541.074.175	541.074.175
---------------------------------	---------------	---------------	-------------	-------------

(a) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Tập đoàn

	1/1/2017		Biến động trong năm				31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Thanh toán	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Phân loại lại từ vay dài hạn	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	2.207.792.371	2.207.792.371	2.672.361.808	(2.464.859.317)	(18.163.536)	-	2.397.131.326	2.397.131.326
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b))	19.210.361	19.210.361	-	(16.271.187)	-	1.004.723.516	1.007.662.690	1.007.662.690
	2.227.002.732	2.227.002.732	2.672.361.808	(2.481.130.504)	(18.163.536)	1.004.723.516	3.404.794.016	3.404.794.016

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	USD	903.910.500	702.018.134	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	USD	321.343.941	129.399.631	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	VND	567.938.909	805.693.327	-	-
Khoản vay từ một nhà đầu tư của một công ty con (iii)	USD	603.937.976	570.681.279	-	-
		2.397.131.326	2.207.792.371	-	-

(i) Khoản vay bằng USD từ một bên liên quan chịu lãi suất từ 3,5% đến 4,67% một năm. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của NPM. Tại ngày báo cáo, các khoản vay này được đảm bảo bằng 100 triệu cổ phiếu của Công ty do Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan nắm giữ.

(ii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của NPM. Khoản vay bằng USD và VND chịu lãi suất tương ứng trong khoảng 4,5% đến 5,5% một năm và từ 6,8% đến 8% một năm.

(iii) Khoản vay bằng USD là khoản vay từ một nhà đầu tư của một công ty con. Khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất 6% một năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn (i)	8.966.563.605	8.916.802.303	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	9.026.327	25.297.514	-	-
	8.975.589.932	8.942.099.817	-	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh (a))	(1.007.662.690)	(19.210.361)	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	7.967.927.242	8.922.889.456	-	-

(i) Trái phiếu dài hạn

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tập đoàn	
			31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND (*)	2018	998.636.363	1.000.000.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND (**)	2020	7.967.927.242	7.916.802.303
			8.966.563.605	8.916.802.303

(*) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do TNTI phát hành có kỳ hạn 2 năm và chịu lãi suất 8% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 2,0%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được NPM sử dụng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với TNTI và được đảm bảo bằng 21,64% số cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan. Trái phiếu có đảm bảo này được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

(**) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 8% trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi ba tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được NPM sử dụng và được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của NPM. Số lượng phát hành trái phiếu có đảm bảo này được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2017			1/1/2017		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Nghìn VND	Tiền lãi thuê Nghìn VND	Nợ gốc Nghìn VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Nghìn VND	Tiền lãi thuê Nghìn VND	Nợ gốc Nghìn VND
Trong vòng 1 năm	9.398.868	372.541	9.026.327	21.930.692	2.720.331	19.210.361
Trong vòng 2 đến 5 năm	-	-	-	6.265.918	178.765	6.087.153
	9.398.868	372.541	9.026.327	28.196.610	2.899.096	25.297.514

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Chênh lệch tạm thời	14.686.791	-	-	-

(ii) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã ghi nhận

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất	643.914.399	675.071.953	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh các năm trước của một số đơn vị trong Tập đoàn, các khoản lỗ tính thuế này có thể được chuyển sang năm sau trong khoảng thời gian đến 5 năm:

	Số lỗ được khấu trừ	
	Tập đoàn Nghìn VND	Công ty Nghìn VND
Lỗ tính thuế lũy kế 5 năm	8.395.654	3.604.121
Trong đó:		
Đã quyết toán với cơ quan thuế	4.194.763	-
Chưa quyết toán – tùy thuộc kết quả kiểm tra của cơ quan thuế (*)	4.200.891	3.604.121
	8.395.654	3.604.121

(*) Khoản lỗ tính thuế này có thể có thay đổi tùy thuộc kết quả kiểm tra và thanh tra của cơ quan thuế.

20. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

Tập đoàn:

	Khôi phục hiện trường Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	22.603.191	561.742.091	584.345.282
Dự phòng lập trong năm	1.740.446	41.606.847	43.347.293
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(102.897.296)	(102.897.296)
Số dư cuối năm	24.343.637	500.451.642	524.795.279

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Tập đoàn:

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Vốn khác của chủ sở hữu Nghìn VND	Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.441.963.692	11.285.080.949	310.053.460	11.595.134.409
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	109.841.024	109.841.024	5.504.850	115.345.874
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.551.804.716	11.394.921.973	315.558.310	11.710.480.283
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	205.914.056	205.914.056	95.211.708	301.125.764
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.757.718.772	11.600.836.029	410.770.018	12.011.606.047

Công ty:

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.194.473.280	1.944.327.324	222.688.093	9.361.488.697
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	82.292.545	82.292.545
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.194.473.280	1.944.327.324	304.980.638	9.443.781.242
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	11.265	11.265
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	7.194.473.280	1.944.327.324	304.991.903	9.443.792.507

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	1/1/2017 Số cổ phiếu	và 31/12/2017 Nghìn VND
Vốn cổ phần được duyệt	719.447.328	7.194.473.280
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	703.544.898	7.035.448.980
Cổ phiếu ưu đãi	15.902.430	159.024.300
	719.447.328	7.194.473.280
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	703.544.898	7.035.448.980
Cổ phiếu ưu đãi	15.902.430	159.024.300
	719.447.328	7.194.473.280
Thặng dư vốn cổ phần	-	1.944.327.324

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cổ phiếu ưu đãi có mệnh giá 10.000 VND và bắt buộc phải chuyển đổi thành một số lượng cố định cổ phiếu phổ thông khi kết thúc thời hạn của thỏa thuận cổ phiếu ưu đãi hoặc khi phát sinh các sự kiện nguyên nhân quy định trong thỏa thuận. Các cổ phiếu ưu đãi cũng cho phép bên nắm giữ được quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ đông phổ thông tương ứng với tỷ lệ cổ phần nắm giữ ngoài khoản cổ tức cố định trả bằng tiền với mức 3% một năm tính trên vốn gốc trong năm đầu tiên và 10% một năm tính trên vốn gốc trong thời gian còn lại tính đến ngày 25 tháng 1 năm 2017.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, cổ phiếu ưu đãi chưa được phân loại lại và cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

Tập đoàn:	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	2.767.589	62.713.581	22.288.147	506.386.696

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn:	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	9.577.438	9.577.438

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

Tập đoàn:	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	4.676.153	135.029.650
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	267.822.247	52.252.650
	272.498.400	187.282.300

(d) Điều chỉnh giá bán chính thức

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(q), Tập đoàn có các cam kết sau theo các hợp đồng mua bán nhằm điều chỉnh giá bán sản phẩm dựa trên giá thị trường niêm yết trong tương lai tại London Metal Bulletin (“LMB”) tại ngày định giá chính thức đã thỏa thuận. Doanh thu sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu tại ngày giao dịch. Doanh thu sẽ được điều chỉnh tại ngày định giá chính thức sau ngày kết thúc kỳ kế toán này. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán là thay đổi trong ước tính do thiếu cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá thị trường niêm yết trong tương lai tại LMB tại ngày thực hiện giao dịch.

Tổng doanh thu tính theo giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã ghi nhận trên cơ sở ước tính sơ bộ là 65 tỷ VND (2016: 112 tỷ VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu của Tập đoàn thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2017	2016	2017	2016
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Lãi từ hoạt động tài chính	9.505.661	2.314.252	14.265	2.516
Lãi chênh lệch tỷ giá	31.244.195	33.633.062	-	-
Nợ đã đối trừ với một công ty liên quan	-	185.000.000	-	85.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.249.736	99.244	-	-
	41.999.592	221.046.558	14.265	85.002.516

26. Chi phí tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2017	2016	2017	2016
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	1.012.994.177	844.510.670	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	29.937.581	45.920.881	-	-
Chi phí tài chính khác	94.992.260	76.429.071	-	-
	1.137.924.018	966.860.622	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2017	2016	2017	2016
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Chi phí thuế hiện hành				
Năm hiện hành	36.841.033	14.320.441	-	-
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại				
Hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(45.844.345)	(29.101.561)	-	-
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.003.312)	(14.781.120)	-	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2017	2016	2017	2016
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Lợi nhuận trước thuế	292.122.452	100.564.754	11.265	82.292.545
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	58.424.490	20.112.951	2.253	16.458.509
Chi phí không được khấu trừ thuế	9.351.549	6.123.679	-	588
Ưu đãi thuế	(48.822.813)	(18.800.157)	-	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(33.625.258)	(6.776.723)	-	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	(9.151.359)	(26.788.428)	(2.253)	(16.459.097)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	37.589	54.755	-	-
Biến động chênh lệch tạm thời	14.782.490	11.292.803	-	-
	(9.003.312)	(14.781.120)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo quy định hiện hành. Một số công ty con của Công ty được hưởng các ưu đãi thuế đáng kể như sau:

- Ngày 25 tháng 3 năm 2015, một công ty con của Công ty được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao. Do đó công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2029). Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2019-2027).
- Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành, một công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đối với các sản phẩm khoáng sản không phải vàng trong 12 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh (2014-2025) và 28% cho các năm sau. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014-2016) và giảm 50% thuế thu nhập trong 8 năm tiếp theo (2017-2024).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể khiến cho rủi ro về thuế tại Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc tin rằng, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế Việt Nam, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông là 201.363 triệu VND (2016: 107.413 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 703.544.898 cổ phiếu (2016: 703.544.898 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông

	2017	2016
	Nghìn VND	Nghìn VND
Lợi nhuận thuần thuộc về:		
Cổ đông ưu đãi	4.551.457	2.427.890
Cổ đông phổ thông	201.362.599	107.413.134
	205.914.056	109.841.024

(b) Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền

	2017	2016
Số lượng cổ phiếu đã phát hành đầu năm và cuối năm	719,447,328	719.447.328
Trong đó:		
Cổ phiếu ưu đãi	15.902.430	15.902.430
Cổ phiếu phổ thông	703.544.898	703.544.898

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Tập đoàn và Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Tập đoàn:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Nợ đã đối trừ với NPM	-	324.000.000
	Nợ đã đối trừ với MSR	-	85.000.000
	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả	-	22.200.000
Công ty mẹ cấp trung			
Masan Horizon Corporation	Thu tiền bán khoản phải thu tiền bồi thường thông qua đối trừ nợ với NPM	-	224.000.000
	Thu tiền bán khoản phải thu tiền bồi thường của NPM	-	22.200.000
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (*)	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	93.871.473	127.732.924
	Khoản vay nhận được	1.194.606.629	1.602.550.679
	Khoản vay đã trả	977.695.578	3.027.719.261
	Nhận tiền thu từ trái phiếu	-	1.000.000.000
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (**)	23.444.644	18.727.458

(*) Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn và Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(**) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Đối trừ công nợ	-	85.000.000
Các công ty con			
Công ty TNHH MTV Tài nguyên Masan Thái Nguyên	Doanh thu tài chính nhận được	-	36.711.320
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Doanh thu tài chính nhận được	28.249.448	18.288.680

30. Nghĩa vụ tiềm tàng

Trong năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn tất cuộc thanh tra về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, khoáng sản, đất đai và tài nguyên nước đối với một công ty con của Tập đoàn và theo đó đã ban hành bản Kết luận Thanh tra. Bản Kết luận Thanh tra này đã chỉ ra một số điểm cần khắc phục liên quan đến những vấn đề thanh tra nêu trên và yêu cầu một số sửa đổi đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của công ty con này. Ngoài khoản phạt vi phạm hành chính không trọng yếu, công ty con không có khoản phạt nào khác liên quan đến môi trường.

Cho đến ngày phát hành báo cáo tài chính này, công ty con của Tập đoàn đã có những trao đổi tích cực với Bộ Tài nguyên và Môi trường về các biện pháp khắc phục, phương án sửa đổi và tính khả thi của các sửa đổi này. Kết quả cuối cùng về các nội dung sửa đổi phụ thuộc vào quá trình làm việc cũng như sự phê duyệt của các cơ quan chức năng liên quan, vì vậy Tập đoàn chưa có ước tính đáng tin cậy về ảnh hưởng tài chính của những sửa đổi này. Do đó, không có khoản dự phòng nào được ghi nhận trong báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Tập đoàn		Công ty	
	2017	2016	2017	2016
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Chuyển lãi vay phải trả thành khoản vay	34.097.152	32.967.256	-	-
Chi phí khấu hao và phân bổ được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	-	4.716.241	-	-

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Nikhil Kamran
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc



KHUYẾN CÁO ĐỐI VỚI CÁC NHẬN ĐỊNH VỀ TƯƠNG LAI

Báo cáo này chứa đựng những thông tin có thể bao hàm những “nhận định về tương lai”. Nói chung, các từ ngữ “tin tưởng”, “kỳ vọng”, “dự định”, “nhắm đến”, “ước tính”, “dự kiến”, “dự phóng”, “sẽ” và những từ ngữ tương tự xác định các nhận định về tương lai, mà nhìn chung không phải là các sự kiện đã xảy ra thực tế. Tuy nhiên, việc một nhận định không có các từ ngữ này hoặc các từ ngữ tương tự không có nghĩa là nhận định đó không phải là nhận định về tương lai. Toàn bộ các nhận định về kết quả hoạt động, các sự kiện hoặc sự phát triển mà chúng tôi kỳ vọng hoặc dự kiến sẽ xảy ra trong tương lai – bao gồm các nhận định về mức độ tăng trưởng, thị phần bán hàng và lợi nhuận trên mức độ tăng trưởng thị phần, và các nhận định về quan điểm chung đối với kết quả hoạt động trong tương lai – là những nhận định về tương lai.

Ban điều hành tin rằng những nhận định về tương lai là hợp lý tại thời điểm được đưa ra. Tuy nhiên các nhà đầu tư cần lưu ý không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhận định về tương lai nào trong báo cáo này bởi vì các nhận định về tương lai này được đề cập vào ngày lập báo cáo. Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan không có bất kỳ nghĩa vụ nào phải cập nhật hoặc sửa đổi công khai đối với bất kỳ nhận định nào, cho dù có xuất hiện những thông tin mới, những sự kiện tương lai hoặc bất kỳ diễn biến nào khác, ngoại trừ trường hợp theo yêu cầu của pháp luật. Ngoài ra, những nhận định về tương lai còn tùy thuộc vào nhiều rủi ro và những bất trắc có thể khiến kết quả được kiểm toán hoàn toàn khác biệt so với những kết quả trước đây của Công ty và những kỳ vọng hoặc mong đợi hiện tại của chúng tôi. Những rủi ro này bao gồm các rủi ro về định giá sản phẩm và giá bán của Công ty đối với Vonfram, Đồng, Florit và Bismut được xác định bởi, hoặc có liên quan đến giá cả trên thị trường thế giới, mà đã từng xảy ra biến động lớn. Sự biến động về giá sản phẩm có thể xảy ra do các thay đổi về giá từ các yếu tố kinh tế và địa chính trị toàn cầu, nhu cầu của ngành công nghiệp, nguồn cung tăng do sự phát triển của các nguồn tài nguyên hữu ích mới, thay đổi công nghệ, sản phẩm thay thế và các khoản thuế của nhà nước. Sự biến động về tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu tiềm ẩn tác động bất lợi đến nhu cầu và giá cả hàng hóa trong tương lai. Điều này cũng tiềm ẩn tác động tiêu cực đến lợi nhuận và dòng tiền trong tương lai. Những rủi ro và bất trắc này bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, những nội dung được đề cập tại các phần khác của báo cáo này và những nội dung được đề cập tại từng thời điểm trong các báo cáo tương lai của chúng tôi được nộp cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Báo cáo này không được phát hành tại Hoa Kỳ. Báo cáo này và các thông tin chứa đựng trong báo cáo này không phải là một bản chào bán chứng khoán tại Hoa Kỳ. Chứng khoán có thể không được phép chào bán tại Hoa Kỳ nếu không đăng ký theo Luật Chứng khoán năm 1933 của Hoa Kỳ, như được sửa đổi, hoặc không được miễn đăng ký. Bất kỳ việc chào bán công khai nào đối với chứng khoán tại Hoa Kỳ sẽ phải được thực hiện bằng bản cáo bạch mà có thể được cung cấp bởi tổ chức phát hành chứng khoán hoặc người nắm giữ các chứng khoán được chào bán và sẽ có các thông tin chi tiết về công ty và ban điều hành công ty cũng như báo cáo tài chính.

CÁC TỪ VIẾT TẮT/ĐỊNH NGHĨA

APT	Muối kết tinh Amoni Vonframmat
AGM	Hội nghị Thường niên
APEC	Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương
BAH	Người bị ảnh hưởng bởi Dự án
BKS	Ban Kiểm soát của Công ty
Bộ KHCN	Bộ Khoa học và Công nghệ
Bộ TNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BSF	Tuyển nổi sunfua khối lớn
BTO	Oxit Vonfram xanh
CB-CNV	Cán bộ - Công nhân viên
Cổ phiếu	Cổ phiếu được phát hành và đang lưu hành của Công ty tại từng thời điểm
Công ty hoặc MSR hoặc Masan Resources	Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
CSMT	Phòng Cảnh sát Môi trường (Thái Nguyên)
CPEP	Dự án Bảo vệ Khí hậu thông qua trồng cây Năng lượng
CSR	Trách nhiệm xã hội
Dự án Núi Pháo	Dự án Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 17121000026 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/07/2010 (điều chỉnh bổ sung theo từng thời điểm)
EATC	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích Môi trường
EBITDA	Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao
EIA	Đánh giá tác động môi trường
EPS	Lợi nhuận (thu nhập) trên mỗi cổ phiếu
FPR	Sản phẩm gia công
JSA	Phân tích An toàn Công việc
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GHG	Khí thải gây hiệu ứng nhà kính
HA	Nhận thức Mối nguy
Hội đồng Quản trị hoặc HĐQT	Hội đồng Quản trị của Công ty

H.C. Starck	Công ty H.C.Starck	VAS	Tiêu chuẩn Kế toán Việt Nam
HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
ICMM	Hội đồng Khoáng sản và Kim loại Quốc tế	VietGAP	Chứng chỉ về Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam
IFC	Tổ chức Tài chính Quốc tế	VND	Đơn vị tiền tệ của Nước CHXHCN Việt Nam
IMF	Quỹ Tiền tệ quốc tế	VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
IT	Công nghệ thông tin	YTO	Oxit Vonfram Vàng
ITIA	Hiệp hội Công nghiệp Vonfram Quốc tế	WWTP	Trạm xử lý nước thải
LCD	Màn hình tinh thể lỏng		
Liên doanh	Công ty Liên doanh giữa Công ty Núi Pháo và H.C.Starck		
Luật Doanh nghiệp	Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014		
OPEC	Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ		
Masan Group	MSN và các công ty con		
MTF	Phái đoàn Đặc trách về Khai khoáng APEC		
mtu	tấn		
MSC	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
NAWAPI	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra Tài nguyên Nước Quốc gia (Bộ Tài Nguyên và Môi trường)		
NHTCM	Công ty TNHH tinh luyện Vonfram Núi Pháo Núi Pháo – H.C. Starck		
OTC	Đập chứa đuôi quặng oxit		
R&D	Nghiên cứu và Phát triển		
Sở KHCN	Sở Khoa học & Công nghệ		
SCM	Quản lý chuỗi cung ứng		
STC	Đập chứa đuôi quặng sulphua		
TNTI	Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên		
TRIF	Tỷ lệ tổng tai nạn được ghi nhận		
TSF	Khu chứa quặng đuôi		
UB	Ủy ban		
UBND	Ủy ban Nhân dân		
UPCOM	Thị trường giao dịch cổ phiếu của Công ty đại chúng chưa niêm yết		
USD or US\$ or \$	Đơn vị tiền tệ của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ		

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 6256 3862
Fax : +84 28 3827 4115

Văn phòng đại diện
Tầng 15, tòa tháp Quốc tế Hòa Bình,
106 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy,
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 3718 2490
Fax : +84 24 3718 2491